Bài 1

Kết quả cần đạt

Cảm nhận và thấm thía những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng của cha mẹ đối với con cái; thấy được ý nghĩa lớn lao của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.

Nắm được cấu tạo và ý nghĩa của các loại từ ghép.

Hiểu rõ về liên kết văn bản, một trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản.

VĂN BẢN

CỔNG TRƯỜNG MỞ RA

Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia, còn xa vời lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Còn bây giờ giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một ly sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của con tựa như nghiên trên gối mềm, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.

Con là một đứa trẻ nhạy cảm (1) cứ mỗi lần, vào đêm trước ngày sắp đi chơi xa, con lại háo hức (2) đến nỗi lên giường mà không sao nằm yên được. Nhưng mẹ chỉ dỗ một lát là con ngủ. Đêm nay con cũng có niềm háo hức như vậy. Ngày mai con vào lớp Một. Việc chuẩn bị quần áo mới, giầy nón (3) mới, cặp sách mới, tập vở mới, mọi thứ đã sẵn sàng khiến con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường. Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con có mối bận tâm (4) nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dậy cho kịp giờ.

Mẹ đắp mền (5) ho con, buông mùng ém góc (6) cẩn thận, rồi bỗng không biết làm gì nữa. Mọi ngày, khi con ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. Mẹ lượm những chiếc thiết giáp (7) dưới gầm ghế, cạnh chân bàn, những chú rô-bốt (8)

bằng nhựa đứng ngồi khắp nơi, và giữa nhà là đoàn quân thú dàn trận trong cuộc chiến tranh Sư Tử - Khủng Long mà ngày nào con cũng bày ra. Căn nhà mình chỉ tạm ngăn nắp, gọn gàng từ khi con ngủ cho đến sáng hôm sau.

Nhưng hôm nay tất cả những việc đó con đã giúp mẹ làm từ chiều. Mẹ nói: “Ngày mai con đi học, là cậu học sinh lớp Một rồi”. Nghe vậy con cũng hăng hái tranh với mẹ dọn dẹp đồ chơi.

Mẹ thường nhân lúc con ngủ mà làm vài việc riêng của mình. Nhưng hôm nay mẹ không tập trung được vào việc gì cả. Mẹ cũng không định làm những việc ấy tối nay. Nhìn con ngủ một lát, rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con. Mẹ tự bảo mình cũng nên đi ngủ sớm.

Mẹ lên giường và nằm trằn trọc. Con đã đi học từ ba năm trước, hồi mới ba tuổi vào lớp Mẫu giáo, đã biết thế nào là trường, lớp, thầy, bạn. Ngay cả ngôi trường mới, con cũng đã tập làm quen từ những ngày hè. Tuần lễ trước ngày khai giảng, con đã làm quen với bạn bè và cô giáo mới, đã tập xếp hàng, tập đi, tập đứng, để chuẩn bị cho buổi lễ khai trường long trọng này. Mẹ tin là con sẽ không bỡ ngỡ trong ngày đầu năm học.

Thực sự mẹ không, lo lắng đến nỗi không ngủ được. Mẹ tin đứa con của mẹ lớn rồi. Mẹ tin vào sự chuẩn bị rất chu đáo cho con trước ngày khai trường. Còn điều gì để lo lắng nữa đâu! Mẹ không lo, nhưng vẫn không ngủ được. Cú nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc trầm bỏng: “Hằng năm cứ vào cuối thu… Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp”.

Cái ấn tượng khắc sâu mãi mãi trong lòng một con người về cái ngày” hôm nay tôi đi học” ấy, mẹ muốn nhẹ nhàng, cẩn thận và tự nhiên ghi vào lòng con. Để rồi bất cứ một ngày nào đó trong đời, khi nhớ lại thì lòng con rạo rực lên những cảm xúc bâng khuân, ao xuyến. Ngày mẹ còn nhỏ, mùa hè nhà trường đóng cửa hoàn toàn, và ngày khai trường là ngày đầu tiên học trò lớp Một đến trường gặp thầy mới bạn mới. Mẹ còn nhớ sự nôn nao, hồi hợp khi cùng bà ngoại đi tới gần ngôi trường và nỗi chơi vơi hốt hoảng khi cổng trường đóng lại, bà ngoại đứng ngoài cánh cổng như đứng bên ngoài cái thế giới mà mẹ vừa bước vào.

Mẹ nghe nói ở Nhật, ngày khai trường là ngày lễ của toàn xã hội. Người lớn nghỉ việc để đưa trẻ con đến trường, đường phố dọn quang đãng và trang trí tươi vui. Tất cả quan chức nhà nước vào buổi sáng ngày khai trường đều chia nhau đến dự khai giảng ở khắp các trường học lớn nhỏ. Bằng hành động đó, họ muốn cam kết rằng, không có ưu tiên nào lớn hơn ưu tiên giáo dục thế hệ tr3 cho tương lai. Các quan chức không chỉ ngồi trên hàng ghế danh dự mà nhân dịp này còn xem xét ngôi trường, gặp dỡ Ban Giám hiệu, thầy, cô giáo và phụ huynh học sinh, để điều chỉnh kịp thời những chính sách về giáo dục. Ai cũng biết rằng mỗi sai lầm trong giáo dục sẽ ảnh hưởng đến cả một thế hệ mai sau, và sai lầm một ly có thể đưa thế hệ ấy đi chệch cả hàng dặm (9) sau này.

Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con. Mẹ s4 đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua những cánh cổng, rồi buông tay mà nói: “Đi đi con, hãy can đảm (10) lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kỳ diệu sẽ mở ra”.

(Theo Lí Lan, báo Yêu trẻ số 166, ngày 1-9-2000).

Chú thích

1. Nhạy cảm: cảm nhận rất nhanh và tinh bằng các giác quan, bằng cảm tính.
2. ở trạng thái tình cảm vui, phấn khởi khi nghĩ đến một điều hay và nóng lòng muốn làm ngay điều đó.
3. Nón (từ địa phương): ở đây chỉ mũ.
4. Bận tâm: đang có điều phải suy nghĩ, lo lắng, không yên lòng.
5. Mền (từ địa phương): chăn đắp.
6. Mùng (từ dịa phương): màn; ém góc (từ địa phương): giắt màn xuống dưới các góc chiếu.
7. Xe thiết giáp: xe bọc thép (thiết: sắt, giáp: vỏ bọc ngoài một số loải động vật; áo có vật lót cứng bằng da hoặc sắt, … của ngươi xưa mặc ra trận).
8. Rô-bốt: người máy.
9. Dặm (đơn vị cũ đo độ dài của Việt nam): bằng 444,44 mét. Ở đây tượng trưng cho quãng đường dài.
10. Can đảm: có tinh thần mạnh mẽ, không sợ gian khổ hay nguy hiểm, khó khăn.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Sau khi dọc, hãy tóm tắt nội dung của văn bản *Cổng trường mở ra* bằng một vài câu ngắn gọn. (Trả lời câu hỏi: tác giả viết về cái gì, việc gì ?)
2. Đêm trước ngày khai trường, tâm trạng của người mẹ và đứa con có gì khác nhau ? Điều đó được thể hiện ở chi tiết nào trong bài?
3. Theo em, tại sao người mẹ lại không ngủ được? Chi tiết nào chứng tỏ ngày khi trường đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn người mẹ?
4. \*Có phải người mẹ đang nói trược tiếp với con không ?Theo em, người mẹ đang tâm sự với ai? Các viết này có tác dụng gì?
5. Câu văn nào trong bài nói lên tầm quan trọng của nhà trường đối với thế hệ trẻ ?
6. Người mẹ nói “… bước qua cánh cổng nhà trường là một thế giới kỳ diệu sẽ mở ra.”. Đã bảy năm bước qua cánh cổng trường, bây giờ em *hiểu thế giới kỳ diệu* đó là gì ?

Ghi nhớ

Như những dòng nhật ký tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng, bài văn giúp ta hiểu thêm tấm lòng thương yêu, tình cảm sâu năng của người mẹ điố với con cái và vai trò của nhà trường đối với cuộc sống mỗi người.

LUYỆN TẬP

1. Một bạn cho rằng, có rất nhiều ngày khai trường, nhưng ngày khai trường để vào lớp Một là bgay2 có dấu ấn sâu đậm nhất trong tâm hồn mỗi con người. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao ?
2. Em hãy nhớ lại và viết thành đoạn văn về một kỷ niệm đáng nhớ nhất trong ngày khai trường đầu tiên cảu mình.

ĐỌC THÊM

TRƯỜNG HỌC

En-ri-cô yêu dấu của bố! Việc học quả là khó nhọc đới với con. Như mẹ đã nói, con vẫn chưa đến trường với thái độ hăm hở và vẻ mặt tươi cười. Nhưng con hãy nghỉ xem, một ngày sẽ trống trải biết bao nếu con không đến trường. Và chắc chắn chỉ một tuần lễ thôi, thế nào con cũng xin trở lại lớp học. hiện tất cả thiêu niên đều đi học, En-ri-cô yêu dấu ạ. Con hãy nghĩ đến những người thợ, tối tối vẫn đến trường khi đã lao động vất vả suốt ngày; hãy nghĩ đến những cô gái đã đi học ngày chủ nhật vì cả tuần lễ phại bận rộn trong các xưởng thợ, đến những người lính ở thao trường trở về là đã viết đã viết viết, đọc đọc. Con hãy nghỉ đến những cậu bé câm và mù mà vẫn phải đi học[...]. Con hãy nghỉ đến tất cả trẻ em trên thế giới gần như cùng một lúc cũng đang đi học [...] Con hãy tưởng tượng số đông như kiến của hàng trăm dân tộc khác nhay ấy, cái phong trào cực kì rộng lớn mà họ tham gia và hãy tự nhủ rằng: “Nếu phong trào ấy mà ngừng thì nhân loại sẽ chìm đắm trở lại cảnh dã man. Phong trào ấy là sự tiến bộ, là nhưng niềm hy vọng, là vinh quang của thế giới”. Hãy can đảm lên con người lính nhỏ của đạo quân mênh mông ấy. Sách vở là vữ khí của con, lớp học là đơn vị của con, trân địa là cà hoàn cầu và chiến thắng là nên văn minh nhân loại. Ôi, không bao giờ con lại là một người lính nhát gan, phải không En-ri-cô của bố.

(Theo Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, Những tấm lòng cao cả, Hoang Thiếu Sơn dịch, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1999).

VĂN BẢN

MẸ TÔI

Thứ năm, ngày 10 tháng 11

Bố đế ý là sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, khi nói chuyên với mẹ, tôi có nhỡ thốt ra vài điều thiếu lễ độ (1). Để cảnh cáo (2) tôi, bố đã viết thư này. Đọc xong thư tôi xúc động vô cùng.

“Trước mặt cô giáo, con đã thiếu lễ độ với me. Việc như thế không bao giờ con được tái phạm nữa. En-ri-cô của bố ạ! Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy! bố nhớ, cách đây mấy năm, mẹ đã fải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển (3) của con, quằn quại (4) vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thế mất con!... Nhớ lại điều ấy, bố không thể nén được cơn tức giận đối với con. Hãy nghĩ xem, En-ri-cô à! Con mà lại xúc phạm đến mẹ con ư ? Người mẹ đã sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hy sinh tính mạng để cứu sống con!

Hãy nghĩ kỹ điều này, En-ri-cô ạ: Trong đời, con có thể trải qua những ngày tháng buồn thảm, nhưng ngày buồn thảm nhất tất sẽ là ngày ma con mất mẹ.

Khi đã khôn lớn, trưởng thành (5), khi các cuộc đấu tranh đã tôi luyện con thành người dũng cảm, có thể lúc nào đó con sẽ mong ước thiết tha được nghe lại tiếng nói của mẹ, được mẹ dang tay ra đón vào lòng. Dù có khôn lớn, khoẻ manh thế nào đi chăng nữa, con vẫn sẽ tự thấy mình chỉ là một đứa trẻ tội nghiệp, yếu đuối và không được chở che. Con sẽ cay đắng khi nhớ lại những lúc đã làm cho mẹ đau lòng… Con không thể sống thanh thản, nếu đã làm mẹ buồn phiền. Dù có hối hận (6), có cầu xin linh hồn mẹ tha thứ… tất cả cũng chỉ vô ích mà thôi. Lương tâm (7) con sẽ không một chút yên tĩnh. Hình ảnh dịu dàng và hiền hậu của mẹ sẽ làm tâm hồn con như bị khổ hình (8). En-ri-cô này! Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chá đạp lên tình thương yêu đó.

Từ nay, không bao giờ con được thốt ra một lời nói nặng với mẹ. Con phải xin lỗi mẹ, không phải vì sợ bố, mà do sự thành khẩn trong long. Con hãy cầu xin mẹ hôn con, để cho chiếc hôn ấy xoá đi cái dấu vết vong ân bội nghĩa (9) trên trán con. Bố rất yêu con, En-ri-cô ạ, con là niềm hi vọng, tha thiết nhất của đời bố, nhưng thà rằng bố không có con, còn hơn là thấy con bội bạc (10) với me. Thôi, trong một thời gian con đừng hôn bố: bố sẽ không thẻ vui lòng đáp lại cái hôn của con được.

Bố của con

(Ét-môn-đô đo A-mi-xi (\*), Những tấm lòng cao cả, Sđđ)

Chú thích

(\*) Ét-môn-đô đơ A-mi-xi (1846 – 1908), nhà văn I-ta-li-a (Ý), tác giả của các cuốn sách: Cuộc đời của các chiến binh (Tập truyện ngắn, 1868), Những tấm lòng cao cả (truyện thiếu nhi, 1886), Cuốn truyện của người thầy (1980), Giữa trường và nhà (tập truyện ngắn, 1982)..

(1) Lễ độ: thái độ được coi là đúng mực, biết coi trọng người khác khi giao tiếp.

(2) Cảnh cáo: phê phán một cánh nghiệm khắc đối với những việc làm sai trái.

(3) Hơi thở hổn hển: hơi thở mạnh, ngắt quãng khó khăn, mệt nhọc.

(4) Quằn quại: chỉ tình trạng đau đớn, vật vã của cơ thể. Ở đây chỉ trình trạng thái tình cảm đau đớn tột độ khi trong lòng có nỗi lo âu buồn bã.

(5) Trưởng thành: đã trở thành người lớn.

(6) Hối hận: lấy làm tiếc và day dứt đau đớn, tự trách mình khi nhận ra đẫ làm điều gì đó sai lầm.

(7) Lương tâm: chỉ yếu tố tinh thần giúp bản thân nhận ra cái đúng, cái sai về đạo đức để có thể tự điều chỉnh việc làm của mình (lương: tốt, lành;tâm:trái tim).

(8) Khổ hình: hình phạt nặng nề, khổ sở về thể xác.

(9) Vong ân bội nghĩa: quên ơn (vong ân), trái với đạo nghĩa (bội nghĩa).

(10) Bội bạc: phản lại người tốt, người đã từng giúp đỡ mình.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

* 1. Văn bản là một bức thư của người bố gửi cho con, nhưng tại sao tác giả lại lấy làm nhan đề là “Mẹ tôi”?
  2. Thái độ của người bố đối với En-ri-cô là thái d8ộ như thế nào ? Dựa vào đâu mà em biết được ? Lý do gì đã khiến ông có thái độ ấy ?
  3. Trong truyện có những hình ảnh, chi tiết nào nói về người mẹ của En-ri-cô ? Qua đó em hiểu được mẹ của En-ri-cô là người như thế nào ?
  4. Theo em, điều gì đã khiến En-ri-cô” xúc động vô cùng kh đọc lá thư của bố? Hãy tìm hiểu và lựa chọn những lí do mà em cho là đúng trong các lí dao sau.

a) Vì bố gợi lại những kỷ niệm giữa mẹ và En-ri-cô.

b) Vì En-ri-cô sợ bố.

c) Vì thái độ kiên quyết và nghiêm khắc của bó. E) vì những lời nói rất chân tình và sâu lắng của bố.

e) vì En-ri-cọ thấy xấu hổ.

Ngoài những lý do trên, có còn lý nào nào khác khônh?

Ghi Nhớ

“Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tính cả thiêng liệng hơn cả. Thất đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình thương yêu đó” (A-mi-xi)

LUYỆN TẬP.

1. Hãy chọn một đoạn trong thư của bố En-ri-cô có nội dung thể hiện vai trò vô cùng lớn lao của người mẹ đối với con và học thuộc đoạn đó.
2. Hãy kể lại một sự việc em đã lỡ gây ra khiến bố, mẹ buồn phiền.

ĐỌC THÊM

THƯ GỬI MẸ

Con thường sống ngẩn cao đầu mẹ ạ

Tính tình con hơi nang bướng kiêu kì

Nếu có vị chúa nào nhìn con vào mắt

Con chẳng bao giờ cúi mặt trước uy nghi

Nhưng mẹ ơi con xin thú thật

Trái tim con dù kiêu hãnh thế nào

Đứng trước mẹ diệu dàng, chân chất

Con thấy mình bé nhỏ làm sao.

(Hen-rích Hai-nơ, Tế Hanh dịch)

VÌ SAO HOA CÚC CÓ NHIỀU CÁNH NHỎ

Ngày xưa có một em bé gái đi tìm thuốc chữa bệnh cho mẹ. Em được Phất trao cho một bông cúc. Sau khi dặn em cách làm thuốc cho me, Phật nói thêm: “Hoa cúc có bao nhiêu cánh, người mẹ sẽ sống thêm bấy nhiêu năm.” Vì muốn mẹ sống thật lâu, cô bé dừng lại bên đường tước cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ. Từ đó hoa cúc có rất nhiều cánh… Ngày nay cúc vẫn dùng chữa bệnh. Td6n y học của cúc là Liêu chi.

(Theo Người mẹ và phái đẹp, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1990)

TỪ GHÉP

I – CÁC LOẠI TỪ GHÉP

1. Trong các từ ghép bà ngoại, thơm phức ở nhhững ví dụ sau, tiếng nàp là tiếng chính, tiếng nào là tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính? Em có nhận xét gì về trật tự của các tiếng trong những từ ấy ?
   * Mẹ còn nhớ sự nôn nao, hồi hợp khi cùng bà ngoại khi tới gần ngôi trường và nỗi chơi vơi hốt hoảng khi cổng trường đóng lại[… ].

(Lý Lan)

* + Cốm không phải quà của người vội: ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ một lúc. Lúc bấy giờ mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ[...].

(Thạch Lam)

1. Các tiếng trong hai từ ghép quấn áo, trầm bổng ở những ví dụ sao (trích từ văn bảng Cổng trường mở ra) có phân ra tiếng chính, tiếng phụ hay không ?
   * Việc chuẩn bị quần áo mới, giầy nón mới, cặp sách mới, tập vở mới, mọi thứ đâu đó đã sẵn sàng, khiến con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường.
   * Mẹ không lo, nhưng vẫn không ngủ được. Cú nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc bài trầm bổng[...].

Ghi nhớ

* + Từ ghép có hai loại: từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.
  + Từ ghép chính phụ có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.
  + Từ ghép đẳng lập có cá tiếng bình đẳng ve82 mặt ngữ pháp (Không phân ra tiếng chính, tiếng phụ).

II – NGHĨA CỦA TỪ GHÉP

1. So sánh nghĩa của từ bà ngoại với nghĩa của bà, từ thơm phức với nghĩa của thơm, em thấy có gì khác nhau ?
2. So sánh nghĩa của từ quần áo với nghĩa của mỗi tiếng quần, áo; nghĩa của từ trầm bổng với nghĩa của mỗi tiếng trâm, bổng, em thấy có gì khác nhau ?

Ghi nhớ

-Từ ghép chính phụh có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.

-Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghãi của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tao nên nó.

III - LUYỆN TÂP

1. Xếp các từ ghép suy nghĩ, lâu đời, xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, đầu đuôi, nụ cười theo bảng phân loại sau đây:

|  |  |
| --- | --- |
| Từ ghép chính phụ |  |
| Từ ghép đẳng lập |  |

1. Điền (a) thêm tiếng vào sau các tiếng dưới đây để tạo nên từ ghép chính phụ:

Bút… ăn….

thước… trắng…

mưa … vui…

làm… nhát…

1. Điền thêm tiếng vào sau các tiếng dưới đây để tạo từ ghép đẳng lập:

Núi:

+… ….

+… ….

mặt:

+… ….

+… ….

Ham:

+… ….

+… ….

học:

+… ….

+… ….

Xinh:

+… ….

+… ….

Tươi:

+… ….

+… ….

1. Tại sao cỏ thể nói một cuốn sách, một cuốn vở mà không thể nói một cuốn sách vở ?
2. a) Có phải mọi thứ hoa có màu hổng đều gọi là hoa hồng không ?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(a) các dạng bài tập điền chữ cái, dấu thanh, tiếng, từ, cụm từ, … vào chỗ trống, ở trong Ngữ văn 7, học sinh chép lại và làm vào vở bài tập.

b) Em Nam nói: “Cái áo dài của chị em ngắn quá! “nói như thế có đúng hay không ? Tại sao ?

c) Có phải mọi loại cà chua đều chua không ? Nói: “Quả cà chua này ngọt quá!” có được hay không ? Tại Sao ?

d) Có phải mọi loại cá đều là cá vàng không ? Cá vàng là loại cá như thế nào ?

1. So sánh nghĩa của các từ ghép mát tay, nóng lòng, gang thép (Anh ấy là một chiến sỹ gan thép), tay chân (một tay chân thân tín) với nghĩa của các tiếng tạo nên chúng.
2. \* Thử phân tích cấu tạo của những từ ghép có ba tiếng máy hơi nước, than tổ ong, bánh đa nem theo mẫu sau:

Mẫu: cá đuôi cờ

ĐỌC THÊM

Có những tiếng từ ghép ngày nay không còn rõ nghĩa nhưng có thể tìm thấy nghĩa của chúng trong tiếng địa phương, trong số ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong các văn bản cổ.

Trong địa phương: rú trong rừng rú (trong tiếng Nghệ - Tĩnh, rú l1 “một loại rừng già”); qué trong gà qué (trong tiếng Thanh Hoá, qué có nghĩa là” gà”); cộ trong xe cộ (tiếng địa phương Nam bộ, cộ chỉ “loại xe trượt không có bánh dùng để kéo gỗ hoặc kéo lúa trên ruộng “).

Trong một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam (có thể khác biệt chút về mặt ngữ âm):

* + Nang trong cau nang (trong tiếng Mường, Nang nghĩa là “cau”);
  + Ỏi trong ít ỏi (trong tiếng Mường, ỏi nghĩa là “ít”);
  + Phai trong mương phai (trong tiếng Tày Nùng, phai là “con đập chắn ngang dòng suối “).

Trong các văn bản cổ:

* + Lệ trong e lệ có nghĩa là “e”, “sợ”.

Lệ khi hoa chẳng chiều ong.

(Phan Trần)

* + Chác trong bán chác, đổi chác có nghĩa là” mua”, “đổi”.

(Nguyễn Trãi, Quốc âm thi tập)

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

I – LIÊN KẾT VÀ PHƯƠNG TIỆN LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

1. Tính liên kết của văn bản

a) Theo em, nếu bố En-ri-cô chỉ viết mấy câu sau, thì En-ri-cô có thể hiểu điều bố muốn nói chưa ?

Trước mặt cô giáo, con đã thiếu lễ độ với mẹ! Bố nhớ, cách đây mấy năm, mẹ đã fải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển (3) của con, quằn quại (4) vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thế mất con. Hãy nghĩ xem, En-ri-cô à! Người mẹ đã sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hy sinh tính mạng để cứu sống con! Thôi, trong một thời gian con đừng hôn bố.

b) Nếu En-ri-cô chưa hiểu ý bố thì hãy cho biết lý do nào trong các lí do kể dưới đây:

- Vì có câu văn viết chuưa đúng ngữ pháp;

- Vì có câu văn nội dung chưa thật rõ ràng;

-Vì giữa các câu còn chưa có sự liên kết (liên: liền; kết: nối, buộc; liên kết: nối liền nhau gắn bó với nhau).

c) Từ đó, hãy trả lời câu hỏi: Muốn cho đoạn văn có thể hiểu được thì nó phải có tính chất gì ?

1. Phương tiện liên kết trong văn bản
2. Đọc kỹ lại đoạn văn t ên và cho b ết do thiếu ý gì mà nó trở nên khó hiểu. Hãy sửa lại đoạn văn để En-ri-cô hiểu được ý bố.
3. Đọc các câu văn sau và chỉ ra sự thiếu liên kết của chúng, Hãy sửa lại để thành một đoạn văn có ý nghĩa.

Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một ly sữa, ăn một cái kẹo. Gương mắt thanh thoát của đứa trẻ tựa nghiêng trên gối, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng

chúm lại như đang mút kẹo.

1. Từ hai ví dụ trên, em hãy cho biết: Một văn bản có tính liên kết trước hết phải có điều kiện gí ? Cùng với điều kiện ấy, các câu trong văn bản phải sử dụng các phương tiện gì ?

Ghi nhớ

* + Liên kết là một trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản, làm cho văn bản trở nên có ý nghĩa, dễ hiểu.
  + Để văn bản có tính liên kết, người viết (nói) phải làm cho nội dung của các câu các đoạn thống nhất và gắn bó chặct chẽ với nhau; đồng thời phải biết liên kết nới các câu, các đoạn đó bằng những phương tiện ngôn ngữ (từ, câu, … ) thích hợp

II – LUYỆN TẬP

1. Sắp xếp những câu văn bản sau đây theo một thứ tự hợp lý để tạo thành một đoạn văn có tính liên kết chặt chẽ.

(1) Một quan chức của thành phố đã kết thúc buổi lễ phát thương như sau: (2) Và ông đưa chỉ tay về phía các thầy giáo, cô giáo ngồi trên các hành lang. (3) Các thầy, các cô đều đứng dậy vẫy mũ, vẫy khăn đáp lại, tất cả đều xúc động về sự biểu lộ lòng mến yêu ấy cảu học sinh. (4) “Ra khỏi đây, các con ạ, các con không được quên gửi lời chào và lòng biết ơn đến những người đã vì các con mà không quản bao mệt nhọc, những người đã hiến cả trí thông minh và lòng dũng cảm cho các con, những người sống và chết vì các con, và họ đây này!”. (5) Nghe lời kêu gọi cảm động, đáp ứng đúng những tính cam của mình, tất cả học sinh đều đứng dậy, dang tay về phía các thầy, các cô.

1. Các câu văn dưới đây đã có tính liên kết chưa ? Vì sao ?

Tôi nhớ đến mẹ tôi “lúc người còn sống, tôi lên mười”. Mẹ tôi âu yêm dắt tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài vài hẹp. Sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, tôi nói với mẹ có nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ. Còn chiều này, mẹ hiền từ của tôi cho tôi đi dạo chơi với anh con trai lớn của bác gác cổng.

1. Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn dưới đây để tím các câu liên kết chặt chẽ với nhau.

Bà ơi! Cháu thường về đây, ra vườn, đứng dưới gốc nam gốc ổi mong tìm lai hình bóng của… và nhớ lại ngày nào…. trồng cây, … chạy lon ton bên bà… Bảo khi nào có quả… se dành cho quả to nhất, ngon nhất cho…, nhưng cháu lai bảo quả to nhất, ngon nhất phải để phần bà… bà ôm cháu vào lòng, hôn cháu một cái thật kêu.

(Theo Nguyễn Thu Thủy Tiên, Những bức thư đoạt giải UPU (a) )

1. “Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con”.

Có người nhận xét: sự liên kết giữa hai câu trên hình như không chặt chẽ, vậy mà chúng vẫn được đặt cạnh nhau trong văn bản Cổng trường mở ra. Em hãy giải thích tại sao.

1. Chắc em biết câu chuyện cổ tích kể về một anh chàng cày đã đẵn đủ trăm đốt tre tre nhưng không nhở đến phép màu của Bụt thì không làm sao có được cây tre trăm đốt. Câu chuyện ấy có giúp em hiểu được điều gì cụ thể hơnvề vai trò của liên kết trong văn bản không ?

ĐỌC THÊM

Nhà văn Nguyễn Công Hoan kể lại: Hồi đầu thế kỷ XX, đã có người viết một lối văn “ngắn đến cộc lốc “. Ví dụ như:

1. UPU: Liên minh Bưu chính Quốc tế.

-Anh đi đâu ngày mai, bạn tôi hỏi.

-Chơi

-Hê-ra-clít (a) uống nước hai lần trong một dòng sông ?

-Sẽ có.

-Cho mà xem.

Nguyễn Công Hoan nhận xét: Trong đoạn văn dẫn trên, có “nhiều ý nhảy cóc như loại choi, rồi He-ra-clít, rồi sẽ có, rồi cho mà xem, khiến người đọc không hiểu cái dây tư tưởng nào nó nối từ ý chơi đến ý cho mà xem “. Nhà văn còn cho biết, nhiều người ngày ấy đùa rằng, đến những người viết những câu này cũng không hiểu mình nói gi nữa là người đọc!

(Theo tuyển tâp Nguyễn Công Hoan, Tập III, NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

Bài 2

Kết quả cần đạt

* + Thấy được những tình cảm chân thành và sâu nặng của hai em bé trong câu chuyện. Cảm nhận được nỗi đau đớn, xót xa của những bạn nhỏ chẳng may rơi vào hoàn cảnh gia đình bất hạnh và biết thông cảm, chia sẽ với những bạn ấy.
  + Nhận ra được cách kể chuyên rất chân thật và cảm động của tác giả.
  + Nhận thấy được tầm quan trọng của bố cục trong văn bản. Có ý thức xây dựng bố cục khia tạo lập văn bản và bước đầu xây dưng văn bản có bố cục rành mạch hợp lí.
  + Hiểu rõ khái niệm mạch lạc trong văn bản, từ đó biết tạo lập những văn bản có tính mạch lạc.

1. He-ra-clit (khoảng 544 -484 tr. CN): nhà triết học Hi Lạp thời cổ đại, tác giả câu nổi tiếng: “NGười ta không thể tắm hai lần trong cùng một con sông”.

VĂN BẢN

CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ (1)

Mẹ tôi, giọng khản đặc, từ trong màn nói vọng ra:

* + Thôi hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.

Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thăm thẳm, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều.

Đêm qua, lúc nào chợt tỉnh, tôi cũng nghe tiếng khóc nức nở, tức tưởi của em. Tôi cứ phải cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suối, ướt đẫm cả gối và hai cánh tay áo.

Sáng nay dậy sớm, tôi khẻ mở cửa rón rén đi ra vườm, ngồi xuống gốc cây hồng xiêm. Chợt thấy động phía sa, tôi quay lại: em tôi đã theo ra từ lúc nào. Em lặng lẽ đặt tay lên vai tôi. Tôi kéo em ngối xuống và khẽ vuốt lên mái tóc.

Chúng tôi cứ ngồi im như vậy. Đằng đông, trời hửng dần. Những bông hoa thược dược trong vườn đã thoáng hiện trong màn sương sớm và bắt đầu khoe bộ cánh rực rỡ của mình. Lũ chim sâu (2) nhảy nhót trên cành và chiêm chiếp kêu. Ngoài đường, tiếng xe máy, tiếng ô to và tiềng nói chuyện của những người đi chợ mỗi lúc một ríu ran. Cảnh vật vẫn cứ như hôm qua, hôm kia thôi mà sao hoạ giáng xuống đầu anh em tôi nặng thế này.

Gia đình tôi khá giả. Anh em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan. Nó lại khéo tay nữa. Hồi học lớp Năm, có lần tôi đi đá bóng, bị xoạt một miếng áo rất to. Sợ mẹ đánh, tôi cứ ngồi lì ngoài bãi không dám về. Nghe lũ bạn tôi mách, em đã đem kim chỉ ra tận sân vận đông. Nó bảo:

* + Anh cởi áo ra, em và lại cho. Em vá khéo, mẹ không biết được đâu.

Nhìn bàn tay mảnh mai của em dịu dàng đưa mũi kim thoan thoắt, không hiểu sao tôi thấy ân hận quá. Lâu nay, mải vui vhơi bạn bè, chẳng lúc nào tui chú ý đến em … Từ đấy, chiều nào tôi cũng đi đón em. Chúng tôi nắm tay nhau vừa đi vừa trò chuyện.

Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.

Nhưng không có tiếng dép lẹp kẹp trong nhà và tiếng mẹ tôi nói:

* + Thằng Thành, con Thuỷ đâu ?

Chúng tôi giật mình, líu ríu dắt tay nhau đứng dậy.

* + Đem đồ chơi ra chia đi! Mẹ tôi ra lệnh.

Thuỷ mở to đôi mắt như gnười mất hồn, loạng choạng bám vào cánh tay tôi. Dìu em vào trong nhà, tôi bảo:

* + Không phải chia nữa. Anh cho em tất.

Tôi nhắc lại hai ba lền, Thuỷ mới giật mình nhìn xuống. Em buồng bã lắc đầu:

* + Không, em không lấy. Em để hết lại cho anh.

Lằng nhằng mãi. Chia ra! - Mẹ tôi quát và cơn giận dữ đi về phía cổng.

EM tôi sụt sùi bảo:

* + Cứ chia ra vậy.

Đồ chơi của chúng tôi cũng chắng có nhiều. Tôi dành hầu hết cho em: bộ tú lơ khơ, bàn cá ngựa, những con ốc biển và bộ chỉ màu. Thuỷ chẳng quan tâm đến chuyện đó, mắt nó cứ ráo hoảnh (3) nhìn vào khoảng không, thỉnh thoảng lại nấc lên khe khẽ. Nhưng kho tôi vừa lấy hai con búp bê trong tủ ra, đặt sang hai phía thì em bỗng tru tréo lên giận dữ:

* + Anh lại chia rẽ con Vệ Sĩ với con Em Nhỏ ra à ? Sao anh ác thế!

Tôi nhìn em buồn bã:

* + Thì anh đã nói với em rồi. Anh cho em tất cả.

Tôi đặt con Vệ sĩ vào cạnh con em nhỏ giữa đống đồ chơi của Thuỷ. Cặp mắt em dịu lại, nhưng chợt nghĩ ra điều gì, em lại kêu lên:

* + Nhưng như vậy ai gác đêm cho anh ?

Tôi nhếch mép cười cay đắng. Trước đây có thời kỳ tôi toàn mê ngủ thấy ma. Thuỷ bảo: “để em bắt con Vệ Sĩ gác cho anh “.

Em buộc con dao díp (4) vào lưng con búp bê lớn và đặt ở đầu giường tôi. Đêm ấy, tôi không chiêm bao thấy ma nữa. Từ đấy, tối tối, sau khi học xong bái, Thuỷe lại “võ trang” (5) cho con Vệ Sĩ và đem đặt trên đầu giường tôi. Buổi sáng, em tháo dao ra, đặt nó về chỗ cũ, cạnh con Em Nhỏ. Hai con quàng tay lên vai nhau, ghé đầu vào nhau thân thiết, Từ khi về nhà tôi chúng chưa phải chia xa ngày nào, nên bây giờ thấy tôi đem chúng ra, Thuỷ không chịu đựng nổi. Một lát sau, em tôi đem đặt hai con búp bê về chỗ cũ. Chúng lại thân thiết quàng tay lên vai nhau và âu yêm ngước nhìn chúng tôi. Thuỷ bỗng trở nên vui vẻ.

* + Anh xem chúng đang cười kìa!

Tôi cố vui vẻ theo, em nhưng nước mắt đã ứa ra.

Bỗng Thuỷ lại xịu mặt xuống:

* + Sao bố mãi không về nhỉ ? Như vậy là em không được chào bố trước khi đi.

Tôi nhìn sang cửa phòng bố. Mấy ngày rồi, bố vẫn biệt tăm. Tôi nhìn em. Bao giờ nó cũng chu đáo và hiếu thảo như vậy.

* + Hay anh dẫn em đến trướng một lát.

Tôi đứng dậy, lấy chiếc khăn mặt ướt đưa cho em. Thuỷ lau nước mắt rồi soi gương, chải lại tóc. Anh em tôi dẫn nhau ra đường. Em nắm chặt tay tôi và nép sát vào như những ngày còn nhỏ. Chúng tôi chậm chậm trên con đường đất đỏ quen thuộc của thị xã quê hương. Đôi lúc, đột nhiên em dừng lại, mắt cú nhìn đau đáu vào một gốc cây hay một mài nhà nào đó, toàn những cảnh quen thuộc trên con đường chúng tôi đã đi lại hàng nghìn lần từ thuở ấu thơ.

Gần trưa, chúng tôi mới ra đến trường học. Tôi dẫn em đến lớp 4B. Cô giáo Tam đang giảng bài. Chúng tôi nép vào một gốc cây trước lớp. Em cắn chặt môi và im lặng, mắt lại đăm đăm nhìn khắp sân trường, từ cột cờ đến tấm bảng tin và những vạch than vẽ ô ăn quan (6) trên hè gạch. Rồi em khóc lên thút thít.

* + Ôi, em Thuỷ! - Tiếng kêu sửng sốt của cô giáo làm tôi giật mình.

Em tôi bước vào lớp:

* + Thưa cô, em đến chào cô… Thuỷ nức nở.

Cô Tân ôm chặt lấy em:

* + Cô biết chuyện rồi. Cô thương em lắm!

Và cô quay xuống lớp:

* + Bố mẹ bạn Thuỷ bỏ nhau. Thuỷ phải xa lớp ta, theo mẹ về quê ngoại.

Một tiếng “ồ” nổi lên kinh ngãc. Cả lớp sững sờ. Đã có tiếng khóc thút thít của mấy đứa bạn thân. Vài đứa mạnh dạn bỏ chỗ ngồi, đi lên nắm chặt lấy tay em tôi như chẳng muốn rời. Toàn những bạn đánh chuyền, đánh chắt, có cái kẹo, quả táo cũng để dành phần nhau trong suốt máy năm qua…

Cô giáo Tâm gỡ tay Thuỷ, đi lại phía bục, mở cặp lấy một quyển sổ cùng với chiếc bút máy nắp vàng đưa cho em tôi và nói:

* + Cô tặng em. Về trường mới, em cố gắng học tập nhé!

Em đặt vội quyển sổ và cây bút lên bàn:

* + Thưa cô, m không dám nhận … em không được đi học nữa.
  + Sao vậy ? –Cô sửng sốt.
  + Nhà bà ngoại em ở xa trường học lắm. Mẹ em bảo sẽ sắm cho em một thúng hoa quả để ra chợ ngồi bán.

“Trời ơi”, cô giáo tái mặt và nước mắt giàn giụa. Lũ nhỏ cũng khóc mỗi lúc một to hơn. Cuối cùng, sợ làm ảnh hưởng đến giờ học, em tôi ngửng đầu lên, nức nở:

* + Thôi, em chào cô ở lạim Chào tất cả các bạn, tôi đi.

Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, Ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.

Vừa tới nhà, tôi đã nhìn thấy một chiếc xe tải đỗ trước cổng. Mấy người hàng xóm đang giúp mẹ tôi khuân đồ đạc lên xe.

Cuộc chia tay đột ngột quá. Thuỷ như người mất hồn, mặt tái xanh như tàu lá. Em chạy vội vào trong nhà mở hòm đồ chơi của nó ra. Hai con búp bê đã đặt gọn vào trong đó. Thuỷ lấy vội con Vệ Sĩ ra đặt lên giường tôi, rồi bỗng ôm ghì lấy con búp bê, hôn gấp gáp lên mặt nó và thì thào:

* + Vệ Sĩ thân yêu ở lại nhé! Ở lại gác cho anh tao ngủ nhé! Xa mày, con Em Nhỏ sẽ buốn lắm đấy, nhưng biết làm thế nào…

Em khóc nức lên và chạy lại nắm tay tôi dặn dò:

* + Anh ơi! Bao giờ áo anh có rách, anh tìm về chỗ em, em vá cho, anh nhé…

Tôi khóc nấc lên. Mẹ tôi từ ngoài đi vào. Mẹ vuốt tóc tôi và nhẹ nhàng dắt tay em Thuỷ:

* + Đi thôi con.

Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. Bỗng em lại tụt xuống chạy về phía tôi, tay ôm con búp bê. En đi nhanh về chiếc giường, đặt con Em Nhỏ quàng vào tay con Vệ Sĩ.

* + Em để nó ở lại. - Giọng em tôi ráo hoảnh – Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa. Anh hứa đi.
  + Anh xin hứa.

Tôi mếu máo trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi treo lên xe. Chiếc xe tải rồ máy, lao ra đường và phóng đi mất hút.

(Theo Khánh Hoài, Tuyển tập thơ – văn được giải thưởng trong cuộc thi viết về quyền trẻ em, năm 1992)

Chú thích

1. Truyện ngắn Cuộc chia tay của những con búp bê của tác giả Khánh Hoài được trao giải Nhì trong cuộc thì thơ – văn viết về quyền trẻ em do Viện khoa học Giáo dục và Tổ chức cứu trọ trẻ em Rát-đa Bác-ne - Thuỵ Điển tồ chức năm 1992.
2. Chim sâu: loài chim nhỏ, lông xám, thường sống ở các bụi cây, ăn sâu bọ nhỏ.
3. Ráo hoảnh: khô, không có một chút nước mắt nào. Ở đây hiểu là không có chút nước mắt nào.
4. Dao díp (con gọi là dao nhíp): một loại dao nhỏ, bỏ túi, lưỡi gặp được vào cán. ]
5. Võ trang (còn gọi là vũ trang): trang bị để chiến đấu. Ở đây chỉ việc đứa em buộc con dao díp vào lưng con búp bê Vệ Sĩ đặt ở đầu giường người anh.
6. Ô ăn quan: một trò chơi dân gian của trẻ em, có hai người chơi, thường kẻ ô trên đất, dùng các hòn sỏi hoặc đá nhỏ làm quân.

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kỹ văn bản để nắm được: Truyện viết về ai, về việc gì ? Ai là nhân vật chính trong chuyện.
2. Hãy suy nghĩ và thảo luận với bạn trong nhóm về mấy điểm sau:
3. Câu chuyện kể theo ngôi thứ mấy ? Lựa chọn ngôi kể này có tác dụng gí ?
4. Tên truyện có liên quan gì đến ý nghĩa của truyện không ? (Búp bê có chia tay không, vì sao chúng ta phải chia tay, búp bê có lỗi gí mà phải chia tay ?).
5. Hãy tìm các chi tiết trong truyện để thấy hai anh em Thành, Thuỷ rất mực gần gũi, thương yêu, chia sẻ và luôn quan tâm đến nhau.
6. \*Lời nói và hành động của Thuỷ khi thấy anh chia hai con búp bê Vệ Sĩ à Em Nhỏ ra hai bên có gì mậu thuẫn ? Theo em có cách nào giải quyết mâu thuẫn ấy không ? Kết thúc truyện, Thuỷ đã lựa chọn cách giải quyết như thế nào ? Chi tiết này gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm gí ?
7. Chi tiết nào trong cuộc chia tay của Thuỷ với lớp học là cô giáo bàng hoàng và chi tiết nào khiến em cảm động nhất ? Vì sao ?
8. Em hãy giải thích vì sao khi dắt Thuỷ ra khỏi trường, tâm trạng của Thành lại “kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàn ươm trùm lên cảnh vật “.
9. Qua câu truyện này, theo em, tác giả muốn nhắn gửi đến mọi người điều gì ?

Ghi nhớ

Cuộc chia tay đau đớn và đầy cảm động của hai em bé trong truyện khiến người đọc thấm thía rằng: Tổ ấm gia đình là vô cùng quý giá và quan trọng. Mọi người hãy cố gắng bảo vệ và giữ gìn, không nên vì bất kì lý do gì làm tổn hại đến tình cảm tự nhiên, trong sáng ấy.

ĐỌC THÊM

TRÁCH NHIỆM CỦA BỐ MẸ

Bố mẹ có trách nhiệm hàng đầu trong việc nuôi dạy con cái và nhà nước phải giúp họ thực hiện trách nhiệm ấy. Nhà nước sẽ đem lại sự giúp đỡ thích đáng cho bố mẹ trong việc nuôi dạy con.

(Trích điều 18, Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc, 1989).

THẾ GIỚI RỘNG VÔ CÙNG (a)

[… ]Bên ngoài trời mưa tuôn

Nước mắt con đẫm buồn

Tại sao xảy ra thế ?

Tất cả cùng mất luôn ?

Con có vòng tay mẹ, tay cha

Hơi ấm nồng nàn như chẳng muốn xa

Nhưng, chao ôi, khi con tỉnh giấ

Mẹ đi rồi, cha cũng rời xa

Con gái mẹ đã thực sự lớn rồi

Trong thế giới này bao la hùng vĩ,

Nhưng điều ấy chẳng là gí, mẹ nhỉ

Nếu phải giã từ bởi cuộc chia li.

(Báo Hoa học trò, số 273)

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I - BỐ CỤC VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỀ BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

* 1. Bố cục của văn bản

a) Em muốn viết một lá đơn để xin gia nhập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Hãy cho biết: Những nội dung trong đơn ấy có cần được sắp xếp theo một trật tự không ? Có thể tuỳ thích muốn ghi nội dung nào trước cũng được hay không ? (Ví dụ, có nên viết lí do khiến em muốn xin vào Đội trước, rồi mới khai rõ họ tên em là gì, sống và học ở đâu không ? Hoặc ó nên đưa ra lời hứa sẽ tiếp tục phấn đấu sau khi được kết nạp vào Đội trước, rồi mới nêu lí do xin vào Đội hay không ? Vì sao ?

(a) Nguyên văn: Big, big world - một bài hát rất nổi tiếng của Ê-mi-la, miểu tá tâm trạng trống vắng, lãnh lẽo của một em bé khi bố mẹ li hôn. Đoạn trích trên lấy từ bản dích của Phương Thuỳ - được giải nhất báo Hoa hoc trò.

b) Sự sắp đặt nội dung các phần trong văn bản theo một trình tự hợp lý được gọi là bố cục. Em hãy cho biết: vì sao khi xây dưng văn bản, cần phải quan tâm tới bố cục ?

* 1. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản

Đọc hai câu chuyên sau và trả lời câu hỏi.

(1) Có một con éch quen thói coi trường bằng vung, nên cứ ngênh ngang đi lại khắp nơi, nhâng nháo nhìn trời và kêu ồm ộp. Trước kia, ếch sống trong đáy giến. Tại vì năm ấy trời mưa, nước trong giếng dềnh lên tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Trước đó, ếch ta từ đáy giếng nhìn lên và nó thấy trời bé tí, chỉ bằng cái vung thôi. Còn nó thì lại oai ghê lắm, vì nó mà cất tiếng kêu thì cả thảy bọn cua, ốc, nhái ở giếng đều phải hoàng sợ. Cuối cùng nó bị một con trâu dẫm bép. Từ đấy, trâu trở thành bạn của nhà nông.

(2) Ngày xưa, có một anh tính rất hay khoe. Một hôm, anh ta may được cái áo mới liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Nhưng rồi anh ta cũng khoe được áo với một người rằng: “Từ lúc tôi măc chiếc áo mới này, tôi chả thấy con lợn nào chạy qua cả.” Đấy là do người kia, tính cũng hay khoe, bỗng không biết từ đâu tất tưởi chạy đến hỏi anh ta: “Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không ?”.

Câu hỏi:

* 1. Hai câu truyên trên đã có bố cục chưa ?
  2. Cách kể chuyện như trên bất hợp lý chỗ nào ?
  3. Theo em, nên sắp xếp bố cục câu chuyện trên như thế nào ?
  4. Các phần của bố cục

1. Hãy nêu nhiệm vụ của ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài trong văn bản miêu tả vàvăn bản tự sự.
2. Có cần phân biệt rõ ràng nhiệm vụ của từng phần không ? Vì sao ?
3. Có phải bạn nói rằng phần Mở bài chỉ là sự tóm tắt, rút gọn của phần Thân bài, còn phần Kết bài chẳng qua chỉ là sự lập lại một lần nữa của Mở bài. Nói như vậy có đúng không ? Vì sao ?
4. Một bạn khác lại cho rằng nội dung chính của việc miêu tả, tự sự (của đoạn từ nữa) được dồn cả vào phần Thân bài nên Mở bài và Kết bài là những phần không cần thiết lắm. Em có đồng ý với ý kiến đó không ?

Ghi nhớ

* + Văn bản không thể được viết một cách tuỳ tiện mà phải có bố cục rõ ràng. Bố cục là sự bố trí sắp xếp các phần, các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch và hợp lý.
  + Các điểu kiện để bố cục được rành mạch và hợp lí:

+ Nội dung các phần, các đoạn văn bản phải thống nhất chặt chẽ với nhau; đồng thời, giữa chúng lại phải có sự phân biệt rạch ròi.

+ Trình tự xếp đặt các phần, các đoạn phải giúp cho người viết (người nói) dễ dàng đạt được mục đích giao tiếp đã đặt ra.

* + Văn bản thường được xây dựng theo một bố cục gồm có ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

II - LUYỆN TẬP

1. Tìm những ví dụ thực tế chứng tỏ rằng: Nếu chúng ta biết chú ý đến việc sắp xếp các ý rõ ràng rành mạch thì bài viết ? (lời nói) của chúng ta sẽ có hiệu quả thuyết phục cao. Ngược lại, nếu không biết sắp xếp các ý cho hợp lý thì bài viết (lời nói) của chúng ta sẽ không hiểu được, không được tiếp nhận.
2. Hãy ghi lai bố cục của truyện Cuộc chia tay của những con búp bê. Bố cục ấy, theo em, đã rành mạch và hợp lí chưa ? Có thể kể lại câu chuyện ấy theo một bố cục khác được không ?
3. Có một bạn được phân công báo cáo kinh nghiệm học tâp tại Hội nghị học tốt của truong. Bạn ấy dự định viết bản báo cáo theo bố cục gồm ba phần như sau:
4. Mở bài: Chào mừng các đại biểu, các thầy cô và các bạn tham dự Hội nghỉ
5. Thân bài:
   * 1. Nêu rõ bản thân đã học thế nào trên lớp
     2. Nêu rõ bản thân đã họic thế nào ở nhà.
     3. Nêu rõ bản thân đã học thế nào trong cuộc sống.
     4. Nêu thành tích hoạt động Đội và thành tích văn nghê của bản thân
6. Kết bài: Chúc Hội nghị thành công.

Bố cục trên đây đã rành mạch và hợp lý chưa? Vì sao?Theo em, có thể bổ sung điều gì không ?

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I – MẠCH LẠC VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỀ MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

1. Mạch lạc trong băn bản

a) hai chữ mạch lạc trong Đông y vốn có nghĩa là mạch máu trong cơ thể. Trong một văn bản cũng có cái gì giống như mạch máu làm cho các phần của văn bản thống nhất lại, gọi là mạch lạc. Dựa vào nhửng hiểu biết trên, em hãy xác định mạch lạc trong văn bản có Những tính chất gì trong số các tính chất kể dưởi đây:

- Trôi chảy thành dòng thành mạch,

- Tuần tự đi qua khắp các phần, các đoạn trong văn bản;

- Thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.

b) Có người cho rằng: Trong văn bản, mạch lạc là sự tiếp nối của các câu, các ý theo một trình tự hợp lí. Em có tán thành ý kiến đó không ? V sao?

2. Các điều kiện để có một văn bản có tính mạch lạc

a) Văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê kể về nhiều sự việc khác nhau: mẹ bắt hai con phải chia đồ chơi; hai anh em Thành Thuỷ rất thương nhau; chuyện về hai con búp bê; Thành đưa em đến lớp chào cô giáo và các bạn; hai anh em phải chia tay; Thuỷ để cả hai con búp bê cho Thành.

Hãy cho biết toàn bộ sự việc trong văn bản xoay quanh sự việc chính nào. “Sự chia tay” và “những con búp bê” đóng vai trò gì trong truyện ? Hai anh em Thành và Thuỷ có vai trò gì trong truyện ?

Các từ ngữ: chia tay, chia đồ chơi, chia ra, chia đi, chia rẽ, xa nhau, khóc… cứ lặp đi lặp lại trong bài. Một loạt từ ngữ và chi tiết khác biểu thị ý muốn khong phân chia cũng lập lại: anh cho em tất cả, chăng83 muốn hoa bôi, chúng lại thân thiết quàng tay lên vai nhau, không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau, …

Theo em, đó có phải là chủ đề (vấn để chủ yếu) liên kết các sự việc trên thành một thể thống nhất với nhau không? Đế có thể xem là mạch lạc của văn bản không

1. Trong văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê có đoạn kể việc hiện tại, có đoạn kể chuyện quá khứ, có đoạn kể việc ở nhà, có đạon kể chuyện ở trường, có đoạn kể chuyện hôm qua, có đoạn kể chuyện sáng nay, …

Hãy cho biết các đoạn ấy được nối với nhau thao mối liên hệ nào trong các mối liên hệ dưới đây:

* + Liên hệ không gian
  + Liên hệ thời gian
  + Liên hệ tâm lí (nhớ lại)
  + Liên hệ ý nghĩa (tương đống, tương phản).

Những mối liên hệ giữa các đoạn ấy có tự nhiên và hợp lí không ?

Ghi nhớ

* + Văn bản cần phải mạch lạc.
  + Một văn bản có tính mạch lạc là văn bản:

+ Các phần, các đoạn các câu trong văn bản đều nói về cùng một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt.

+ Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí trước sau hô ứng nhau nhằm làm cho chủ đề liền mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc (người nghe).

II -LUYỆN TẬP

* 1. Hãy tìm hiểu tính mạch lạc của:
     1. Văn bản Mẹ tôi (Ét-môn-đô đơ A-mi-xi.
     2. Một trong hai văn bản sau
        1. LÃO NÔNG VÀ CÁC CON

Hãy lao động cần cù gắng sức,

Ấy chân lưng sung túc nhất đời

Phú nông gần đất xa trời

Họp riêng con lại, nói lời thiết tha

Rằng: “Ruộng đất cha ông để lai

Các con đừng khờ dại bán đi

Kho vàng chôn dưới đất kia,

Cha không biết chỗ, Kiên trì gắng công

Tìm khắc thấy: cuối cùng sẽ thắng.

Xóc ruộng lên tháng tám sau mùa

Tay cày, tay cuốc, tay bừa

Xới qua xới lại, chẳng chừa chỗ không”.

Bố chết, Các con cùng gắng gổ

Lật tung đồng đây đó khắp nơi,

Kĩ càng công việc xong xuôi,

Cuối năm lúa tốt bời bời bội thu

Vàng với bạc giấu mô chẳng thấy,

Rõ ràng ông bố ấy khôn ngoan,

Trước khi từ giã trần gian

Lấy câu “lao động là vàng “dạy con

(La Phông-ten, Ngụ ngôn chọn lọc, Tú Mỡ dịch)

* + - 1. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng - những màu vàng rất khác nhau. Có lẽ bắt đầu từ những đêm sương sa thì bóng tối đã hơi cứng và sáng ngày trông thấy màu trời có vàng hơn mọi khi. Lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những tràng hạt bồ để treo lơ lửng. Từng chiếc là mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc là héo trở lại mở năm cánh vàng tươi. Buồng chuối quả chín vàng đốm. Nắng vườn chuối đương có gió lẫn với lá vàng, như những, vạt áo nắng, đuôi áo nắng, vẫy vẫy. Bụi mía vàng xọng, từng đốt ngần phấn trắng. Dưới sàn rơm và thóc vàng giòn. Quanh đó, con gà, con chó cũng vàng mượt. Mái nhà phủ một màu rơm vàng mới. Tất cả đượm một màu trù phú, đầm ấm lạ lùng. Không có cảm giác héo tàn, hanh hao lúc sắp bước vào mùa đông.

(Theo Tô Hoài, Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả)

(Gợi ý:

* + Chủ đề chung xuyên suốt các phần, các đoạn, và các câu của mỗi văn bản là gì ?
  + Trình tự tiếp nối của các phần, các đoạn, các câu trong văn bản có giúp cho sự thể hiện chủ đề được liên tục thông suốt và hấp dẫn không?
  1. Trong chuyện cuộc chia tay của những con búp bê, tác giả đã không thuật lại tỷ mỉ nguyên nhân dẫn đến sự chia tay của hai người lớn. Theo em như vậy có làm cho tác phẩm thiếu mạch lạc không ?

BÀI 3

Kết quả cần đạt

* + Hiểu được khái niệm ca dao, dân ca. Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của những bài ca có chủ đề tình cảm gia đình và tính yêu quê hương, đất nước, con người trong bài học. Thuộc những bài ca trong hai văn bản.
  + Nắm được cấu tạo của các loại từ lấy. Bước đầu hiểu được mối quan hệ âm –nghĩa của từ láy.
  + Viết tốt bài tập làm văn số một. Chú ý đến tính liên kết, bố cục và mạch lạc của văn bản
  + Nắm được các bước tạo lập một văn bản. Củng cỗ lại những kiến thức và kĩ năng về liên kết, bố cục và mạch lạc trong văn bản.

VĂN BẢN

CA DAO, DÂN CA (\*) NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

1. ông cha như núi ngất trời,

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông

Núi cao biển rộng mênh mông,

Cù lai chín chữ (1) ghi lòng con ơi

1. Chiều chiều ra đứng nở sau

Trong về quê mẹ ru ột đau chín chiều (2)

1. Ngó lên nuộc lạt (3) mái nhà

Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu

1. Anh em nào phải người xa,

Cùng chung bác mẹ (4), một nhà cùng thân. (5)

Yêu nhau như thể tay chân

Anh em hoà thuận, hai thân (6) vui vầy.

Chú thích

(\*) Ca dao, dân ca là những khái niệm tương đương, chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người. Hiên nay người ta có phân biệt hai khái niệm ca dao và dân ca. Dân ca là những sáng tác kết hợp lời và nhạc, những câu hat dân gian trong diễn xướng, Ca dao là lời của dân ca. Ca dao còn bao gồm cả những bài thơ dân gian mang phong cách nghệ thuật chung với lời thơ của dân ca. Khái niệm ca dao cìn được dùng để chỉ một thể thơ dân gian - thể ca dao.

(1) Cù lao chín chữ: chín chữ nói về công lao cha mẹ nuôi con vất vả nhiều bề (cù: siêng năng, lao: khó nhọc; chính chũ cù lao gồm sinh: đẻ, c: nâng đỡ; phủ:vuốt ve; súc: cho bú, cho ăn; trưởng: cuôi cho lớn; dục; dạy dỗ; cố: trông nom, đoái hoài, phục: theo dõi tính tình mà uốn nắn, phúc (phú): che chở).

(2) Chiều (chìu): bề; chín chiều: chín bề. Ở đây có nghĩa là nhiều bề

(3) Nuộc lạt: mối buộc của sợi lạt (lạt: dây buộc bằng tre mây, … chẻ mỏng).

(4) Bác mẹ: ở đây chỉ cha mẹ.

(5) Cùng thân, cùng là ruột thị.

(6) Hai thân: thân phụ và thân mẫu, chỉ cha mẹ

ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

1. Lời của từng bài ca dao là lời của ai nói với ai ? Tai sao em khẳng định như vậy ?
2. Tình cảm mà bài 1 muốn diễn tả là tình cảm gì ? hãy chỉ ra cái hay của ngôn ngữ, hình ảnh, âm điệu của bài ca này. Tìm những ca dao cũng nói đến công cha, nghĩa mẹ tương tự như bài 1
3. Bài 2 là tâm trạng người phụ nữa lấy chônng2 xa quê. Hãy nói rõ tâm trạng đó qua việc phên tích các hình ảnh thời gian, không gian. Hành động và nỗi niềm của nhân vật.
4. Bải 3 diễn tả nỗi nhớ và sự yêu kính đối với ông bà. Những tình cảm đó được diễn tả như thế nào ? Cái hay của cách diễn tả đó ?
5. Trong bài 4, tình cảm anh em thân thương được diễn tả như thế nào? Bài ca này nhắc nhở chúng ta điều gì ?
6. Những biện pháp nghệ thuật nào được cả bốn bài ca dao sử dung ?

Ghi nhớ

Tình cảm gia đình là một trong những chủ đề tiêu biểu của ca dao, dân ca. Những câu thuộc chủ để này thường là lời ru của mẹ, lời của cha mẹ, ông bà nói với con cháu, lời của con cháu nói về ông bà, cha mẹ, và thường dùng các hình ảnh đối chiếu so sánh, ẩn dụ quen thuộc để bày tỏ tâm tình, nhắc nhở về công ơn sinh thành, về tình mẫu tử và tình anh em tuột thịt.

LUYỆN TẬP

1. Tình cảm được diễn tả trong bốn bài ca là những tình cảm gì? Em có Nhận xét gì về những tình cảm đó?
2. \* Ngoài nhưng4 bài ca được học và đọc thêm trong sách giáo khoa, em hãu tìm đọc và chép lại một số bài ca khác có nội dung tương tự

ĐỌC THÊM

* + Ơn cha nặng lắm ai ơi,

Nghĩa mẹ (a) bằng trời chín tháng cưu mang (b)

* + Cây khô chưa dễ mọc chồi

Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta

Non xanh (c) bao tuổi vẫn già

Bời vì sương tuuyết (d) hoá ra bạc đầu

* + Con người có cố (e), có ông

Như cây có cội, như sông có nguồn (g)

* + Anh em như chân với tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần

VĂN BẢN

NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

* 1. -Ở đâu năm cửa (1) nàng ơi

Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng ?

Sông nào bên đục bên trong ?

Núi nào thắt cổ bông (2) mà có thánh sinh ?

Đền nào thiêng nhất xứ Thanh

Ở đâu mà lại có thành tiên xây ?

(a) Nghĩa mẹ: chỉ công ơn sinh thành, nuôi dạy của mẹ, thường dùng với ơn (công) cha và thường được hiểu cùng với ơn cha.

(b) Cưu mang: ở đây có nghĩa là mang thai.

(c) Non xanh: ở đây là cách nói ẩn dụ chỉ cha mẹ.

(d) Sương tuyết: ở đây là cách nói ẩn dụ chỉ sự gian nan vất vả.

(e) Cố: Ngươì sinh ra ông hoặc bà.

(g): gốc; nguồn: nơi bắt đầu của sông suối.

-Thành Hà nội năm của chàng ơi

Sông Lục Đầu (3) sáu khúc nước chảy xuôi một dòng

Nước sông Thương (4) bên đục bên trong,

Núi Đức Thánh Tản (5) thắt cổ bồng lại có thánh sinh.

Đền Sòng (6) thiêng nhất xứa Thanh

Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây (7)

2. Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ (8),

Xem cầu Thê Húc (9), xem chùa Ngọc Sơn (10),

Đài Nghiêng, Tháp Bút (11) chưa mòn,

Hỏi ai gây dựng nên non nước này (12) ?

1. Đường vô xứ Huế quanh quanh (13),

Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.

Ai vô xứ Huế thì vô…

1. Đứng bên ni (14) đồng, ngó (15) bên tê (16) đồng, mênh mông bát ngát,

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đống, bát ngát mênh mông.

Thân em như chẽn lú đòng đòng (17)

Phất phơ dưới ngọn nắng hống ban mai.

Chú thích

1. Năm cửa: năm của ô của Hà Nội (Ô Chợ Dừa, Ô Cầu Giấy, Ô Quan Chưởng, Ô Cầu Dền, Ô Đống Mác)
2. Thắt cổ bồng: eo, thót ở giữa như hình cái bống (bồng: một loại nhạc cụ, hai đầu bịnh nhhư mặt trống, chính giữa thắt eo). Ví dụ: mâm bồng thường dùng để xếp ngũ quả trên bàn thờ.
3. Sông Lục Đầu: quãng sông do Thương, sông Cầu, sông Lục nam, sông Đuống, sông Kinh Môn, sông Thái Bình gặp nhau tạo thành. Tên sông Lục Đầu gợi nghĩ đến chiến thắng Vạn Kiếp lừng lẫy của Trần hưng Đạo chống quân mông- Nguyên xưa kia.
4. Sông Thương: con sông có đoạn chảy qua thị xã Bắc Giang, ở đây đặc điểm “nước chảy đôi dòng” (bên đục bên trong) của sông Thương nỗi rỗ hơn cả.
5. Núi Đức Thanh1 Tản: túc là núi Tản Viên (Ba Vì). Theo truyền thuyết, Sơn Tinh (tức thần Tản Viên, sau được tôn là Đức Thánh Tản) hoá phép khiến núi thắt cổ bồng để ngăn không cho Thuỷ Tinh dâng nước lên.
6. Đền Sòng: đền thờ Bà Chúa Liễu hạnh, ở Huyện Hà Trung (nay thuộc thị xã Bỉm Sơn), tỉnh Thanh Hoá. Lễ hội đền Sòng (mở vào tháng 3 âm lịch) là một trong những lễ hội lớn ở miền Bắc
7. Tương truyển, ở Lạng Sơn có thành tiên xây.
8. Hồ Kiếm: túc Hồ Gươm
9. Cầu Thê Húc: cầu dẫn từ bò Hồ Gươm vào chùa “Ngoc Sơn”, sơn màu đỏ, dáng vồng cong, trông như đang đón nhận ánh sáng ban mai (thê: đậu lại, húc: ánh sáng mặt trời mới mọc)
10. Chù Ngọc Sơn: tên gọi cũ của đền Ngọc Sơn.
11. Đài Nghiên: đài mang hình nghiên mực (mực để viết chữ Nho) trên cổng chùa Ngọc Sơn; Tháp Bút: tháp trên đài xây hình cây bút (bút lông để viết chữ Nho). Từ xa nhìn, nhiều lúc thấy hình ngọn bút trên tháp “chấm” vào Đài Nghiên.
12. Bài này của Á Nam Trần Tuấn Khải làm theo thể ca dao và được nhân gian coi như một bài ca dao (dân gian).
13. Câu này có sách ghi: “Đường vô xứ Nghệ”. Thay địa danh trong các câu ca dao là hiện tượng thường thấy.
14. (16): Ni: này; tê: kia (tiếng địa phương miền Trung).
15. Ngó: nhìn
16. Lúa đòng đòng: lúa sắp trổ bông.

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Nhận xét bài 1, em đồng ý với ý kiến nào dưới đây:
   1. Bài ca là lời của một người và chỉ có một phần
   2. Bài ca có hai phần: phần đầu là câu hỏi của chàng trai, phần sau là lời đáp của cô gái
   3. Hình thức đối – đáp này có rất nhiều trong ca dao dân ca.
   4. Hình thức đối đáp này không phổ biến trong ca dao dân ca.
2. Trong bài 1, vì sao chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với những đặc điểm (của từng địa danh) như vậy để hỏi – đáp?
3. Phân tích cụm từ “Rủ nhau” và nêu nhận xét của em về cách tả cảnh của bài 2. Địa danh và cảnh trì trong bài gợi lên điều gì ? Suy ngẫm của em về câu hỏi cuối bái ca: “Hỏi ai gây dựng nên non nước này ?”
4. Nhận xét của em về cảnh trí xứ Huế và cách tả cảnh trong bài 3. Em hãy phân tích đại từ “Ai “và chỉ ra những tình cảm ẩn chứa trong lời mời, lời nhắn gửi: “Ai vô xứ Huế thì vô …”.
5. Hai dòng thơ đầu bài 4 có những gì đặc biệt về từ ngữ ? Những nét đặc biệt ấy có tác dụng, ý nghĩa gì?
6. Phân tích hình ảnh cô gái trong hai dòng cuối bài 4.
7. Bài 4 là lời của ai ? Người ấy muốn biểu hiện tình cảm gì ? Em có biết cách hiểu nào khác về bài ca này và có đống ý với cách hiểu ấy không ? Vì sao?

Ghi nhớ

Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người thường nhiều gợi tả, hay nhắc đến tên núi, tên sông, tên từng vùng đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hoá của từng địa danh. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp, lời mời, lời nhắn gửi và các bức tranh phong cảnh là tình yêu chân chất, tinh tế và lòng tự hào đối với con người và quê hương, đất nước.

LUYỆN TÂP

1. Em có nhận xét gì về thể thơ trong bốn bài ca ?
2. Tình cảm chung thể hiện trong bốn bài ca là gì?

ĐỌC THÊM

* Anh đi anh nhớ non Côi (a)

Nhớ sông Vị Thuỷ (b), nhớ người tình chung

1. Non Côi: tức núi Gôi ở huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
2. Vị Thuỷ: thường gọi là sông vịm tức sông vị Hoàng, một nhánh của sông Hồng chảy qua thành phố Nam Định (nay đã bị lấp). Bài này còn có hai câu tiếp: Quản bao non nước ngại ngùng, Lấy ai sang sẻ gánh gồng đường xa.

* Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm

Rượu Hồng Đào chưa nhấm đã say (a).

* Nam Kì sáu tỉnh (b) em ơi

Cửu Long (c) chín ngọn cùng khơi một nguồn,

Sông Hương (d) nước chảy trong luôn,

Núi Ngự (e) danh tiếng cả muôn dặm ngoài.

TỪ LÁY

I – CÁC LOẠI TỪ LẤY

1. Những từ lấy (in đậm) trong các câu sau (trích từ văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê) có đặc điểm âm thanh gì giống nhau, khác nhau?

- Em cắn chặt môi nhưng im lặng, mắt lại đăm đăm nhìn khắp sân trường, từ cột cờ đến tấm bảng tin và những vạch than vẽ ô ăn quan trên hè gạch.

- Tôi mếu mào trả lời và đứng như chơn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi trèo lên xe.

2 Dựa và kết quả phân tích trên, hãy phân loại các từ lấy có ở mục 1.

3. Vì sao các từ lấy (in đậm) dưới đây (trích từ văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê) không nói được là Bật Bật, thẳm thẳm ?

(a) Bài này có nhiều lời ca khác nhau. Đây là hai câu đầu của các lời ca đó, nói về đặc điểm tự nhiên, sản vật, con người Quảng Nam. Đất Quảng Nam nhiều cát và có nhiều vùng khô cằn. Rượu Hồng Đào là loại rượu ngon.

(b) Nam Kì sáu tính (lục tỉnh): Nam Kì là tên do vua Minh Mạng đặt năm 1834 cho phần đất từ Biên Hoà đến Hà Tiên. Sáu tính (Nam Kì) gồm Gia Định, Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

(c): Cửu Long: tên chỉ phần sông Mê Công, sông lớn nhất Đông Nam Á, chảy trên địa phận nước Việt Nam. Từ Phnôm Pênh, sông Mê Công phân ra hai dòng chính là sông Tiền và sông Hậu và chảy vào Việt Nam. Sông đổ ra biển với chín cửa nên gọi là Cửu Long (chín rồng, tức chín sông).

(d), (e) Sông Hương, núi Ngự: những cả đẹp tiêu biển của cố đo Huế.

* Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng và đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi.
* Cặp mắt của em lúc này buồn thăm thẳm, hai bờ mi đã sưng mộng lên vì khóc nhiều

Ghi nhớ

Từ lấy có hai loại: từ lấy toàn bộ và từ lấy bộ phận.

Ở từ lấy toàn bộ, các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn; nhưng cũng có một số trường hợp tiếng đừng trước biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm cuối (để tạo ra một sự hài hoà về âm thanh).

Ở từ lấy bộ phận, giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần.

II – NGHĨA CỦA TỪ LẤY

1. Nghĩa của các từ lấy ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu được tạo thành do đặc điểm gì về âm thanh ?
2. Các từ lấy trong mỗi nhóm sau đây có điểm gì chung về âm thanh và về nghĩa ?
   1. Lí nhí, li ti, ti hí.
   2. nhấp nhô, phập phòng, bập bênh.
3. So sánh nghĩa của các từ láy mềm mại, đo đỏ với nghĩa của các tiếng gốc làm cơ sở cho chúng: mềm, đỏ.

Ghi nhớ

Nghĩa của từ láy được tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh của tiếng và sự hoà phối âm thanh giữa các tiếng. Trong trường hợp từ láy có tiếng có nghĩa làm gốc (tiếng gốc) thì nghĩa của từ láy có thể có những sắc thái riêng so với tiếng gốc như sắc thái biểu cảm, sắc thái giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh, …

III - LUYỆN TẬP

1. Đọc những đoạn đầu văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê (từ “Mẹ tôi, giọng khản đặc” đến” nặng nề thế này”).
   1. Tìm các từ láy trong đoạn văn đó.
   2. Xếp các từ láy theo bảng phân loại sau

|  |  |
| --- | --- |
| Từ láy toàn bộ |  |
| Từ láy bộ phận |  |

1. Điền các tiếng láy vào trước hoặc sau các tiếng gốc để tạo từ láy:

... ló, … nhỏ, nhức …, … khác, … thấp, … chếch, … ách.

1. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu.

* nhẹ nhàng, nhẹ nhõm:
  + Bà mẹ … khuyên bảo con.
  + Làm xong công việc nó thở phào … như trút được gánh nặng.
* xấu xí, xấu xa:
  + Mọi người đều căm phẵn trước hành động … của tên phản bội.
  + Bức tranh của nó vẽ nguệch ngoạc, …
* tan tành, tan tác:
  + Chiếc lọ rơi xuống đất, vỡ…
  + Giặc đến, dân làng … mỗi người một ngả.

1. Đặt câu với mỗi từ: nhỏ nhằn, nhỏ nhặt, nhỏ nhẻ, nhỏ nhen, nhỏ nhoi.
2. Các từ máu mủ, tóc tai, râu ria, khuôn khổ, ngon ngành, tươi tốt, nấu nướng, ngu ngốc, học hỏi, mệt mỏi, nảy nở là từ lấy hay từ ghép ?
3. \*Các tiếng chiền (trong chùa chiền), nê (trong no nê), rớt (trong rơi rớt), hành (torng học hành) có nghĩa là gì ? Các từ chừa chiền, no nê, rơi rớt, học hành là từ lấy hay từ ghép ?

ĐỌC THÊM

DÙNG DẤU HỎI, DẤU NGÃ ĐÚNG CHÍNH TẢ Ở TỪ LÁY

Do phát âm không phân biệt thanh hỏi và thanh ngã nên người một số vùng thường viết lẫn lộn dấu hỏi và dấu ngã ở từ láy.

Ví dụ: đẹp đẽ viết thành đẹp đẻ

mới mẻ viết thành mới mẽ

khẽ khàng viết thành khẻ khàng

thăm thẳm viết thành thăm thẵm

Muốn viết đúng chính tả các dấu hỏi, dấu ngã trong từ láy, cần nắm vững quy tắc hoà phối thanh điệu trong cấu tạo từ láy tiếng Việt như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thanh ngang (không dấu) | Thanh hỏi (?) | Thanh sắc (‘) |
| Thanh huyền (`) | Thanh ngã (~) | Thanh nặng (.) |

Các thanh điệu cùng hàng ngang hoà phối với nhau. Gặp một tiếng trong từ láy mà ta băn khoăn không biết là dùng dấu hỏi hay dấu ngã, ta nên xem tiếng kia có dấu gì. Nếu tiếng kia có thanh ngang hoặc thanh sắc thì tiếng ta băn khoăn phải dùng dấu hỏi. Nếu tiếng kia có thanh huyền hoặc thanh nặng thì tiếng mà ta đang băn khoăn phải dùng dấu ngã (trừ một vài trường hợp ngoại lẹ như tan tành, ngoan ngoãn).

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 – VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

(làm ở nhà)

Đề văn tham khảo:

Đề 1: Kể cho bố mẹ nghe một chuyện lý thú (hoặc cảm động, hoặc buồn cười, … ) mà em đã gặp ở trường.

Đề 2: Kể lại nội dung câu chuyện ghi được trong một bài thơ có tính chất tự sự (như Lượm hoặc Đêm nay Bác không ngủ) theo những ngôi kể khác nhau (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất).

Đề 3: Miêu tả 1 cảnh đẹp mà em đã gặp trong mấy tháng nghỉ hè (có thể là phong cảnh nơi em nghỉ mát hay cánh đồng rừng núi quê em

Đề 4: Miêu tả chân dung 1 người bạn của em

QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN

I. CÁC BƯỚC TẠO LẬP VĂN BẢN

1. Khi nào người ta có nhu cầu tạo lập văn bản ? Lấy việc viết thư cho 1 người nào đó làm ví dụ, hãy cho biết điều gì thôi thúc người ta viết thư.

2. Để tạ0 lập 1 văn bản, ví dụ như viết thư, trước tiên phải xác định 4 vấn đề: Viết cho ai? Viết để làm gì ?, Viết về cái gì ?, Viết như thế nào ? Bỏ qua vấn đề nào trong 4 vấn đề trên cũng không tạo ra được văn bản.

3. Sau khi xác định được 4 vấn đề đó, cần phải làm những gì để viết được văn bản?

4. Chỉ có ý và dàn bài mà chưa viết thành văn thì đã tạo được văn bản chưa ? Hãy cho biết việc viết thành văn ấy cần đạt được những yêu cầu gì trong các yêu cầu dưới đây:

- Đúng chính tả

- Đúng ngữ pháp

-Dùng từ chính xác

- Sát với bố cục

-Có tính liê kết

-Có mạch lạc

-Kể chuyện hấp dẫn

-Lời văn trong sáng

5. Trong sản xuất bao giờ cũng có bước kiểm tra sản phẩm. Có thể coi văn bản là 1 sản phẩm cần được kiểm tra sau khi hoàn thành không? Nếu có thì sự kiểm tra ấy dựa theo những tiêu chuẩn nào?

Ghi nhớ

Để làm nên 1 văn bản, người thực hiện văn bản cần làm theo những bước sau

-Đinh hướng chính xác: Văn bản viết cho ai, để làm gì, về cái gì, và như thế nào

- Tìm ý và sắp xếp ý để có 1 bố cục rành mạch, hợp lý, thể hiện đúng định hướng trên

- Diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu, đoạn văn chính xác, trong sáng, có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau

- Kiểm tra xem văn bản vùa tạo lập có đạt các yêu cầu nêu ở trên chưa và cần sửa chữa gì không

II, Luyện tập

1. Em đã từng tạo lập văn bản trong các tiết tập làm văn. Hãy trả lời các câu hởi sau:
2. Khi tọa nên các văn bản ấy, điều mà em muốn nói có thật sự cần thiết hay không?
3. Em thấy mình đã thực sự quan tâm đến việc viết cho ai chưa ? việc quan tâm ấy có ảnh hưởng đến hình thức và nội dung bài làm như thế nào ?
4. Em có lập dàn bài khi làm văn không ? Từ kinh nghiệm của bản thân em thấy việc xây dựng bố cục có ảnh hưởng thế nào đến kết quả bài làm ?
5. Sau khi hoàn thành bài văn em có thường kiểm tra lại hay không ? Việc kiểm tra sữa chữa bài viết có tác dụng như thế nào
6. Có 1 bạn khi báo cáo kinh nghiệm học tập trong Hội nghị học tốt của trường đã làm như sau:
7. Bạn chỉ toàn kể lại việc mình đã học như thế nào và đã đạt được những thành tích gì trong học tập
8. Bạn luôn hướng về phía các thầy cô giáo luôn nói:”Thưa các thầy cô” để nói và lúc nào cũng xưng em (hoặc con)

Theo em như thế có phù hợp, nên điều chỉnh như thế nào ?

1. Trong 1 buổi thảo luận tổ, nhiều ban đã dồng ý rằng: Muốn tạo lập 1 văn bản thì phải soạn bố cục dưới dạng dàn bài. Nhưng các bạn còn chưa rõ:
2. Dàn bài ấy có buộc phải viết thành những câu trọn vẹn, đúng ngữ pháp hay không ?
3. Một dàn bài thường chứa đựng nhiều mục lớn nhỏ khác nhau. Vậy phải làm thế nào để có thể:

* Phân biệt được mục lớn, mục nhỏ?
* Biết được các mục ấy đã đầy đủ chưa và đã được sắp xếp rành mạch, hợp lý chưa?

Em sẽ trả lời như thế nào cho các thắc mắc trên đây?

1. Em hãy thay mặt En-Ri-Co viết 1 bức thư cho bố nói lên nỗi ân hận vì đã trót nói lời thiếu lễ độ với mẹ kính yêu. Để viết bức thư đó em phải làm những việc gì?

ĐỌc thêm

Trong các báo có những bài lằng nhằng dài mấy cột, như là rau muống, kéo dây. Đọc đến khúc giữa thì không biết khúc đầu nói gì, đọc đến khúc đuôi thì không biết khúc giữa nói gị. Thế là vô ích [… ].

Phải đặt câu hỏi: Viết cho ai? Viết để làm gì, thế thì viết cái gì

**Bài 4**

Kết quả cần đạt

* Nắm được nội dung, ý nghĩa và 1 số hình thức nghệ thuật tiêu biểu (hình ảnh, ngôn ngữ) của những bài ca dao thuộc chủ đề than thân và chủ đề châm biếm trong bài học.
* Nắm được khái niệm đại từ, ý nghĩa của đại từ; có ý thức sử dụng đại từ trong tình huống giao tiếp.
* Nâng cao thêm 1 bước khả năng tạo lập 1 văn bản thông thường và đơn giản

VĂN BẢN

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

1. Nước non lận đạn một mình

Thân cò lên thác xuống ghềnh báy nay

Ai làm cho bể kia đầy

Cho ao kia cạn cho gầy cò non

1. Thương thay thân phận con tằm

Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ]

Thương thay lũ kiến li ti

Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi

Thương thay hạc lánh đường mây

Chim bay mỏi cánh biết ngày nào thôi

Thương thay con cuốc giữa trời

Dầu kêu ra máu có người nào nghe

1. Thân em như trái bần trôi

Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu.

Chú thích:

1. Lận đận: vất vả vì gập quá nhiều khó khăn trắc trở
2. Thác: chỗ dòng nước chảy xiết, vượt qua vách đá cao chắn ngang sông, làm nước đổ mạnh xuống; ghềnh: chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đã lởm chởm nhô cao và nằm chắn ngang làm cho dòng nước dồn lại và chảy xiết. Thác ghềnh: chỉ sự khó khăn trắc trở.
3. , (4) Bể đầy, ao cạn: chỉ cảnh ngang trái.

(5) Hạc: chim lớn, cẳng cao, cổ và mỏ dài, thường được dùng tượng trưng cho sự sống lâu

(6) Con cuốc: Chim nhỏ, hơi giống gà, sống ở bờ bụi gần nước.

(7) Trái bần: Trái của cây bần – loại cây to mọc ở vùng nước lợ.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Trong ca dao, người nông dân thời xưa thường mượn hình ảnh con cò để diễn tả cuộc đời thân phạn mình. Em hãy sưu tầm 1 số bài ca dao chứng minh điều đó.
2. Ở bài 1, cuộc đời lận đận, vất vả của con cò được diễn tả thế nào ? Ngoài nội dung tha thân, bài ca này còn có nội dung gì khác?
3. Em hiểu cụm từ “thương thay” như thế nào. Hãy chỉ ra những ý nghĩa của sự lặp lại cụm từ này trong bài 2.
4. Hãy phân tích những nổi thương thân của người lao động qua các hình thức ẩn dụ trong phần 2.
5. Em hãy sưu tầm 1 số bài ca dao bắt đầu bằng cụm từ “Thân em”.
6. Bài 3 nói về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Hình ảnh so sánh ở bài này có gì đặc biệt.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy nêu những điểm chung về nội dung và nghệ thuật của bài ca dao
2. Học thuộc các bài ca dao đã học

ĐỌC THÊM

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Ông ơi ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con

Gánh cực mà đổ lên non

Còng lưng mà chạy cực còn theo sau

Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày

Ngang lưng thì thắt bao vàng

Đầu đội nón dấu thì mang súng dài

Một tay thì cắp hỏa mai

Một tay cắp giáo quan sai xuống thuyền

Tùng tùng trống đánh ngũ liên

Chân bước xuống thuyền nước mắt như mưa.

VĂN BẢN

NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM

1. Cái cò lặn lội bờ ao

Hỡi cô yếm đào lấy chú tôi chăng.

Chú tôi hay tửu hay tăm

Hay nước chè đặc hay nằm ngủ trưa

Ngày thì ước những ngày mưa

Đêm thì ước những đêm thừa trống canh

1. Số cô chẳng giàu thì nghèo

Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà

Số cô có mẹ có cha

Mẹ cô đàn bà cha cô đàn ông

Số cô có vợ có chồng

Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai

1. Con cò chết rũ trên cây

Con cò mở lịch xem ngày làm ma

Cà cuống uống rựu la đà

Chim ri ríu rít bò ra lấy phần

Chào mào thì đánh trống quân

Chim chích cởi trần vác mõ đi rao

1. Cậu cai nón dấu lông gà

Ngón tây đeo nhẫn gọi là cậu cai

Ba năm được một chuyến sai

Áo ngắn đi mượn quần dài đi thuê

Chú thích

1. Cô yếm đào: cô gái mặc yếm màu hoa đào
2. Tửu, rượu, tăm: bọt sủi lên
3. Ý nói để khỏi đi làm
4. Mỗi đêm có 5 canh, sau mỗi canh có điểm trống
5. Cà cuống: côn trùng sống ở hồ, thân hình lá, dẹt
6. Chim ri: chim giống như chim se, mỏ đen và to
7. Chào mào; chim nhỏ, đầu có túm lông nhọn
8. Đánh trống quân: trống đánh đệm nhịp cho điệu hát trống quân
9. Chim chích: chim nhỏ, ăn sau bọ
10. Cai: tức cai lệ, chức thấp nhất trong quân đội thời phong kiến

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Bài 1 giới thiệu về chú toi như thế nào
2. Bài 2 nhại lời của ai nói với ai
3. Mỗi con vật trong bài 3 tượng trưng cho ai. hạng người nào trong xã hội
4. Chân dung cậu cai được miêu tả như thế nào

LUYỆN TẬP

1. Nhận xét về sự giống nhau của 4 bài ca dao trong văn bản
2. Cả 4 bài đều có hỉnh ảnh ẩn dụ, tượng trưng
3. Tất cả dều sử dụng biện pháp phóng đại
4. Đều có nọi dung và nghệ thuât châm biếm
5. Nghệ thuật tả thực trong cả 4 bài
6. Những câu hát trên có điểm gì giống truyện cười.

ĐỌC THÊM

Chập chập rồi lại cheng cheng

Con gà trống thiến để riêng cho thầy

Đơm xôi thì đơm cho đầy

Đơm vơi thì bánh nàh thầy mất thiêng

Con mèo mà trèo cây cau

Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà

Chú chuột di chợ đường xa

Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo

Đồn rằng quan tướng có danh

Cưỡi ngựa một mìh chẳng phải vịn ai

Ban khen rằng “ấy mới tai”

Ban cho cái áo với hai đồng tiền

Đánh giặc thì chạy trước tiên

Xong vào trận tiền cởi khố giặc ra

Giặc sợ giặc chạy về nhà

Trở về gọi ẹ mổ gà khao quân

ĐẠI TỪ

1. THẾ NÀO LÀ ĐẠI TỪ

Đọc những câu dưới đây, chú ý những từ in đậm và trả lời câu hỏi

1. Gia đình tôi khá giả. Ang em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan. Nó lại khéo tay nữa.
2. Chợt con gà trống ở phía sau bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Tiếng nó dõng dạc nhất xóm.
3. Mẹ tôi, giọng khàn khàn, từ trong màn vọng ra:

-Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.

Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên cầm cập, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi.

1. Nước non lận đận một mình

Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay

Ai làm cho bể kia đầy

Cho ao kia cạn cho gầy cò non.

Câu hỏi:

1. Từ nó ở đoạn văn đầu trỏ ai? Từ nó ở đoạn văn thứ hai trỏ con vật gì?Nhờ đâu em biết được nghĩa của hai từ nó trong hai đoạn văn này?
2. Từ thế ở đoạn văn thứ ba trỏ sự việc gì? Nhờ đâu em hiểu nghĩa của từ thế?
3. Từ ai trong bài ca dao dùng để làm gì??
4. Các từ nó, thế, ai trong các đoạn văn trên giữ vai trò ngữ pháp gì trong câu?
5. CÁC LOẠI ĐẠI TỪ
6. Đại từ để trỏ
7. Các đại từ tôi, tao tớ, chúng tao, chúng ta….. trỏ gì?
8. Các đại từ bấy, bấy nhiêu trỏ gì
9. Các đại từ vậy, thế trỏ gì?
10. Đại từ để hỏi
11. Các đại từ ai, gì hỏi về cái gì?
12. Các đại từ bao nhiêu, mấy hỏi về cái gì?
13. Các đại từ sao, thế nào hỏi về cái gì?
14. LUYỆN TẬP
15. Nghĩa của đại từ mình trong câu: “cậu giúp đỡ mình với nhé” có gì khác với nghĩa của đại từ mình trong câu ca dao sau

Mình về có nhớ ta chăng

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.

1. Khi xưng hô, một số danh từ chỉ người như ông, bà cha, mẹ chú, bác … cũng được sử dụng như đại từ xưng hô. Ví dụ:

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

Hãy tìm thêm các ví dụ tương tự.

1. Các từ để hỏi trong nhiều trường hợp được dùng để trỏ chung. ví dụ:

* Hôm ấy ở nhà, ai cũng vui.
* Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.

* Thế nào anh cũng đến nhé

Dựa theo những cách nói trên, hãy đặt câu với mỗi từ: ai, sao, bao nhiêu để trỏ chung

1. Đối với các bạn cùng lớp, cùng lứa tuổi, em nên xưng hô thế nào? Ở trường lớp có hiện tượng xưng hô thiếu lịch sự không? Nên ứng xử thế nào với những hiện tượng đó?
2. Em hãy so sánh sự khác nhau giữa số lượng và ý nghĩa biểu cảm giữa từ xưng hô tiếng việt và từ xưng hô ngoại ngữ mà em được học.

ĐỌC THÊM

LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN

1. Chuẩn bị ở nhà
2. Cho tình huống

Em cần viết một bức thư để tham gia cuộc thi viết thư do liên minh bưu chính quốc tê (UPU) tổ chức với đề tài: thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.

Hãy chuẩn bị viết bài theo các bước: tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết 1 số đoạn văn.

1. Gợi ý
2. Em sẽ viết về nội dung gì cho phù hợp với khuôn khổ 1000 chữ: truyền thống lịch sử, cảnh đẹp thiên nhiên hay những đặc sắc về văn hóa và phông tục của đất nước Việt Nam
3. Em sẽ viết cho ai: một người bất kì hay phải có tên cụ thể, người lớn hay trẻ em.
4. Em viết bức thư ấy để làm gì: để nhắc lại các bài học về địa lý hay lịch sử hay còn để gay thiện cảm của bạn với đất nước mình.
5. Em sẽ mở đầu bức thư thế nào cho tự nhiên, gợi cảm chứ không gượng gao.
6. Em sẽ viết những gì trong phần chính của bức thư?
7. Em sẽ kết thúc thư như thế nào?

BÀI 5

VĂN BẢN

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

Phiên âm

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tiệt nhiên địn phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Dịch nghĩa

Sông núi nước nam vua nam ở

Giới phận đó đã được phân chia tại sách trời

Cớ sao kẻ thù lại dám đến xâm phạm

Chúng mày nhất định sẽ thua

Dịch thơ

Sông núi nước nam vua nam ở

Vằng vặc sách trời chia xứ sở

Giặc dữ cớ sao phậm đến đây

Chúng mày nhất định sẽ vỡ tan.

(Nam: phương Nam, quốc: nước, sơn: núi, hà: sông, đế: vua. Tiệt nhiên: rõ ràng như thế. Như hà: cớ sao)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào lời giới thiệu về thơ thất ngôn tứ tuyệt để nhận dạng thể thơ của bài Nam quốc sơn hà
2. Sông núi nước nam được coi là bản tuyên ngông độc lạp đầu tiên của nước ta được viết bằng thơ. vậy thế nào là 1 tuyen ngôn độc lập.
3. Sông núi nước nam là 1 bài thơ thiên về sự biểu ý. vậy nội dung biểu ý đó được thể hiện theo 1 bố cục như thế nào
4. Bài thơ này có biểu hiện cảm xúc khồn?
5. Qua các cụm từ “tiệt nhiên”, “định phận tại thiên thư”, “hành khan thủ bại hư”. Hãy nhận xét về giọng điệu của bài thơ.

LUYỆN TẬP

1. Nếu có bạn thắc mắc sao không nói là “Nam nhân cư” mà lại nói “Nam đế cư”. Em sẽ giải thích như thế nào?
2. Học thuộc lòng bài thơ

ĐỌC THÊM

Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự

Sách trời định phận rõ non sông

Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm

Bay hãy chờ coi, chuốc bại vong

VĂN BẢN

PHÒ GIÁ VỀ KINH

Phiên âm

Đoạt sáo Chương Dương độ,

Cẩm Hồ Hoàn Tử quan.

Thái bình tu trí lực

Vạn cổ thử giang san

Dịch nghĩa

Cướp giáo giặc ở bến Chương Dương

Bắt quân Hồ ở của Hàm Tử

Thái bình rồi nên dốc hết sức lực

Muôn đời vẫn có non sông này

(tụng: đi theo sau, giá: xe vua đi, kinh: thủ đô, đoạt: cướp lấy, cầm: bắt, tu: nên, cổ: xưa)

Dịch thơ

Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình nên gắng sức

Non nước ấy ngàn thu

1. Chương Dương: bến sông nằm ở hữu ngạn sông Hồng, thuộc huyện Thường Tín
2. Hàm Tử: ở tả ngạn sông Hồng

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Em hãy dựa vào giới thiệu về thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt để nhận dạng thể thơ bài Tụng giá hoàn kinh sư
2. Nội dung được thể hiện ở hai cầu đầu và 2 câu sao khác nhau chỗ nào
3. Cách biểu ý và biểu cảm của 2 bài Tụng giá hoàn kinh sư và Sông núi nước nam có gì khác nhau.

LUYỆN TẬP

Theo em, cách nói giản dị, cô đúc của bài thơ này có tác dụng gì trong việc thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình của dân tộc ta thời đại nhà Trần?

ĐỌC THÊM

TỨC SỰ

Phiên âm

Xã tắc lưỡng hòi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu

Dịch nghĩa

Trên nền xã tắc hai lần ngựa đá phải mệt nhọc

Nhưng núi sông ngàn đời vẫn được đặt vững như âu vàng.

(xã: chỗ tế thần đất, tắc: chỗ tế thần Nông, hồi: xoay lại, xưa: cũ)

Dịch thơ

Xã tắc hai phen chòn ngựa đá

Non sông nghìn thưở vững âu vàng

TỪ HÁN VIỆT

1. ĐƠN VỊ CẤU TẠO TỪ HÁN VIỆT

Đọc bài thơ chữ Hán: Nam quốc sơn hà và trả lời câu hỏi

1. Các tiếng nam, quốc, sơn, hà nghĩa là gì?
2. Tiếng thiên trong từ thiên thư có nghĩa là trời. tiếng thiên trong các từ Hán vietj sau có nghĩa là gì?

* Thiên niên kỉ, thiên lý mã
* Lí Công Uẩn thiên đô về Thăng Long.

1. TỪ GHÉP HÁN VIỆT
2. Các từ sơn hà, xâm phạm, giang san thuộc loại từ ghép chính phụ hay dẳng lập.
4. Các từ ái quốc, thủ môn, chiến thắng thuộc loại từ ghép gì? Trật tự của các yếu tố trong các từ này có giống trật tự các tiếng trong từ ghép thuần Việt cùng loại không?
5. Các từ thiên thư, thạch mã, tái phạm, thuộc loại từ ghép gì?
6. Luyện Tập
7. Phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt đồng âm trong các từ sau:

Hoa: hoa quả, hương hoa

Hoa: hoa mĩ, hoa lệ

Phi: phi công, phi đội

Phi: phi pháp, phi nghĩa

Phi: cung phi, vương phi

Tham: tham vọng, tham lam

Tham: tham gia, tham chiến

Gia: gia chủ, gia súc

Gia: gia vị, gia tăng

1. Tìm các từ ghép Hán Việt có chứa các yếu tố Hán Việt quốc, sơn, cư, bại.
2. Xếp các từ ghép: hữu ích, thi nhân, đại thắng, phát thanh, bảo mật, tân binh, hậu đãi, phòng hỏa vào nhóm thích hợp
3. Từ có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau
4. Từ có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau
5. Tìm 5 từ ghép Hán Việt có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau; 5 từ có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau.

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM

1. Nhu cầu biểu cảm và văn biểu cảm
2. Nhu cầu biểu cảm của con người

Đọc những câu ca dao sau và trả lời câu hỏi

* Thương thay con cuốc giữa trời

Dầu kêu ra máu có người nào nghe

* Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát

Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng bát ngát mênh mông

Thân em như chẽn lúa đòng đòng

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai

Câu hỏi:

Mỗi câu ca dao trên thổ lộ tình cảm, cảm xúc gì?Người ta thổ lộ tình cảm để làm gì? Theo em khi nào thì con người cần làm văn biểu cảm?

1. Đặc điểm chung của văn biểu cảm

Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

1. Thảo thương nhớ ơi! Mới ngày nào Thảo còn ngồi chung một bàn với Hồng, Minh, Ngọc, thế mà nay Thảo đã theo cha mẹ vào Thành Phố Hồ Chí Minh, để cho bọn mình xiết bao mong nhớ. Thảo có nhớ những lần chúng mình cùng dạo Hồ Tây, cùng chơi Thủ Lệ, cùng tham quan ao Vua? Thảo có nhớ mọt lần mình bị ốm dài, Thảo chép bài cho mình?
2. Trên đài, một người con gái nào đó vừa hát một bài dân ca của nước ta trong đêm. bây giờ tất cả im lwangj rồi, giọt sao ngoài khung cửa cũng đọng lại, đứng im, không nháy nữa, đêm đã đi vào chiều sâu, mà vẫn còn nghe âm vang mãi giọng hát của người con gái lúc nãy. Một giọng hát dân ca, ngân nga bát ngát như cánh cò trên đồng lúa miền Nam chạy tới chân trời, có lúc rụt rè e thẹn như khóe mắt người yêu mới gặp, có lúc tinh nghịch duyên dáng như những đôi chân nhỏ thoăn thoắt gánh lúa chạy trên những con đường làng trộn lẫn bóng tre và bóng nắng… Có lẽ là không phải một người con gái đã hát trên đài. Đó chính là quê hương ta đang lên tiếng hát. Tiếng hát ngân nga dội lên từ lóng đất, ở trong đó một góc vuonwfcos đôi cây sồi đông và một dần bầu đông đưa quả nặng. Đó là tiếng ngân của mặt đất, của dòng sông, của những xóm làng và những cánh đồng sau một ngày lao động và chiến đấu.

Câu hỏi:

1. Hai doạn văn trên biểu đạt những nội dung gì? Nội dung ấy có đặc điểm gì khác so với nội dung của văn bản tự sự và miêu tả?
2. Có ý kiến cho rằng tình cảm, cảm xúc trong văn biểu cảm phải là tình cảm cảm xúc thấm nhuần tư tưởng nhân văn. Qua đoạn văn trên em có đồng ý với ý kiến đó không.

BÀI 6

VĂN BẢN

BUỔI CHIỀU ĐỨNG Ở PHỦ THIÊN ĐƯỜNG TRÔNG RA

(Thiên trường vãn vọng)

Phiên âm

Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên

Bán vô bán hữu tịch dương biên

Mục đồng địch lý ngưu quy tận

Bạch lộ song song phi hạ điền

Dịch nghĩa

Sau thôn trước thôn đều mờ mờ như khói phủ

Bên bóng chiều nửa như có nửa như không

Trong tiếng sáo mục đồng dẫn trâu về hết

Từng đôi có trắng hạ xuống đồng

(Thiên Trường: tên đất, vãn: buổi chiều, vọng: trông, thôn: làng xóm, hậu: sau, tiền: trước, Mục: nuôi súc vật, đồng: trẻ con, bạch: Trắng, song: hai cái)

Dịch thơ

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng

Bóng chiều man mác có dường không

Mục đồng sáo vẵng trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng

(Ngô Tất Tố dịch trong thơ văn Lý-Trần)

Chú thích

Trần Nhân Tông (1258-1308) tên thật là Trần Khâm, con trưởng của Trần Thánh Tông, là ông vua yêu nước, anh hùng, nổi tiếng khoan hòa, nhân ái, đã cùng vua cha lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. ông theo đạo Phật. Năm 1299 ông về tu ở chùa Yên Tử và trở thành vị tổ thứ nhất của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Về thể thơ, bài Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra giống với bài thơ nào đã học. Hãy nêu một số đặc điểm của thể thơ đó và chỉ rõ những đặc điểm ấy đã thể hiện ở bài thơ này như thế nào?
2. Cụm từ nửa như có nửa như không có ý nghĩa gì.
3. Trong bài thơ, cảnh vật dược miêu tả vào thời điểm nào trong ngày và gồm những chi tiết gì?
4. Qua các nội dung được miêu tả trong bài thơ, em có cmar nhận gì trước cảnh tượng buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường và tâm trạng của tác giả trước cảnh tượng đó.
5. Sau khi hiểu được giá trị của bài thơ em có thêm suy nghĩ gì khi nhớ rằng tác gải là một ông vua chứ không phải là dân quê? Từ đó em có thể nói gì nữa về nhà Trần trong lịch sử nước ta?

VĂN BẢN

BÀI CA CÔN SƠN

Côn sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

Côn sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm

Trong ghềnh thông mọc như nêm

Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm

Trong rừng có trúc bóng râm

Trong màu xanh ngát ta ngâm thơ nhàn

Chú thích:

Nguyễn Trãi (1380 -1442): hiệu là Ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương, sau dời đến lành Nhị Khê huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn với vai trò rất lớn bên cạnh Lê Lợi. Nguyễn Trải đã trở thành một nhân vật lịch sử lỗi lạc. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại một cách rất oan khốc vào năm 1442. Mãi đến năm 1464 mới được vua Lê Thánh Tông rửa oan.

Nguyễn Trãi để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ và phong phú, trong đó có Bình Ngô Đại Cáo, Ức Trai Thi Tập…. Trong nguyên văn chữ Hán thì Côn Sơn Ca viết theo thể khác nhưng được dịch bằng thể thơ lục bát. Trong thể thơ này chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ 6 của câu 8.. thể lục bát cũng có luật trắc bằng.

1. Côn sơn: thuộc thông Chi Ngại xã Cộng Hòa huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương. Nguyễn Trãi đã sống ở đâytừ khoảng cuối năm 1437 cho đến ngày bị hại
2. Đàn cầm: thứ đàn xưa có 5 dây, su có 7 dây
3. Thông: Loại cây có thân thẳng, nhựa thơm
4. Nêm: chem hoặc lèn cho chặt
5. Râm: Không có ánh mặt trời chiếu trực tiếp

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Em hãy dựa vào lời giới thiệu về thể thơ lục bát ở chú thích để nhận dạng thể thơ được trích dịch trong Bài ca Côn Sơn
2. Em hãy đếm trong đoạn thơ có mấy từ ta và trả lời câu hỏi:
3. Nhân vật ta là ai
4. Hình ảnh và tâm hồn của nhân vật ta hiện lên trong đoạn thơ như thế nào
5. Tiếng suối chảy rì rầm được ví với tiếng đàn cầm. Đá rêu phơi được ví với chiếu êm. Cách ví von đó giúp em cảm nhận được gì?
6. Cùng với hình ảnh của nhân vật ta, cảnh tượng Côn Sơn được gợi tả bằng những chi tiết nào
7. Em có cảm nhận gì về nhân vật ta ngâm thơ nhàn trong màu xanh ngát của trúc bóng râm?
8. Hãy chỉ ra hiện tượng dùng điệp từ trong đoạn thơ trên và phân tích tác dụng của điệp từ đối với việc tạo nên giọng điệu củ đoạn thơ?

TỪ HÁN VIỆT (Tiếp Theo)

1. Sử dụng từ Hán Việt
2. Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm
3. Tại sao các câu văn dưới đây dùng các từ Hán Việt mà không dùng các từ ngữ thuần Việt có ý nghĩa tương tự?

* Phụ nữ Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang
* Cụ là nhà cách mạng lão thành. Sau khi cụ từ trần, nhân dân địa phương đã mai táng cụ trên một ngọn đồi
* Bác sĩ đang khám tử thi

1. Các từ Hán Việt tạo được sắc thái gì cho đoạn văn trích dưới đây:

Yết Kiêu đến kinh đô Thăng Long, yết kiến vua Trần Nhân Tông

Nhà vua: Trẫm cho nhà ngươi 1 loại binh khí

Yết kiêu: Tâu bệ hạ, thần chỉ xin một chiếc dùi sắt

Nhà vua: Để làm gì

Yết kiêu: Để dùi thủng chiến thuyền của giặc, vì thần có thể lặn hàng giớ dưới nước.

1. Không nên lạm dụng từ Hán Việt

Theo em trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có cách diễn đạt hay hơn, vì sao?

1. Kì thi này con đạt loại giỏi. Con đề nghị mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng

Kì thi này con đạt loại giỏi, mẹ thưởng cho con một phần thưởng xứng đáng

1. Ngoài sân, nhi đồng đang vui đùa

Ngoài sân, trẻ em đang vui dùa

Ghi nhớ

Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

II –LUYỆN TẬP

1. Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chổ trống?

* (thân mẫu, mẹ):

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa … như nước trong nguồn chảy ra.

Nhà máy dệt kim Vinh mang tên Hoàng Thị Loan - … Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* (phu nhân, vợ):

Tham dự buổi chiêu đãi có ngài đại sứ và …

Thuận …. Thuận chồng tát biển Đông cũng cạn.

* (lâm chung, sắp chết):

Con chim … thì tiếng kêu thương,

Con người … thì lời nói phải

Lúc … ông cụ còn dặn dò con cháu phải thương yêu nhau.

* (giáo huấn, dạy bảo);

Mọi cán bộ đều phải thực hiện lời … của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Con cái cần phải nghe lời … của cha mẹ.

1. Tại sao người Việt Nam thích dùng từ Hán – Việt để đặt tên người, địa lí?
2. Đọc đạon văn sau đây trong Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy, tìm những từ ngữ Hán Việt góp phần tạo sắc thái cổ xưa.

Lúc bấy giờ Triệu Đà làm chúa đất Nam Hải. Mấy lần Đà đem quân sang cướp đất Âu Lạc, nhưng vì An Dương Vương có nỏ thần, quân Nam Hải bị giết hại rất nhiều, nên Đà đành cố thủ đợi cơ hội khác. Triệu Đà thấy dùng binh không lợi, bèn xin giảng hòa với An Dương Vương, và sai con trai là Trọng Thủy sang cầu thân, nhưng chú ý tìm cách phá chiếc nỏ thần.

Trong những ngày đi lại để kết tình hòa hiếu, Trọng Thủy gặp được Mị Châu, một thiếu nữ mài ngài mắt Phượng, nhan sắc tuyệt trần, con gái yêu của An Dương Vương.

(Theo Vũ Ngọc Phan)

1. Nhận xét về việc dùng các từ Hán Việt (in đậm) trong những câu sau:

* Em đi xa nhớ bảo vệ sức khỏe nhé!
* Đồ vật làm bằng gổ tốt thì sử dụng được lâu dài. Còn những đồ làm bằng gỗ xấu dù làm rất cầu kì, mĩ lệ thì cũng chỉ dùng được trong một thời gian ngắn.

Hãy dùng các từ thuần Việt thay thế các từ Hán Việt trên cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp bình thường.

ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BIỂU CẢM

I - TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM

1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi

TẤM GƯƠNG

Tấm gương là người bạn chân thật suốt đời mình, không bao giờ biết xu nịnh ai, dù đó là kẻ vương giả uy quyền hay giàu sang hãnh tiến. Dù gương có tan xương nát thịt thì vẫn cứ nguyên tấm lòng ngay thẳng trong sạch như từ lúc me cha sinh ra nó.

Nếu ai có bộ mặt không được sinh đẹp. Nếu ai mặt nhọ, gương nhắc nhở ngay. Nếu ai buồn phiền cau có thì gương cũng buồn phiền cau có theo như để an ủi, sẻ chia cho người đở buồn phiền sầu khổ.

Là người, ai dám tự bảo mình là trong sáng suốt đời như tấm gương kia. Thiếu gì kẻ ác độc, nịnh hót, hớt lẻo, dối trá, có kẻ còn tham lam mà bảo trắng là đen, gọi xấu là tốt hay sao.

Không một ai mà không soi gương, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà. Soi gương nhiều nhất có lẽ là các chị chúng ta, những cô gái càng xinh đẹp thì càng thích soi gương.

Không hiểu ông trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi (a) có lúc nào soi gương đề buồn phiền cho gương mắt xấu xí của mình, để rồi làm ra bài phú Hoa sen giếng ngọc nổi tiếng bao đời. Anh Trương Chi (b) nữa, anh ngồi trên con thuyền lơ lững mặt sông, có soi vào dòng nước để tủi cho khuôn mặt mình, nên đành gửi lòng vào tiếng hát cho say đắm lòng cô gái cấm cung và bao người khác nữa… thành câu chuyện đau buồn.

Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn nếu có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẩm mà lòng không hổ thẹn.

Còn tấm gương bằng thủy tinh tráng bạc, nó vẫn là người bạn trung thực, chân thành, thẳng thắn không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác với bất cứ ai.

(Theo Băng Sơ, U tôi)

* 1. Mạc Đĩnh Chi: Trạng nguyên đời Trần, thế kỉ XIV, làm quan to, khí tiết cứng cỏi, giỏi ứng đối.
  2. Trương Chi: nhân vật truyện cổ tích. Trương Chi là chàng trai lái đò, người xấu xí nhưng có tiếng hát hay làm cô con gái quan Thừa tướng say đắm. Cô gái thấy anh xấu thì thất vọng, còn anh thấy cô thì say mê. Trương Chi không được yêu lại, đau khổ rồi chết, hồn nhập vào cây gỗ bạch đàn Thừa tướng mua gỗ về tiện làm bộ chén trà. Mỗi lần rót nước vào chén thì hiện lên hình bóng anh lái đò. Mị Nương nhìn thấy, nhớ người cũ, rớt nước mắt vào chén, chiếc chén tan thành nước.

Câu hỏi:

1. Bài văn Tấm gương biểu đạt tình cảm gì?
2. Để biểu đạt tình cảm đó, tác giả bài văn đã làm như thế nào?

(Gợi ý: Việc đem tấm gương mà ví với người bạn trung thực để ca ngợi phẩm chất trung thực có ý nghĩa như thế nào đối với bài văn này?)

1. Bố cục bài văn gồm mấy phần? Phần Mở bài và Kết bài có quan hệ với nhau như thế nào? Phần Thân bài đã nêu lên những ý gì? Những ý kiến đó liên quan tới chủ đề bài văn như thế nào?
2. Tính cảm và sự đánh giá của tác giả trong bài có rõ ràng, chân thực không? Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với giá trị của bài văn?

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế? Mãi không về! Người ta đánh con vì con dám cướp đồ chơi của con mà người ta giằng lấy. Người ta lại còn chửi con, chửi cả mẹ nữa! Mẹ xa con, mẹ có biết không?

(Nguyên Hồng, Những ngày thơ âu)

Câu hỏi:

Đọc đoạn văn biểu hiện tình cảm gì? Tình cảm ở đây được biểu hiện trực tiếp hay gián tiếp? Em dựa vào dấu hiệu nào để đưa ra nhận xét của mình?

Ghi nhớ:

Mỗi bài văn biểu cảm tập trung biểu đạt một tình cảm chủ yếu.

Để biểu đạt tình cảm ấy, người viết có thể lựa chọn một hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng (là một đồ vật, loài cây hay một hiện tượng nào đó) để gửi gắm tình cảm, tư tưởng, hoặc biểu đạt bằng cách thổ lộ trực tiếp những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng.

Bài văn biểu cảm thường có bố cục ba phần như mọi bài khác.

Tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực thì bài văn biểu cảm mới có giá trị.

II – LUYỆN TẬP

Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

HOA HỌC TRÒ

Phượng cứ nở. Phượng cứ rơi. Bao giờ cũng có hoa phượng rơi, bao giờ cũng có hoa phượng nở. Nghỉ hè đã đến. Học sinh sửa soạn về nhà. Nhà chưa về, cái vui gia đình đâu chẳng thấy, chỉ thấy xa trường, rời bạn, buồn biết bao! Những cuộc tình duyên giữa bạn bè, đến lúc rẽ chia, cũng rẽ chia dưới màu hoa phượng; dù hữu tâm, dù vô tình, người nào cũng có sắc hoa phượng nằm ở trong hồn. Phượng xui ta nhớ cái gì đâu. Nhớ người sắp xa, còn đứng trước mặt… Nhớ một trưa hè gà gáy khan… Nhớ một thành xưa son uể oải…

… Thôi học trò đã về hết, hoa phượng ở lại một mình. Phượng đứng canh gác nhà trường, sân trường. Hè đang thịnh, mọi nơi đều buồn bã, trường ngủ, cây cối cũng ngủ. Chỉ có hoa phượng thức để làm vui cho cảnh trường. Hoa phượng thức, nhưng thỉnh thoảng cũng mệt nhọc, muốn lim dim. Gió qua, hoa giật mình, một cơn hoa rụng.

Cứ như thế, hoa - học – trò thả những cánh son xuống cỏ, đếm từng giây phút xa bạn học sinh! Hoa phượng rơi, rơi… Hoa phương mưa. Hoa phượng khóc. Trường tẻ ngắt, không tiếng trống, không tiếng người. Hoa phượng mơ, hoa phượng nhớ. Ba tháng trời đằng đẵng. Hoa phượng đẹp với ai, khi học sinh đã đi cả rồi!

(Theo Xuân Diệu)

Câu hỏi:

* + 1. Bài văn thể hiện tình cảm gì? Việc miêu tả hoa phượng đóng vai trò gì trong bài văn biểu cảm này? Vì sao tác giả gọi hoa phương là hoa – học – trò?
    2. Hãy tìm mạch ý của bài văn.
    3. Bài văn này biểu cảm trực tiếp hay gián tiếp?

ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

I-ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁC BƯỚC LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

1. Đề văn biểu cảm

Đề văn biểu cảm thường chỉ ra đối tượng biểu cảm và tình cảm cần biểu hiện. Hãy chỉ ra những nội dung đó trong các đề sau:

1. Cảm nghĩ về dòng sông (hoặc dãy núi, cánh đồng, vườn cây, … ) quê hương.
2. Cảm nghĩ về đêm trăng trung thu.
3. Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.
4. Vui buồn tuổi thơ.
5. Loài cây em yêu.
6. Các bước làm bài văn biểu cảm

Cho đề bài: Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.

1. Tìm hiểu đề và tìm ý: Đối tượng phát biểu cảm nghĩ mà đề văn nêu ra là gì? Em hình dung và hiểu thế nào về đối tượng ấy?

(Gợi ý: Từ thưở ấu thơ, có ai không nhìn thấy nụ cười của mẹ? Đó là nụ cười yêu thương, nụ cười khích lệ đối với mỗi tiến bộ của em – khi em biết đi, biết nói, khi em lần đâu đi học, mỗi khi em được lên lớp, … Có phải lúc nào mẹ cũng nở nụ cười không? Đó là những lúc nào? Mỗi khi vắng nụ cười của mẹ, em cảm thấy thế nào? Làm sao để luôn luôn được thấy nụ cười của mẹ? Hãy gợi ra thật nhiều ý liên quan tới đối tượng biểu cảm và cảm xúc của mình.)

1. Lập dàn bài: Sắp xếp các ý theo bố cục ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.
2. Viết bài: Hãy dự kiến cách viết các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Em sẽ viết như thế nào để bày tỏ cho hết niềm yêu thương, kính trọng với mẹ?
3. Sửa bài: Sau khi viết xong, có cần đọc lại và sửa chửa bài viết không? Vì sao?

Ghi nhớ

Đề văn biểu cảm bao giờ cũng nêu ra đối tượng biểu cảm và định hướng tình cảm cho bài làm.

Các bước làm bài văn biểu cảm là tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết bài và sửa bài.

Muốn tìm ý cho bài văn biểu cảm thì phải hình dung cụ thể đối tượng biểu cảm trong mọi trường hợp và cảm xúc, tình cảm của mình trong các trường hợp đó.

Tìm lời văn thích hợp, gợi cảm.

II – LUYỆN TẬP

Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Thông thường người đi xa trở lại quê nhà hay kể với bà con láng giềng chuyện lạ phương xa. Riêng tôi về làng, về xứ, lúc nào cũng thích nói đến cái đẹp, cái lớn quê mình.

Tuổi thơ tôi đã hằn sâu tron kí ức những ngọn núi trông xa lấp lánh như kim cương, lúc xanh mờ, khi xanh thẫm, lúc tím lơ, khi rực rỡ như núi ngọc màu xanh. Những năm tháng xa quê, dông tố cuộc đời tưởng chừng cuồn cuộn chảy, những dòng kinh biêng biếc vẫn lặng lờ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mù khói rạ, thơm vị mía lùi và trắng xáo sương mù sau Tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thẳm canh khuya. Tôi yêu ánh nắng chiều tà trải màu vàng tái trên rẫy khoai mì, nghiêng nghiêng bên triền núi. Biết bao đêm trăn trở tôi viết bao trang về con rạch nhỏ cạn lờ chảy qua bến Miễu, cát vàng xâm xấp nước. Tôi yêu màu đá xám đen, tấm phên xác xơ che nắng cho người đập đá. Tôi nhớ ngon cỏ phất phơ giữa đồng nước lớn, cây cà na trái nặng chùm chùm, cây gáo mồ hôi, cây gáo đôi im lìm xa ngoài đồng bãi. Như con chiên ngoan mơ về “Đất hứa”, tôi da diết mong gặp lại cây đa bến Miễu, cây me già Đá Chẹt, con đường quanh co lồi lõm lên Pháo Đài. Tôi nhớ những dòng nước lấp lánh từ triền đá cao ào ào đổ xuống, róc rách len vào khe đá rồi thong thả bò qua con đường trải đá, chảy xuống xóm làng.

An Giang từ bao đời đến bây giờ là đất nóng, là bãi chiến trường. Bờ cõi An Giang đời này sang đời khác luôn luôn bị xâm lăng và đẫm máu. Lịch sử An Giang đã viết bằng những cuộc đời lận đận, những số phận bi thương, những tâm hồn vĩ đại, bằng máu và nước mắt, bằng những lưỡi gươm và cây tầm vông vạt nhọn, bằng những mũi phi tiêu và cây súng thô sơ. Tôi thèm được leo lên Pháo Đài tìm lại phiến đá nào đã in dấu chân Hoàng Đạo Cật, cùng đồng đội của anh đánh tung trận địa pháo tầm xa của giặc. Tôi tha thiết muốn biết triền đá nào chí sĩ can trường Trương Gia Mô đã từ trên ngọn tháp lao xuống, nhất định không để sa vào tay giặc Pháp. Tôi muốn tìm lại vang bóng con người đến phút cuối đời còn làm cho giặc khiếp sợ mà nhà cách mạng lỗi lạc Phan Bội Châu nghe tin đã khóc với những lời thơ thống thiết…

Ôi, quê mẹ nơi nào cũng đẹp nơi nào cũng rực rỡ chiến tích, kì công. Từ mảnh đất quê hương nghèo tôi chập chững ra đi, khi về đôi chân rắn chắc vì được luyện qua nhiều miền xa đất nước. Khi đi, từ khung cửa hẹp của ngôi nhà lá nhỏ tôi ngơ ngác nhìn ra vùng đất rộng bên ngoài với đôi mắt khù khờ. Khi về, ánh sáng mặt trời những miền đất lạ bao la soi sáng mỗi bước tôi đi. Tôi nhìn rõ quê hương hơn thấy được xứ sở mình đẹp hơn ngày khởi cuộc hành trình.

(Theo Tản văn Mai Văn Tạo)

Câu hỏi:

1. Bài văn biểu đạt tình cảm gì, đối với đối tượng nào? Hãy đặt cho bài văn một nhan đề và một đề văn thích hợp.
2. Hãy nêu lên dàn ý của bài.
3. Chỉ ra phương thức biểu cảm của bài văn.

BÀI 7

Kết quả cần đạt

Cảm nhận được nỗi sầu chia li, ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa và niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ cùng giá trị nghệ thuật ngôn từ trong đoạn thơ trích Chinh phụ ngâm khúc; vẻ đẹp, bản lĩnh sắt son, thân phận chìm nổi của người phụ nữ qua sự trân trọng và cảm thương của Hồ Xuân Hương ở bài thơ Bánh trôi nước. Bước đầu hiểu thể thơ song thất lục bát.

Nắm được khái niệm quan hệ từ, các loại quan hệ từ.

Luyện tập các thao tác làm văn biểu cảm.

VĂN BẢN

SAU PHÚT CHIA LI

(Trích Chinh phụ ngâm khúc\*)

Chàng (1) thì đi cõi xa mưa gió

Thiếp (2) thì về buồng cũ chiếu chăn

Đoái trông theo đã cách ngăn

Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.

Chốn Hàm Dương (3) chàng còn (4) ngảnh lại

Bến Tiêu Dương (5) thiếp hãy trông sang

Bến Tiêu Dương cách Hàm Dương

Cây Hàm Dương cách Tiêu Dương mấy trùng (6).

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai? (7) …

(Đoàn Thị Điểm (?), trong Đặng Thai Mai, Giảng văn Chinh phụ ngâm, Trường ĐHSP Hà Nội I, 1992)

Chú thích

(\*) Chinh phụ ngâm khúc (Khúc ngâm của người vợ có chồng ra trận, cũng gọi là Chinh phụ ngâm), nguyên văn chữ Hán của Đặng Trần Côn. Ông là người làng Nhân Mục – nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội – sống vào nữa thế kỉ XVIII. Sau khi ra đời, Chinh phụ ngâm khúc được nhiều người diễn Nôm. Bản diễn Nôm này từng được xem là của Đoàn Thị Điểm (1705 1748), một phụ nữ có tài sắc, người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc, nay là huyện Yên Mĩ, tỉnh Hưng Yên. Nhưng lại có ý kiến cho là của Phan Huy Ích. Chinh phụ ngâm khúc là khúc ngâm về nỗi sầu thương, nhớ nhung của người vợ có chồng ra trận. Cả nguyên tác và bản diễn Nôm đượ dùng đều là kiệt tác trong lịch sử văn học Việt Nam. Đoạn trích trên nói về tâm trạng của người vợ ngay sau phút chia li. Nhan đề đoạn trích do người soạn sách đặt. Chinh phụ ngâm khúc trong nguyên tác chữ Hán viết theo thể thơ khác. Ở đây được diễn NÔm bằng thể song thất lục bát. Song thất lục bát là thể thơ do người Việt Nam sáng tạo, gồm hai câu chữ (song thất) tiếp đến hai câu 6 – 8 (lục bát). Bốn câu thành một khổ, số lượng khổ thơ không hạn định. Chữ cuối của câu 7 trên vần với chữ thứ năm trong câu 7 dưới, đề vần trắc. CHữ cuối của câu 8 đều vần bằng. CHữ cuối của câu 8 lại vần với chữ thứ năm của câu 7 trên của khổ sau, cũng vần bằng.

(1) Chàng: từ mà người phụ nữ xưa dùng để gọi chồng hoặc người yêu trẻ tuổi với ý thân thiết.

(2) Thiếp: từ mà người phụ nữ xưa dùng để tự xưng với chồng hoặc người đàn ông nói chung một cách khiêm nhường. Ở thời phong kiến, thiếp còn có nghĩa là vợ lẽ.

(3) Hàm Dương: địa danh thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

(4) Ở đây dùng từ còn là không khớp vần với từ xanh ở câu cuối trên, song lâu nhiều sách vẫn ghi như vậy.

(5) Tiêu Tương: tên con sông Tương ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, sông sâu có nước trong xanh nên còn gọi là sông Tiêu, hoặc là Tiêu Tương. Một số sách chú thích là hai sông Tiêu và Tương hợp thành một mà thành sông Tiêu Tương. Các địa danh ở đây chủ yếu được dùng theo bút pháp ước lệ của văn thơ trung đại.

(6) Trùng: tần, lớp giống nhau, chồng chất lên nhau.

(7) Có bản chép: “… ai sầu cho ai?”.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào lời giới thiệu sơ lược về thể song thất lục bát ở chú thích (\*) hãy nhận dạng thể thơ của đoạn thơ dịch được trích về số câu, số chữ trong câu và cách hiệp vần trong một khổ thơ.
2. Qua 4 câu khổ đầu, nỗi sầu chia li của người vợ đã được gợi tả như thế nào? Cách dùng phép đối Chàng thì đi – Thiếp thì về và việc sử dụng hình ảnh “tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh” có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi chia li đó?
3. Qua 4 khổ thứ hai, nỗi sầu đó lại được gởi tả thêm như thế nào? Cách dùng phép biến đối còn ngảnh (ngoảnh) lại – hãy trông sang trong hai câu 7 chữ, cách điệp và đảo vị trí của hai địa danh Hàm Dương – Tiêu Dương có ý nghỉa gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li?
4. Qua 4 câu khổ cuối, nỗi sầu đó còn được tiếp tục gởi tả và nâng lên như thế nào? Các điệp từ cùng, thấy trong hai câu 7 chữ và cách nói về ngàn dâu, màu xanh của ngàn dâu có tác dụng gì trong việc miêu tả nỗi sầu chia li?
5. \* Hãy chi ra một cách đầy đủ các kiểu điệp ngữ trong đoạn thơ và nêu lên tác dụng biểu cảm của các điệp ngữ đó.
6. Từ những phân tích trên, em hãy phát biểu cảm xúc chủ đạo, về ngôn ngữ và giọng điệu của đoạn thơ.

Ghi nhớ:

Bằng một nghệ thuật ngôn từ vô cùng điêu luyện, đặc biệt là nghệ thuật dùng điệp ngữ rất mực tài tình, đoạn ngâm khúc cho thấy nỗi sầu chia li của người chinh phụ sau lúc tiễn đưa chồng ra trận. Nỗi sầu này vừa có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa, vừa thể hiện niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

LUYỆN TẬP

1. Hãy phân tích màu xanh dương trong đoạn thơ bằng cách:
2. Ghi đủ các từ chỉ màu xanh.
3. Phân biệt sự khác nhau trong các màu xan.
4. Nêu tác dụng của việc diễn tả nỗi sầu chia li của người chinh phụ.
5. Học thuộc lòng bài thơ.

ĐỌC THÊM

* Đánh giá Chinh phụ ngâm khúc (nguyên bản):

“Lời ý lâm li, khác lạ, làm khoái chá miệng người ta.”

(Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí)

* Đánh giá Chinh phụ ngâm khúc (dịch):

“Trong các bài diễn ca có một bài đã được truyền bá khắp dân gian. Từ kẻ quê đến thành thị, không mấy người không biết viết một câu:

… Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp, ai sầu cho ai?

Những câu ây không những tả cảnh li biệt của chinh phu (người chồng ra trận) – chinh phụ, mà cũng tả cảnh li biệt của tất cả những cặp vợ chồng. Vì đó mà Chinh phụ ngâm khúc đã làm rung động biết bao quả tim thiếu phụ”.

(Hoàng Xuân Hãn, Tựa – Chinh phụ ngâm bị khảo)

* Đánh giá đoạn Sau phút chia li:

“Mười hai câu sau đây (a), tưởng không có một người Việt Nam nào đã yêu (yêu văn chương cổ, cố nhiên!), đả biết cảnh biệt li mà không nhớ”.

(Đặng Thai Mai, Giảng văn Chinh phụ ngâm)

VĂN BẢN

(Tự học có hướng dẫn)

BÁNH TRÔI NƯỚC (\*)

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát (1) mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(Hồ Xuân Hương, trong Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập III, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1963)

1. Chỉ 12 câu của đoạn trích học.

Chú thích:

(\*) Bánh trôi nước: gọi tắt là bánh trôi, một thứ bánh làm từ bột nếp, được nhào nặn và viên tròn, có nhân đường phên, được luộc chín bằng cách cho vào nước đun sôi. Ở miền Bắc nước ta, hằng năm vào ngày 3-3 âm lịch, có tục lệ cúng bánh trôi.

Hồ Xuân Hương (? - ?) lai lịch chưa rõ. Nhiều sách vẫn nói bà là con Hồ Phi Diễn (1704 - ?), quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghê An. Ông thân sinh ra Bắc dạy học, lấy vợ lẽ là người Bắc Ninh, sinh ra Hồ Xuân Hương. Gia đình Hồ Xuân Hương từng sống ở phường Khác Xuân gần Hồ Tây của Hà Nội. Hồ Xuân Hương được mệnh danh là Bà Chúa Thơ Nôm.

1. Rắn nát: rắn là cứng, nát là nhão.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài Bánh trôi nước thuộc thể thơ gì? Vì sao?
2. Nghĩa thứ nhất của bài thơ thuộc về nội dung miêu tả bánh trôi nước khi đang được luộc chín. Nghĩa thứ hai thuộc về nội dung phản ánh vẻ đẹp, phẩm chất và thân phân của người phụ nữ trong xã hội cũ. Từ sự gợi ý trên, em hãy trả lời các câu hỏi sau:
3. Với nghĩa từ thứ nhất, bánh trôi nước đã được miêu tả như thế nào? Chú ý các từ ngữ: trắng, tròn, chìm, nổi, rắn nát, lòng son.
4. Với ý nghĩa thứ hai, vẽ đẹp, phẩm chất cao quý và thân phận chìm nổi của người phụ nữ được gợi lên như thế nào? Chú ý các cụm từ: vừa trắng lại vừa tròn, bảy nỗi ba chìm, rắn nát mặc dầu, giữ tấm lòng son.
5. Trong hai nghĩa, nghĩa nào quyết định giá trị bài thơ? Tại sao?

Ghi nhớ

Với ngôn ngữ bình dị, bài thơ Bánh trôi nước cho thấy Hồ Xuân Hương vừa rất trân trọng vẻ đẹp, phẩm chất trong trắng, son sắt của người phụ nữ Việt Nam ngày xưa, vừa cảm thương sâu sắc cho thân phận chìm nổi của họ.

LUYỆN TẬP

1. Hãy ghi lại những câu hát than thân đã học ở Bài 4 (kể cả phần Đọc thêm) bắt đầu bằng hai từ “Thân em”. Từ đó, tìm mối liên quan trong cảm xúc giữa bài thơ Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương với các câu hát than thân thuộc ca dao dân ca.
2. Học thuộc lòng bài thơ.

ĐỌC THÊM

-Thân em như hạt mưa rào

Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

-Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

(Ca dao)

-Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh (a) cũng là lời chung.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

QUAN HỆ TỪ

I - THẾ NÀO LÀ QUAN HỆ TỪ?

1. Dưa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, hãy xác định quan hệ từ trong những câu dười đây:
2. Đồ chơi của chúng tôi chẳng có thiếu.

(Khánh Hoài)

1. Hùnh Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương đẹp như hoa, tính nết hiền dịu.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

(a) Bạc mệnh: Số phận mỏng manh, hẩm hiu, không có gì tốt đẹp (thường nói về phụ nữ).

c) Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.

d) Mẹ thường nhân lúc on ngủ mà làm vài việc riêng của mình. Nhưng hôm nay mẹ không tập trung được vào việc gì cả.

(Lí Lan)

1. Các quan hệ từ nói trên liên kết những từ ngữ

Ghi nhớ

Quan hệ từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ sở hữu, so sánh, nhân quả, … giữa các bộ phận của câu hay giữa câu trong đoạn văn.

II- SỬ DỤNG QUAN HỆ TỪ

1. Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào bắt buộc phải có quan hệ từ trong trường hợp nào không bắt buộc phải có?
2. Khuôn mặt của cô gái
3. Lòng tin của nhân dân
4. Cái tủ bằng gỗ mà anh vừa mới mua
5. Nó đến trường bằng xe đạp
6. Giỏi về toán
7. Viết một bài văn về phong cảnh Hồ Tây
8. Làm việc ở nhà
9. Quyển sách đặt ở trên bàn
10. Tìm quan hệ từ có thể dùng thành cặp với các quan hệ từ sau đây:

Nếu… …

Vì… …

Tuy… …

Hễ… …

Sỡ dĩ… …

1. Đặt câu với các cặp từ quan hệ từ vừa tìm được

Ghi nhớ

Khi nói hoặc viết, có những trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ. Đó là những trường hợp nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa. Bên cạnh đó, cũng có những trường hợp không bắt buộc dùng quan hệ từ (dùng cũng được, không dùng cũng được).

Có một số quan hệ từ được dùng thành cặp.

III – LUYỆN TẬP

1. Tim các quan hệ từ trong đoạn đầu văn bản Cổng trường mở ra, từ “Vào đêm trườc ngày khai trường của con” đến “trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức giấy cho kịp giờ”.
2. Điền các quan hệ từ thích hợp vào những chỗ trốg trong đoạn văn sau đây:

Lâu lắm rồi nó mới cởi mở… tôi như vậy. Thực ra, tôi… nó ít gặp nhau. Tôi đi làm, nó đi học. Buổi chiều, thỉnh thoảng tôi ăn cơm… nó. Buổi tối tôi thường vắng nhà. Nó có khuôn mặt đợi chờ. Nó hay nhìn tôi… cái vẻ mặt đợi chờ đó… tôi lạnh lùng… nó lảng đi. Tôi vui vẻ… tỏ ý muốn gần nó, cái vẻ mặt ấy thoắt biến đi thay vào khuôn mặt tràn trề hạnh phúc.

(Theo Nguyễn Thị Thu Huệ)

1. Trong các câu sau đây, câu nào đúng, câu nào sai?
2. Nó rất thân ái bạn bè.
3. Nó rất thân ái với bạn bè.
4. Bố mẹ rất lo lắng con.
5. Bố mẹ rất lo lắng cho con.
6. Me thương yêu không nuông chiều con.
7. Mẹ thương yêu nhưng không nuông chiều con.
8. Tôi tặng quyển sách này anh Nam.
9. Tôi tặng quyển sách này cho anh Nam.
10. Tội tặng anh Nam quyển sách này.
11. Tôi tặng cho anh Nam quyển sách này
12. Viêt1 một đoạn văn ngắn có sử dụng quan hệ từ. Gạch dưới các quan hệ tự trong đoạn văn đó.
13. \*Phân biệt ý nghĩa của hai câu có quan hệ từ nhưng sau đây:

Nó gầy nhưng khỏe.

Nó khỏe nhưng gầy.

LUYỆN TẬP CÁCH LÀM VĂN BẢN BIỂU CẢM

1. CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Cho đề bài: Loài cây em yêu.

1. Tìm hiểu đề và tìm ý:
2. Đề yêu cầu viết về điều gì? Tìm hiểu yêu cầu của đề qua các từ ngữ: loài cây, em, yêu.
3. Em yêu cây gì? Vì sao em yêu cây đó hơn các cây khác?

(Gợi ý: Tìm các đặc điểm của cây, mối quan hệ gần gũi giữa cây và đời sống của em. Cây đem lại cho em những gì trong cuộc sống vật chất và tinh thần?)

1. Lập dàn bài

Tham khảo dàn bài dưới đây để lập dàn bài cụ thể:

1. Mở bài: Nêu loài cây và lí do mà em yêu thích loài cây đó.
2. Thân bài:

* Các đặc điểm gợi cảm của cây…
* Loài cây … trong cuộc sống của con người.
* Loài cây … trong cuộc sống của em.

1. Kết bài: Tình cảm của em đối với loài cây đó.
2. Viết đoạn văn

Viết đoạn văn Mở bài và Kết bài.

1. THỰC HÀNH TRÊN LỚP

Học sinh thực hành tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết đoạn văn theo hướng dẫn của thầy, cô giáo.

BÀI THAM KHẢO

CÁ SẤU HÀ NỘI

Hằng năm, vào cữ hạ sớm này, người Hà Nội lại được hưởng những cơn mưa lá sấu vàng ào ạt rơi trong hương sấu dìu dịu, thơm thơm.

Hương lá dịu dàng ướp cả bầu không khí tinh khôi khiến ta những muốn hít thật sâu cho căng tràn lồng ngực Sau lúc lá rụng là cữ sấu ra hoa. Những mảng hoa hình sao màu trắng sữa chao nghiêng trong gió, đậu xuống mái tóc của các cô gái, lấm tấm khắp cả mặt đường.

Giống như hoa sữa mùa thu, cành đào ngày Tết, cây sấu Hà Nội gợi nhớ, gợi thương trong tấm lòng người xa xứ. Tôi có chị bạn đã theo chồng về Nam, ngót hơn hai chục năm, mỗi lần có dịp vẫn không quên nhắn bạn gửi cho ít trái sấu xanh Hà Nội. Ngày hè, mâm cơm mỗi gia đình thành phố ít khi thiếu bát nước rau muống luộc dầm sấu, ăn kèm với cà pháo giòn tan. Thức ăn giản dị ấy đã là nổi khát khao của chị bạn tôi (và cả nhiều người khác) mỗi bữa cơm trong cái thành phố phương Nam nóng ngột mà cái mát lạnh của cốc trà đá không làm dịu nổi. Từ những quả sấu xanh, bàn tay khéo léo và sự tinh tế của các bà nội trợ đã tạo nên món sấu đá, một thừ đồ giải khát dân dã mà đậm đà chất Hà Nội. Hãy tưởng tượng trong cái nóng như nung của trưa hè, bạn sà vào một gánh hàng rong nơi góc phố. Cô hàng tươi tắn chào mời, thoăn thoắt đôi tay. Thoáng một cái, bạn đã có trong tay cốc sấu đá mát lạnh. Đừng ngại ngần trước vẻ mộc mạc của nó. Những trái sấu xanh vừa độ, gọt vỏ, bỏ hột, chần qua cho bớt vị chua, được thẩm đẫm trong cốc nước đường hoa mai ngọt đậm. Chỉ nhấp một ngụm nước, nhai kĩ miếng sấu, cái khát trưa hè đã dần lui. Ấy là chưa kể sự mát mẻ và những nhát quạt phây phẩy của cô hàng chiều khách…

Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai chẳng có một lần nghển cổ nhìn lên tán lá cai vút mà ngắm phía một cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường.

Lúc sấu chín cũng là lúc Hà Nội sắp vào mùa thu với man mác heo may, vàng tươi hoa cúc. Mùa nào, tiết nào Hà Nội cũng có cái để mà nhớ, mà thương. Đó chính là cái duyên của thành phố trong mắt, trong lòng những người yêu Hà Nội.

(Theo Tạ Việt Anh, Hà Nội tạp văn)

SẤU HÀ NỘI

Trên kia tôi nói rằng Hà Nội đã là một rừng cây sấu mọc thành hàng dãy phố. Cây sấu trong hình thù xấu xí. Cũng như anh Trương Chi người sấu nhưng tiếng hát hay, cây sấu có nhiều đức tính. Hình thù cây sấu dễ lẫn với trăm ngàn cây khác, nhưng quả sấu chín có một hương ngọt, nó thơm một cách khiêm tốn nhưng cũng tự kiêu ngầm; và ngay lúc nó còn là một trái xanh non, đem ra làm tương giấm hoặc tan ra trong nướ rau muống lúc nắng mới, vị sấu có một hương chua chua cầu kì gớm lên ấy. Cây sấu ra quả là một nguồn cảm xúc mạnh cho những trẻ em nghèo lúc lấm lét trèo lên cây hoặc cầm súng cao su đứng dưới gốc. Cái lúc sấu rụng lá già củng tỏ ra là một thứ cây có tình. Trong tiếng gió thổi trên thành phố, vẫn thầm thì tiếng nhát chổi của người công nhân vệ sinh chuyển bước chữ đinh (a) trên đường phố vắng người. Đêm về sáng, người nạo lòng đường sắt tàu điện có lẽ là người hiểu nhiều nỗi riêng của cây sấu. Trong cuộc hợp của màu xanh muôn vẻ cảu cây Việt Nam, cây sấu như ngả sang màu đen bền vững. Những khóm lá xanh già cấc ấy tự nguyện thành một cái nền chắc nịch làm bừng sáng lên những chồi lộc các loại cây quanh mình. Cái gì chắc chắn thường là chậm chạp, cho nên trong hội thi đua mùa xuân trăm cây ra lộc hết cả rồi, ta mới thấy cây sấu đủng đỉnh xòe lên nên nắng mới một và cái nõn nhỏ.

(Theo Nguyễn Tuân, Cây Hà Nội)

BÀI 8

Kết quả cần đạt

Hình dung được cảnh tượng Đèo Ngang và tâm trạng cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan. Cảm nhận được tình bạn đậm đà, thắm thiết của Nguyễn Khuyến. Bước đầu hiểu thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Nắm được các lỗi thường gặp về quan hệ từ để tránh các lỗi đó khi nói hoặc viết.

Viết tốt bài tập làm văn số 2 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.

1. Bước chữ đinh: theo cách viết của chữ Hán, chữ đinh gồm có một nét ngang và một nét sổ vuông góc với nhau. Bước chữ đinh là bước di chuyển của người quét rác, bàn chân bước tới theo vuông góc với bàn chân trụ.

VĂN BẢN

QUA ĐÈO NGANG

Bước tới Đèo Ngang (1), bóng xế ta

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Lom khom dưới núi, tiều (2) vài chú,

Lác đác bên sông, chợ (3) mấy nhà.

Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc (4),

Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia (5).

Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh Quan (\*), trong Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập III, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1963)

Chú thích:

(\*) Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, sống ở thế kỉ XIX, chưa rõ năm sinh năm mất, quê ở làng Nghi Tàm nay thuộc Tây Hồ, Hà Nội. Chồng bà làm tri huyện Thanh Quan (thuộc Thái Ninh), tỉnh Thá Bình, do đó mà có tên gọi là Bà Huyện Thanh Quan. Bà là một trong số nữ sĩ tài danh hiếm có trong thời đại ngày xưa, hiện còn để lại sáu bài thơ Đường luật, trong đó có Qua Đèo Ngang. Qua Đèo Ngang là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường Luật. Đường luật là luật thơ có từ đời Đường (618 – 907) ở Trung Quốc. Thơ thất ngôn bát cú gồm tám câu, mỗi câu 7 chữ. Có gieo vần (chỉ một vần) ở các chữ cuối của các câu 1, 2, 4, 6, 8. Có phép đối giữa câu 3 với câu 4, câu 5 với câu 6 (tức bốn câu giữa). Có luật bằng trắc. Không theo đúng những điều kiện trên bị coi là thất luật (không đúng luật).

(1) Đèo Ngang: thuộc dãy núi Hoành Sơn, một nhánh của dãy núi Trường Sơn, chạy thẳng ra biển, phân chia địa giới hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tỉnh.

(2) Tiều: người chuyện nghề đốn củi.

(3) Có người nói “rợ mấy nhà” chứ không phải “chợ mấy nhà” vì ở Đèo Ngang heo hút, không phải là nơi đã đông dân cư. Nhưng cũng có ý kiến bác lại.

(4) Con quốc quốc (cũng viết là cuốc cuốc): chim đỗ quyên (chim cuốc). Xem chú thích (6) Bài 4.

(5) Cái gia gia (cũng viết là da da): chim đa đa, còn gọi là gà gô.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào lời giới thiệu bước đầu về thơ thất ngôn bát cú Đường luật ở chú thích (\*), em hãy nhận dạng thể thơ của bài Qua Đèo Ngang về số câu, số chữ trong câu, cách gieo vần, phép đối giữa câu 3 với câu 4, câu 5 với câu 6.
2. Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả ở thời điểm nào trong ngày? Thời điểm đó có lợi thế gì trong việc bộc lộ tâm trạng của tác giả?
3. Cảnh Đèo Ngang được miêu tả gồm những chi tiết gì? Chú ý đến không gian, thời gian, cảnh vật, âm thanh, cuộc sống con người, các từ láy: lác đác, lom khom; các từ tượng thanh: quốc quốc, gia gia.
4. Hãy nhận xét về cảnh tượng Đèo Ngang qua sự miêu tả của Bà Huyện Thanh Quan.
5. Hãy hình dung tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi qua Đèo Ngang. Tâm trạng đó được thể hiện qua hai hình thức: mượn cảnh nói tình và trực tiếp tả tình như thế nào?
6. Nói đến một mảnh tình riêng giữa cảnh trời, non, nước bao la ở Đèo Ngang thì có gì khác với cách nói một mảnh tình riêng trong một không gian chật hẹp?

Ghi nhớ:

Với phong cách trang nhã, bài thơ Qua Đèo Ngang cho thấy cảnh tượng Đèo Ngang thoáng đãng mà heo hút, thấp thoáng có sự sống con người nhưng còn hoang sơ, đồng thời thể hiện nỗi nhớ nước thương nhà, nỗi buồn thầm lặng cô đơn của tác giả.

LUYỆN TẬP

1. Tìm hàm nghĩa của cụm từ ta với ta.

2. Học thuộc lòng bài thơ Qua Đèo Ngang.

VĂN BẢN

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà (1),

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

Ao sâu nước cả, khôn chài cá (2),

Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.

Cải chửa ra cây (3), cà mới nụ,

Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa (4).

Đầu trò tiếp khách, trầu không có (5),

Bác đến chơi đây, ta với ta!

(Nguyễn Khuyến (\*), trong Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập IV, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1963)

Chú thích

(\*) Nguyễn Khuyến (1835 -1909): lúc nhỏ tên là Thắng, quê ở thôn Vị Hạ (làng Và), xã Yên Đổ, nay thuộc xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; thưở nhỏ nhà nghèo, thông minh, học giỏi, sau đó đi thi, đỗ đầu cả ba kì: Hương, Hội, Đình, do đó có tên là Tam Nguyên Yên Đổ. Nguyễn Khuyến làm quan khoảng mười năm, nhưng đến khi thực dân Pháp đánh chiếm xong Bắc Bộ, ông cáo quan về ở ẩn.

Nguyễn Khuyến là một nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ ca của ông chủ yếu được sáng tác vào giai đoạn sau ngày cáo quan về sống ở Yên Đổ.

(1) Có bản chép: Chẳng mấy khi nay, bác đến nhà.

(2) Có bản chép: khôn mò cá.

(3) Có bản chép: Cải đã tàn cây.

(4) Có bản chép: mướp vừa hoa.

(5) Có bản chép: Trầu buồn một nỗi, cau không có.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài Bạn đến chơi nhà thuộc thể thơ gì? Vì sao?
2. Bài thơ được lập ý bằng cách dựng lên tình huống hoàn toàn không có gì tiếp bạn để rồi kết lại một câu: “Bác đến chơi đây, ta với ta!” nhưng thể hiện được tình bạn đậm đà, thắm thiết.

Em có tán thành ý kiến trên không? Nếu không, cho biết lý do. Nếu có thì hãy làm rõ bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Theo nội dung của câu thứ nhất, đúng ra Nguyễn Khuyến phải tiếp đãi thế nào khi bạn đến chơi nhà?
2. Nhưng qua sáu câu thơ tiếp theo thì hoàn cảnh của Nguyễn Khuyến lại là thế nào? Tác giả có dụng ý gì khi cố tạo ra một tình huống đặc biệt như thế?
3. Câu thơ thứ tám và riêng cùm từ “ta với ta” nói lên điều gì? Câu thơ này có vai trò khẳng định điều gì về tình bạn của nhà thơ.
4. Nhận xét chung về tình bạn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ Bạn đến chơi nhà.

Ghi nhớ

Bài thơ được lập ý bằng cách cố tình dựng nên tình huống khó xử khi bạn đến chơi, để rồi hạ một câu kết: “Bác đến chơi đây, ta với ta”, nhưng trong đó một giọng thơ hóm hỉnh chứa đựng tình bạn đậm đà, thắm thiết.

LUYỆN TẬP

1. a\*) Ngôn ngữ ở bài Bạn đến chơi nhà có gì khác với ngôn ngữ ở đoạn thơ Sau phút chia li đã học?

b) So sánh cụm từ “ta với ta” trong bài Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến với cụm từ “ta với ta” trong bài Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan.

2. Học thuộc lòng bài thơ Bạn đến chơi nhà.

ĐỌC THÊM

Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua.

Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,

Viết đưa ai, ai biết mà đưa.

(Nguyễn Khuyến, Khóc Dương Khuê)

CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ

1. CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VỀ QUAN HỆ TỪ
2. Thiếu quan hệ từ

Hai câu sau đây thiếu quan hệ từ ở chổ nào? Hãy chữa lại cho đúng.

-Đừng nên nhìn hình thức đánh giá kẻ khác.

-Câu tục ngữ này chỉ đúng xã hội xưa, còn ngày nay thì không đúng.

2. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa

Các quan hệ từ và, để trong hai ví dụ sau có diễn đạt đúng quan hệ ý nghĩa giửa các bộ phận trong câu không? Nên thay thế và, để ở đây bằng quan hệ từ gì?

-Nhà em ở xa trường và bao giờ em cũng đến trường đúng giờ.

-Chim sâu rất có ích cho nông dân để nó diệt sâu phá hoại mùa màng.

3. Thừa quan hệ từ

Vì sao các câu sau thiếu chủ ngữ? Hãy chữa lại cho câu văn được hoàn chỉnh.

-Qua câu ca dao “Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa me như nước trong nguồn chảy ra” cho ta thấy công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.

-Về hình thức có thể làm tăng giá trị nội dung đồng thời hình thức có thể làm thấp giá trị nội dung.

4. Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết

Các câu (in đậm) dưới đây sai ở đâu? Hãy chữa lại cho đúng.

Các câu (in đậm) dưới đây sai ở đâu? Hãy chữa lại cho đúng.

-Nam là một học sinh giỏi toàn diện. Không những giỏi về môn Toán, không những giỏi về môn Văn. Thầy giáo rất khen Nam.

-Nó thích tâm sự với mẹ, không thích với chị.

Ghi nhớ

Trong việc sử dụng quan hệ từ, cần tránh các lỗi sau:

-Thiếu quan hệ từ;

-Dùng quan hệ từ không phù hợp về nghĩa;

-Thừa quan hệ từ;

-Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.

II-LUYỆN TẬP

1. Thêm quan hệ từ thích hợp (có thể thêm hoặc bớt một vài từ khác) để hoàn chỉnh các câu sau đây:

-Nó chăm chú nghe kể chuyện đầu đến cuối.

-Con xin báo một tin vui cha mẹ mừng.

2. Thay các quan hệ từ dùng sai trong các câu sau đây bằng những quan hệ từ thích hợp.

-Ngày nay, chúng ta cũng có quan niệm với cha ông ta ngày xưa, lấy đạo đức, tài năng làm trọng.

-Tuy nước sơn có đẹp đến mấy mà chất gỗ không tốt thì đồ vật cũng không bền được.

-Không nên chỉ đánh giá con người bằng hình thức bên ngoài mà nên đánh giá con người bằng những hành động, cữ chỉ, cách đối xử của họ.

3. Chữa lại các câu sau cho hoàn chỉnh

-Đối với bản thân em còn nhiều thiếu sót, em hứa sẽ tích cực sữa chữa.

-Với câu tục ngữ “Lá lành đùm lá rách” cho em hiểu đạo lí làm người là phải giúp đở người khác.

-Qua bài thơ này đã nói lên tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu nhi.

4. Cho biết các quan hệ từ in đậm dưới đây được dùng đúng hay sai.

a) Nhờ cố gắng học tập nên nó đạt thành tích cao.

b) Tại nó không cẩn thận nên nó đã giải sai bài toán.

c) Chúng ta sống cho thế nào để chan hòa với mọi người.

d) Các chiến sĩ đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ nên độc lập của dân tộc.

e) Phải luôn luôn chống tư tưởng chỉ bo bo bảo vệ quyền lợi bản thân của mình.

g) Sống trong xã hội của phong kiến đương thời, nhân dân ta bị áp bức bóc lột vô cùng tàn bạo.

h) Nếu trời mưa, con đường này sẽ rất trơn.

i) Giá trời mưa, con đường này sẽ rất trơn.

5. Trao đổi bài tập làm văn với các bạn cùng lớp, đọc và nhận xét về các quan hệ từ trong bài làm của bạn. Nếu bài của bạn có sai sót gì thì góp ý với bạn cách chữa.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂ SỐ 2 – VĂN BIỂU CẢM (làm tại lớp)

Đề bài: Loài cây em yêu. (Chọn bất cứ cây gì ở làng quê Việt Nam: tre, dừa, chuối, gạo, đa, …, không viết lại về cây sấu.)

Hướng dẫn:

Hãy lựa chọn loài cây mà em thực sự yêu mến, thích thú, có thể hiểu biết về nó, và nêu cho được tình cảm của mình đối với cây, lí do mà mình yêu cây. Bài văn phải miểu ta chi tiết về cây, tình người đối với cây và tình cảm biểu hiện phải chân thành.

BÀI 9

Kết quả cần đạt

Cảm thụ được vẻ đẹp thiên nhiên mà Lí Bạch miêu tả qua bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, bước đầu nhận biết mối quan hệ gắn bó giữa tình và cảnh trong thơ cổ.

Củng cố và nâng cao kiến thức về từ đồng nghĩa, các loại từ đồng nghĩa; nâng cao kĩ năng dùng từ đồng nghĩa đã học ở bậc Tiểu học.

Nắm được các cách lập ý đa dạng của bài văn biểu cảm.

VĂN BẢN

XA NGẮM THÁC NÚI LƯ

(Vọng Lư sơn bộc bố)

Phiên âm

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên,

Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.

Phi lưu trực há tam thiên xích,

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

(Lí Bạch (\*) )

Dịch nghĩa

Mặt trời chiếu núi Hương Lô, sinh làn khói tía

Xa nhìn dòng thác treo trên dòng sông phía trước.

Thác chảy như bay đổ thẳng xuống từ ba nghìn thước

Ngỡ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây.

(Vọng: trông từ xa, Lư sơn: núi Lư, bộc bố: thác nước [bộc: nước trên núi chảy xuống, bố: vải, bộc bố: thác trên núi chảy xuống, nhìn xa như một tấm vải treo dọc buông rủ xuống]. Nhật: mặt trời, còn có nghĩa là “ngày”, chiếu: chiếu sáng, soi sáng, Hương Lô: tên đỉnh núi, sinh: làm nảy sinh, sinh ra, tử: màu đỏ tía, yên: khói. Dao: xa, khan (khán): nhìn, xem, quải: treo, tiền: trước, phía trước mặt, xuyên: sông. Phi: bay, lưu: chảy, trực: thẳng, há (hạ): rơi xuống, đổ xuống, tam: ba, thiên: nghìn, xích: thước. Nghi: ngờ, thị: là, Ngân Hà: sông Ngân, dảy sáng màu trắng vắt ngang bầu trời do các ngôi sao ti ti hợp thành, thường nhìn thấy trong những đêm trời quang, lạc: rơi xuống, cửu thiên: chín phương trời, ở đây chỉ bầu trời.)

Dịch thơ

Nắng rọi Hương Lô (1) khói tía bay,

Xa trông dòng thác trước sông này (2).

Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,

Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

(Tương Như dịch, trong Thơ Đường, tập II,

NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú thích:

(\*) Lí Bạch (701 -762), nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, tự Thái Bạch, hiệu Thanh Liên cữ sĩ, quê ở Cam Túc; lúc mới năm tuổi, gia đình về định cư ở làng Thanh Liên, huyện Xương Long thuộc Miên Châu (Tứ Xuyên) nên nhà thơ vẫn thường coi Tứ Xuyên cũng là quê hương của mình. Từ trẻ, ông đã xa gia đình để đi du lịch, tìm đường lập công danh sự nghiệp. Dẫu muốn góp phần cứu đời giúp dân song chưa bao giờ ông được toại nguyện. Lí Bạch được mệnh danh là “tiên thơ”. Thơ ông biểu hiện một tâm hồn tự do dào phóng. Hình ảnh trong thơ thường mang tính chất tươi sáng, kì vĩ, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện. Lí Bạch viết nhiều bài rất hay về chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn. Vọng Lư sơn bộc bố là một trong những bài tiêu biểu về đề tài thiên nhiên của nhà thơ. Lư sơn (núi Lư) là tên một dãy núi ở tỉnh Giang Tây.

(1) Hương Lô: tên một ngọn núi cao ở phía tây bắc của dãy Lư sơn. Núi cao có mây mù bao phủ, đứng xa trông như chiếc “lò hương” nên gọi là “Hương Lô”.

(2) Câu này còn có một cách hiểu khác. Quải là “treo”, tiền xuyên là “dòng sông phía trước”. Có người cho “dòng sông phía trước” không phải chỉ vị trí nơi thác đổ xuống mà là hình ảnh để so sánh với dòng thác nhìn từ xa. Nếu vậy, cả câu có nghĩa là: “Đứng xa trông dòng thác giống như một dòng sông treo trước mặt”. Dù hiểu theo nghĩa nào thì bản dịch thơ cũng đã đánh rơi mất chữ “treo”, chữ quan trong nhất của câu thơ.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào đầu đề bài thơ và câu thứ hai (chú ý nghĩa của hai chữ vọng và dao), xác định vị trí đứng ngắm thác của tác giả. Vị trí đó có lợi thế như thế nào trong việc phát hiện những đặc điểm của thác nước?
2. Câu thơ thứ nhất tả cái gì và tả như thế nào? (Chú ý mối tương quan giữa tên gọi đỉnh núi và đặc điểm của cảnh vật được miêu tả). Hình ảnh được miêu tả trong câu này đã tạo nên cho việc miêu tả ở ba câu sau như thế nào?
3. Nêu lên những vẻ đẹp khác nhau của thác đã được Lí Bạch phát hiện và miêu tả trong ba câu tiếp theo.

(Gợi ý:

* Phân tích sự thành công của tác giả trong việc dùng từ quải (câu thứ hai), từ đó chỉ ra chỗ hạn chế của bản dịch thơ.
* Chứng minh rằng qua câu thứ ba, ta không chỉ thấy hình cảnh của dòng thác mà con hình dung được đặc điểm của dãy núi Lư và đỉnh núi Hương Lô.
* Giải thích vì sao lối nói phóng đại ở câu thứ tư vẫn tạo nên được một hình ảnh chân thực).

1. Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả, ta có thể thấy những nét gì trong tâm hồn và tính cách nhà thơ?
2. \*Về hai cách hiểu câu thứ hai (cách hiểu ở bản dịch nghĩa và cách hiểu trong chú thích (2) ), em giải thích cách hiểu nào hơn? Vì sao?

Ghi nhớ

Với những hình ảnh tráng lệ, huyền ảo, bài thơ đã miêu tả một cách sinh động, vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô thuộc dãy núi Lư, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên đằm thắm và phần nào bộc lộ tính cách mạnh mẽ, hào phóng của tác giả.

ĐỌC THÊM

ĐÊM ĐỖ THUYỀN Ở PHONG KIỀU (a)

(Phong Kiều dạ bạc)

Phiên âm

Nguyệt lạc ô sương mãn thiên,

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.

Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

(Trương Kế (b) )

(a) Phong Kiều: địa danh ở phía tây thành Cô Tô (thuộc thành phố Tô Châu, tỉnh Giang Tô ngày nay).

(b) Trương Kế: sống khoảng giữa thế kỉ VIII, người Tương Châu, tỉnh Hồ Bắc, đỗ tiến sĩ, có làm chức quan nhỏ. Thơ ông thường tả phong cảnh là chủ yếu.

Dịch nghĩa

Trăng xế, quạ kêu, sương đầy trời,

(khách) nằm ngủ trước cảnh buồn của đèn chài

và lùm cây phong bên sông

Chùa Hàn Sơn ở ngoài thành Cô Tô

Nửa đêm tiếng chuông văn vẳn vọng đến thuyền khách.

Dịch thơ

Trăng tà chiếc quạ kêu sương,

Lửa chài cây bến, sầu vương giấc hồ.

Thuyền ai đậu bến Cô Tô

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.

(K. D. dịch, trong Thơ Đường, tập I,

NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

(Gợi ý thưởng thức:

* Bài thơ thể hiện một cách sinh động cảm nhận qua những điều nghe thấy, nhìn thấy của một khách xa quê đang thao thức không ngủ trong đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều).
* Nếu K. D. đã rất tài hoa và hết sức sáng tạo trong việc dịch hai câu thơ đầu thì có thể nói đã không thành công trong việc dịch hai câu thơ sau, khi biến chủ thể vốn là tiếng chuông thành chủ thể là chiếc thuyền của lữ khách. Trương Kế đã kết hợp hai thủ pháp nghệ thuật truyền thống của thơ Đường là dùng động từ để tả tĩnh và mượn âm thanh để truyền hình ảnh. Câu thơ dịch của K. D. đã làm nhòa mất sự ngân vang, lan tỏa của tiếng chuông trong đêm yên tĩnh).

TỪ ĐỒNG NGHĨA

I-THẾ NÀO LÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA?

1. Đọc lại bản dịch thơ Xa ngắm thác núi Lư của Tương Như. Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, hãy tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ: rọi, trông.
2. Từ trông trong bản dịch thơ Xa ngắm thác núi Lư có nghĩa là “nhìn để nhận biết”. Ngoài nghỉa đó ra, từ trông còn có những nghĩa sau:
3. Coi sóc, giữ gìn cho yên ổn.
4. Mong.

Tìm các từ đồng nghĩa với mỗi nghĩa trên của từ trông.

Ghi nhớ

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

II-CÁC LOẠI TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. So sánh nghĩa của từ quả và từ trái trong hai ví dụ sau:

-Rủ nhau xuống bể mò cua,

Đem về nấu quả mơ chua trên rừng.

(Trần Tuấn Khải)

-Chim xanh ăn trái xoài xanh,

Ăn no tắm mát đậu cành cây đa.

(Ca dao)

1. Nghĩa của hai từ bỏ mạng và hi sinh trong hai câu dưới đây có chổ nào nghĩa giống, chổ nào khác nhau?

* Trước sức tấn công như vũ bão và tinh thần chiến đâu dũng cảm tuyệt vời của quân Tây Sơn, hàng vạn quân Thanh đã bỏ mạng.
* Công chúa Ha-ba-na đã hi sinh anh dũng, thanh kiếm vẫn cầm tay.

(truyện cổ Cu-ba)

Ghi nhớ

Từ đồng nghĩa có hai loại: những từ đồng nghĩa hoàn toàn (không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa) và những từ đồng nghĩa không hoàn toàn (có sắc thái nghĩa khác nhau).

III- SỬ DỤNG TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Thử thay các từ đồng nghĩa quả và trái, bỏ mạng và hi sinh trong các ví dụ ở mục II cho nhau và rút ra nhận xét.
2. Ở bài 7, tại sao đoạn trích trong Chinh phụ ngâm khúc lấy tiêu đề là Sau phút chia li mà không phải là Sau phút chia tay?

Ghi nhớ

Không phải bao giờ các từ đồng nghĩa cũng có thể thay thế cho nhau. Khi nói cũng như khi viết, cần cân nhắc để chọn trong số các từ đồng nghĩa những từ thể hiện đúng thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm.

IV-LUYỆN TẬP

1. Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau đây:

-gan dạ -chó biển

-nhà thơ -đòi hỏi

-mổ xẻ -năm học

-của cải -loài người

-nước ngoài -thay mặt

1. Tìm từ có gốc Ấn –Âu đồng nghĩa với các từ sau đây:

-máy thu thanh -xe hơi

-sinh tố -dương cầm

1. Tìm một số từ địa phương đồng nghĩa với từ toàn dân (phổ thông).

Mẫu: heo – lợn.

1. Tìm từ đồng nghĩa thay thế các từ in đậm trong các câu sau đây:

-Món quà anh gửi, tôi đã đưa tận tay chị ấy rồi.

-Bố tôi đưa khác ra đến cổng rồi trở về.

-Cậu ấy gặp khó khăn một tí đã kêu.

-Anh đừng làm như thế người ta nói cho đấy.

-Cụ ốm nặng đã đi hôm qua rồi.

1. Phân biệt nghĩa của các từ trong các nhóm từ đồng nghĩa sau đây:

-ăn, xơi, chén

-cho, tặng, biếu

-yếu đuối, yếu ớt

-xinh, đẹp

-tu, nhấp, nốc

1. Chọn từ thích hợp điền vào các câu dưới đây:
2. thành tích, thành quả

* Thế hệ mai sau sẽ được hưởng… của công cuộc đổi mới hôm nay.
* Trường ta đã lập nhiều… để chào mừng ngày Quốc khánh mồng 2 tháng 9.

1. ngoan cường, ngoan cố

* Bọn địch… chống cự đã bị quân ta tiêu diệt.
* Ông đã… giữ vững khí tiết cách mạng.

1. nhiệm vụ, nghĩa vụ

* Lao động là… thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi người.
* Thây hiệu trưởng đã giao… cụ thể cho lớp em trong đợt tuyên truyền phòng chống ma túy.

1. Giữ gìn, bảo vệ

* Em Thúy luôn luôn … quần áo sạch sẽ.
* … Tổ quốc là sứ mệnh của quân đội.

1. Trong các câu sau đây, câu nào có thể dùng hai từ đồng nghĩa thay thế nhau, câu nào chỉ có thể dùng một trong hai từ đồng nghĩa đó?

(Gợi ý:

* Câu có thể dùng hai từ thay thế nhau: điền cả hai từ vào khoảng trống dùng dấu gạch chéo để phân cách.
* Câu chỉ được dùng một trong hai từ: điền từ đó vào khoảng trống.

Mẫu: nuôi dưỡng, phụng dưỡng

* Con cái có trách nhiệm phụng dưỡng / nuôi dưỡng bố mẹ già.
* Bố mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng con cái cho đến lúc con cái trưởng thành.)

1. Đối xử, đối đãi:

* Nó … tử tế với mọi người xung quanh nên ai cũng mến nó.
* Mọi người đề bất bình trước thái độ … của nó đối với trẻ em.

1. Trọng đại, to lớn

* Cuộc cách mạng tháng Tám có ý nghĩa… đối với vận mệnh dân tộc.
* Ông ta thân hình … như hộ pháp

1. Đặt câu với mỗi từ: bình thường, tầm thường, kết quả, hậu quả.
2. Chữa các từ dùng sai (in đậm) trong các câu dưới đây:

* Ông bà cha mẹ đã lao động vất vả, tạo ra thành quả con cháu đời sau **hưởng lạc.**
* Trong xã hội ta, không ít người sống ích kỉ, không giúp đỡ bao che cho người khác.
* Câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” đã **giảng dạy** cho chúng ta lòng biết ơn thế hệ cha anh.
* Phòng tranh có b **trình bày** nhiều bức tranh của các họa sĩ nỗi tiếng.

CÁCH LẬP Ý CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM

I-NHỮNG CÁCH LẬP Ý THƯỜNG GẶP CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM

1. Liên hệ hiện tại với tương lai

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Các em, các em rồi đây sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt sắt.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, chia bùi sẽ ngọt của những ngày mai tươi hát, còn mãi với chúng ta, vui hạnh phúc, hòa bình.

Ngày mai, trên đất nước này, sắt thép có thể có nhiều hơn tre nứa. Nhưng, trên đường trường ta dấn bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bỗng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi.

Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

(ThépMới, Cây tre Việt Nam)

Câu hỏi:

Việc liên tưởng đến tương lai công nghiệp hóa đã khoi gợi cho tác giả những cảm xúc gì về cây tre? Tác giả đả biểu cảm trực tiếp bằng những biện pháp nào?

1. Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Trong đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Trong các món đò chơi, tôi say mê nhất là con gà đất: một chú gà trống đẹp mã, oai vệ, với chiếc kèn lá tơi cài vào ức để tạo ra tiếng gáy. Đén bây giờ, tôi vẫn còn cảm nhận được niềm vui kì diệu ấy tái sinh trong tâm hồn, khi nhớ lại buổi sáng sớm, tôi mang con gà ra đứng trước thềm, ấp nó giữa lòng bàn tay, dồn hơi đầy ngực, ngữa mặt lên trời và gập người dần dần hạ giọng, giống y như dáng điệu con gà lúc gáy. Còn gì vui hơn với một đứa bé, khi nó được hóa thân thành con gà trống để dõng dạc cất lên điệu nhạc sớm mai: “Ó… ò… o”! Bao giờ tôi cũng thử rất lâu để chọn được một con gà đất có giọng trầm; biết cách bụm hai bàn tay thử rất lâu để đie26u khiển giọng gáy thật sinh động, giống như người nghệ sĩ thổi kèn đồng.

Bây giờ tôi hiểu ra, những đồ chơi trẻ con thời ấy rất hấp dẫn bởi chính tính mong manh của chúng. Chiếc trồng lùng tung bị thủng trong chốc lát, con ve bị đút dây, con gà đất cũng vỡ trên tay đứa bé. Vâng, thử tưởng tượng một quả bong bóng không bao giờ vỡ, không thể bay mất, nó cứ còn mãi như một vật lì lợm… Ôi, nếu thế thì còn đâu là quả bong bóng bay? Đồ chơi trẻ con, đó là nỗi vui mừng khi có được trong tay, và còn là nỗi tiếc nuối khi bỗng dưng bị mất nó. Những con gà đất lần lượt vỡ dọc theo tuổi thơ mãi để lại tron tôi một nỗi gì sâu thẳm, giống như một linh hồn.

(Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường, Người ham chơi)

Câuu hỏi

Tác giả đã say mê con gà đất như thế nào? Việc hồi tưởng quá khứ đã gợi lên cảm xúc gì cho tác giả?

1. Tưởng tượng tình huống hứa hẹn, mong ước

Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

(1) Cô vừa đi vừa hỏi tôi:

- Bây giờ em đả giải được những bài toán khó, đã làm được những bài luận dài rồi đấy. Vậy em còn yêu mến cô giáo cũ của em nữa không?

Và khi xuống đến chân cầu thang, cô nói to với tôi:

-Đừng quên cô nhé!

Ôi! Cô giáo rất tốt của em, không, chẳng bao giờ em lại quên cô được! sau này, khi em đã lớn, em vẵn sẽ nhớ đến cô, và em sẽ tìm gặp cô giữa một đám học trò nhỏ. Mỗi bận đi ngang qua một trường học và nghe tiếng một cô giáo giảng bài, em sẽ tưởng chừng như nghe tiếng nói của cô. Em sẽ nhớ lại hai năm ngồi trong lớp học của cô, ở đó, em đã học được biết bao nhiêu điều bổ ích; ở đó em đả bao nhiêu lần nhìn thấy cô mệt nhọc và đau đớn, nhưng luôn luôn theo dõi lớp học, luôn luôn yêu thươg mọi người. Cô đã thất vọng khi thấy một em bé cứ cầm sai cây bút khi viết mà không sao uống nắn lại được; cô đã lo lắng cho chúng em đến biến sắc mặt khi các vị thanh tra vào lớp và hỏi bài chúng em; cô lấy làm sung sướng khi chúng em đạt được những kết quả xuất sắc. Lúc nào cô cũng có lòng tốt và dịu hiền như một người mẹ.

Không bao giờ, phải, không bao giờ em lại có thể quên được cô, cô giáo yêu quý của em!

(Ét-môn-đô đơ A-xi-mi, Những tấm lòng cao cả)

(2) Chao ôi, mùa thu biên giời, người và cảnh vật là hết chỗ trữ tình. Trên các triền núi láng giền, nắng hanh như rây bột nghê, và đá núi lương chạy như xô bồ những con sóng đời đời không chịu tan. NHìn sống đá các triền núi bạn, thấy như biển cả đang vỗ bờ mà sao tự nhiên phim lại mất hản đi cái phần lồng tiếng. Ngồi trên núi cao mùa thu, nhìn sống núi tứ bề, cứ thấy nhớ biển, nghĩ về biển. Lũng Cú cao hơn mặt biển khoảng hai ngàn thước nằm ở vĩ tuyến 23 độ lẻ 22 phút. Thẳng buông một quả dọi thẳng lên tấm bản đồ đất nước treo trên tường, cứ thẳng từ mũi núi này đổ xui xuống thấy vào vùng lầy phù sa đen chỗ vĩ tuyến 80 độ rưỡi gì đó, thì đúng mũi Cà Mau đò rồi. Ở đây rừg của lâm nghiệp bảo vệ rừng ngày càng lấn núi, và trong chỗ tít tắp chân trời Cà Mau kia thì đất càng ngày càng lấn biển. Tổ quốc ta ngày càng xanh vui và ngày càng cao lớn lên mãi lên. Ở đây chim họa mi rất nhiều. Ở trong mủi biển xa xôi Cà Mau thì các múa trong lòng rạch, lòng kênh. Anh Sáu tập kết ra Bắc bảo tôi rằng đi trên cát cho giỏi, cát không níu được chân mình lại thì đi vã bộ nửa ngày mới qua thấu xóm mũi biển. Và chỗ xóm Ông Trang tận cùng Cà Mau, có bà mẹ chiến sĩ lúc nào cũng đầy một sân tôm khô và bong bóng cá đường để dành cho bất cứ người yêu nước nào. Ở trong ấy, cá thành ra một thứ chim bay ngược lên cành đước lòng kênh. Lòng kênh là một hành lang đước, chiếu thẳng ống nhòm ra thì thấy đầu đàng kia hành lang, cù lao Hòn Khoai nhấp nhô như một tinh thể nhỏ đang bơi bơi về phía đất liền quê mẽ, Châu cha, hôm nào đất nước yên hàn, tôi nghĩ rằng mình phải có những chuyến tàu bay trực thăng tốc hành đi thẳng từ mũi Cà Mau ra mũi Lũng Cú, cứ đchie61u thẳng hướng Bắc mà đi, rồi đổ xuống cái vạt núi lũng Cú đang bốc khói lam chiều này. Bà má Nam Bộ muốn trồng cây đước ở Hồ Kiếm. xin má cứ đem trồng; nhưg tôi muốn người Cà Mau ra thăm chỗ xa cao nhất miền Bắc hãy đem tới Lũng Cú đây ít tôm cá, và một cái lồng ấp đã đượm cháy sẳn mấy hòn than đước.

(Theo Nguyễn Tuân, Mõm Lũng Cú tột Bắc)

Câu hỏi:

1. Trí tưởng tượng đã giúp người viết bày tỏ lòng yêu mến cô giáo thế nào?
2. Việc liên tưởng từ Lũng Cú, cực bắc của Tổ Quốc tới Cà Mau, cực nam Tổ quốc đã giúp tác giả thể hiện tình cảm gì?
3. Quan sát, suy ngẫm

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

U tôi đả đi ngủ từ lâu. Nhưng tôi buông bút, nhìn ra bốn bên, chỗ nào cũng thấy bóng u. Cái bóng đen đủi, hòa lẫn với bóng tối, vẽ nên một khuôn mặt trăng trắng với đôi mắt nhỏ, lòng đen nhuộm một màu nâu đồng. Cái bóng mơ hồ yêu

Dấu ấy đứng bên cạnh lớp lớp những ngày tháng ngậm ngùi đói khổ, những năm này năm khác qua đi trong cơm thấp thỏm đợi chờ dài dặc mang ngấn nước mắt và tiếng thở dài. Người ta, nhiều lúc nhàn, quây quần bên cạnh người thân, nhưng không mấy khi lại tỉ mỉ vẩn vơ mà nhìn ngắm những người yêu mến của ta. Cho nên thỉnh thoảng tui sực nhó, chợt nhìn u, tôi bỗng giật mình, tôi ngờ ngợ như người ngồi trước mặt tôi không phải là u tôi. Có đâu u tôi lại thế kia. Tóc đường ngôi của u tôi lại lốm đốm, rụng, chỉ còn lưa thưa. Lúc u tui cười nếp nhăn ở con mắt nheo lại, xếp lên nhau, đến khi hết cười cũng còn hằn những vết rạn khía quang xuống hai bên gò má. Hàm răng trên của u tui hểnh khuyết ba lỗ đã mấy năm nay. U tôi già đi từ bao giờ? U tôi đã già đi lúc nào? Tôi thực sự không hay.

Câu hỏi:

Qua đoạn văn, em thấy sự quan sát có tác dụng biểu hiện tình cảm như thế nào?

**Ghi nhớ**

-Để tạo ý cho bài biểu cảm, khơi nguồn cho mạch cảm xúc nảy sinh, người viết có thể hổi tưởng kỉ niệm quá khứ, suy nghĩ về hiện tại, mơ ước đến tương lai, tưởng tượng những tình huống gợi cảm, hoặc vừa quan sát vừa suy ngẫm, vừa thể hiện cảm xúc.

-Nhưng dù cách gì thì tình cảm trong bài cũng phải chân thật và sự việc được nêu ra phải có kinh nghiệm. Được như thế thi mới làm cho người đọc tin và đồng cảm.

II-Luyện tập

1. Tập lập giàn ý biểu cảm theo các đề sau:

a, Cảm xúc về vườn nhà.

b, Cảm xúc về con vật nuôi (con bò, con chó, con mèo, … )

c, Cảm xúc về người thân.

d, Cảm nghĩ về mái trường thân yêu.

1. Gợi ý về cách lập giàn ý cho một số đề:

a, Lập ý cho đề “Cảm xúc về vườn nhà”:

-Xác định, hình dung khu vườn nhà em từng có, đang có hoặc mơ ước có, xác định vị trí trong không gian, thời gian của người viết đối với vườn nhà. Điều này sẽ quy định cảm xúc của bài. Nếu ở xa thì hoài niệm về vườn nhà.

-Em có thể miêu ta khu vườn rất gắn bó với đời sống gia đình nhà em (hiện tại hoặc lâu đời). Nếu thiếu nó cuộc sống của gia đình em sẽ sao? Em có thể nghĩ đến công lao, ý nguyện của người tạo lập khu vườn mà bày tỏ lòng biết ơn. Nếu chẳng may phải bán vườn cho người khác thì tỏ lòng tiếc nuối….

b, Lập giàn ý cho đề”Cảm xúc về người thân”:

-Xác định người thân định viết là ai và mối quan hệ thân tình của mình với người đó.

-Hồi tưởng những kỉ niệm mà mình đã có với người đó trong quá khứ.

-Nêu lên sự gắn bó của mình với người đó trong niềm vui, nỗi buồn, trong sinh hoạt, học tập, …

-Nghĩ đến hiện tại và tương lai của người đó mà bày tỏ tình cảm, sự quan tâm, lòng mong muốn, …

**Bài 10**

Kết quả cần đạt

-Cảm nhận tình yêu quê hương được biểu hiện một cách chân thành, sâu sắc qua bài thơ ***Tĩnh dạ tứ*** của Lí Bạch và ***Hồi hương ngẫu thư*** của Hạ Tri Chương, thấy được nghệ thuật đối trong thơ đường và tầm quan trọng của câu cuối trong bài thơ tuyệt cú.

-Củng cố và nâng cao kiến thức về từ trái nghĩa và kĩ năng sử dụng từ trái nghĩa đã học ở bậc tiểu học.

-Biết lập giàn bài phát biểu miệng: cảm nghĩ về sự vật và con người.

-Biết phát biểu cảm tưởng bằng lời nói.

**VĂN BẢN**

CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH

(Tĩnh dạ tứ)

Phiên âm

Sàng tiền minh nguyệt quang,

Nghi thị địa thượng sương.

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đê đầu tư cố hương.

Dịch nghĩa

Ánh trăng sáng đâu giường,

Ngỡ là sương trên mặt đất.

Ngẩng đầu ngắm vầng trăng sáng,

Cúi đầu nhớ quê cũ.

(Tĩnh: im lặng, yên tĩnh, dạ: đêm, tứ: ý tứ, cảm nghĩ. Sàng: giường, tiền: trước, minh: sáng, nguyệt: trăng, quang: ánh sáng. Nghi: ngờ, thị: là, thượng: trên, địa: đất. Cử: cất lên, nâng lên, vọng: trông xa,. Đê: cúi xuống, tư: lo nghĩ, nhớ, cố: cũ, hương: làng, quê hươn.)

Dịch thơ

Đầu giường ánh trăng rọi,

Ngỡ mặt đất phủ sương.

Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,

Cúi đầu nhớ cố hương.

Chú thích

(\*) Có người nói thơ lý bạch tràn ngập ánh trăng. Hình ảnh trăng trong thơ Lý Bạch hết sức đa dạng, ý nghĩa cũng vô cùng phong phú. Chủ đề của bài thơ rất quen thuộc: “Vọng nguyệt hoài hương” (trông trăng nhớ quê), cách thể hiện rất giản dị mà độc đáo. Thủa nhỏ, ông thường lên đỉnh núi Nga Mi ở quê nhà để ngắm trăng. Từ 25 tuổi, Lý Bạch đã xa quê và xa mãi. Bởi vậy cứ mỗi lần ngắm trăng là nhà thơ lại nhớ đến quê nhà. Bài thơ được viết theo hình thức cổ thể, một thể thơ trong đó mỗi câu thường có từ 5 đến 7 chữ, song không bị những quy tắc chặt chẽ về niêm luật và đối ràng buộc.

**ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

1. Có người cho rằng trong bài thơ Tĩnh dạ tứ, hai câu đầu tà thuần túy tả cảnh, hai câu cuối là thuần túy tả tình. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao?

(Gợi ý:

-Phải chăng trong hai câu đầu hoàn toàn không có suy tư, cảm nghĩ của con người?

-Và phải chăng hai câu cuối là tả tình thuần túy?

-Từ sự phân tích trên, rút ra kết luận về mối quan hệ giữa cảnh và tình trong bài thơ này.)

2. Tuy không phải là một bài thơ đường luật, song Tĩnh dạ tứ cũng sử dụng phép đối.

a, So sánh về mặt từ loại của các chữ tương ứng ở hai câu cuối để bước đầu hiểu thế nào là phép đối.

b, Phân tích tác dụng của phép đối ấy trong việc biểu hiện tình cảm quê hương của tác giả.

3. Dựa vào bốn động từ nghi (ngỡ là), cử (ngẩng), đê (cúi) và tư (nhớ) để chỉ ra sự thống nhất, liền mạch của suy tư, cảm xúc trong bài thơ.

**Ghi nhớ**

*Với những từ ngữ giản dị mà tinh luyện, bài thơ dã thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong đêm trăng thanh tĩnh.*

LUYỆN TẬP

Có người dịch *Tĩnh dạ tứ* thành 2 câu thơ như sau:

Đêm thu trăng sáng như sương,

Lí Bạch ngắm cảnh nhớ thương quê nhà.

Dựa vào những điều đã phân tích ở trên, em hãy nhận xét về hai câu thơ dịch ấy. Nếu có thể, thử dịch thành bốn câu thơ theo nguyên thể hoặc thể lục bát.

**VĂN BẢN**

NGẪU NHIÊN VIẾT NHÂN BUỔI MỚI VỀ QUÊ

(*Hồi hương ngẫu thư)*

***Phiên âm***

Thiếu tiểu li gia, lão đại hồi,

Hương âm vô cải, mấn mao tồi.

Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,

Tiếu vấn: Khách tòng hà xứ lai?

***Dịch nghĩa***

Rời nhà từ lúc còn trẻ, già mới quay về,

Giọng quê không đổi, nhưng tóc mai đã rụng.

Trẻ còn gặp mặt, không quen biết,

Cười hỏi: Khách ở nơi nào đến?

(Hồi: trở về, hương: làng, quê hương, ngẫu: tình cờ, ngẫu nhiên, thư: chép, viết, ghi lại. Nhi đồng: trẻ con, bất: không, thức: biết, quen nhau, tòng: từ, hà xứ: nơi nào, lai: tới, đến.)

***Dịch thơ***

Khi đi trẻ, lúc về già

Giọng quê vẫn thế, tóc đà khác bao.

Trẻ con nhìn lại không chào

Hỏi rằng: Khách ở chốn nào lại chơi?

**Chú thích**

(\*) Hạ Tri Chương (659-744), tự Quý Chân, hiệu Tứ Minh cuồng khách, quê ở Vĩnh Hưng, Việt Châu (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh chiết Giang), đỗ Tiến sĩ năm 695, sinh sống, học tập và làm quan trên 50 năm ở kinh đô Trường An, rất được Đường Huyền Tông vị nể. Lúc xin từ quan về quê làm đạo sĩ, vua có tặng thơ, thái tử và các quan đều đưa tiễn. Ông là bạn vong niên của thi hào Lí Bạch, từng gọi Lí Bạch là “Trích Tiên” (tiên bị đày). Thích uống rượu, tính tình phóng khoáng, ông còn để lại 20 bài thơ, trong đó hai bài *Hồi hương ngẫu thư* là nổi tiếng nhất. Bài được chọn để học là bài 1.

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**

1. Qua tiêu đề bài thơ, có thể thấy sự biểu hiện tình quê hương ở bài này có gì độc đáo?

(Gợi ý: So sánh với tình huống thể hiện tình quê hương trong bài thơ *tĩnh dạ tứ.)*

2. Chứng minh hai câu đầu đã dùng phép đối trong câu. Nêu tác dụng của việc dùng phép đối ấy.

Lưu ý: Ở thơ ngũ ngôn và thất ngôn, số chữ của hai vế đối nhau trong câu không bằng nhau, tuy vậy, xét về mặt từ loại và cú pháp vẫn có thể đối rất chỉnh.

3. Kẻ lại bảng sau và đánh dấu x vào ô mà em cho là hợp lý:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương thức biểu đạt** | **Tự Sự** | **Miêu tả** | **Biểu Cảm** | **Biểu cảm qua tự sự** | **Biểu cảm qua miêu tả** |
| Câu 1 |  |  |  |  |  |
| Câu 2 |  |  |  |  |  |

Sau khi đánh dấu, có thể dùng lời để giải thích thêm; cũng có thể dùng cách giải thích khác không có trong các ô.

4. Sự biểu hiện của tình quê hương ở hai câu trên và hai câu dưới có gì khác về giọng điệu.

**Ghi nhớ**

*Bài thơ biểu hiện một cách chân thực mà sâu sắc, hóm hỉnh mà ngậm ngùi tình yêu quê hương thắm thiết của một người sống xa quê lâu ngày, trong khoảnh khắc vừa mới đặt chân về quê cũ.*

*LUYỆN TẬP*

Căn cứ vào bản dịch nghĩa *Hồi hương ngẫu thư và những điều cảm nhận được qua bài thơ này, hãy so sánh hai bản dịch thơ của Phạm Sỹ Vĩ và Trần Trọng San.*

**TỪ TRÁI NGHĨA**

I-THẾ NÀO LÀ TỪ TRÁI NGHĨA

1. Đọc lại bản dịch thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* của Tương Như và ban dịch thơ *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê của Trần Trọng San.* Dựa vào các kiến thức đã học ở tiểu học, hãy tìm từ trái nghĩa trong hai bản dịch thơ đó.

2. Tìm từ trái nghĩa với từ *Già* trong trường hợp rau già, cau già.

**Ghi nhớ**

-Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.

-Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.

II-SỬ DỤNG TỪ TRÁI NGHĨA

1. Trong hai bài dịch thơ trên sử dụng từ trái nghĩa có tác dụng gì?

2. Tìm một số thành ngữ có sử dụng từ trái nghĩa và nêu tác dụng của việc dùng các từ trái nghĩa đó.

**Ghi nhớ**

Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động.

III-LUYỆN TẬP

1. Tìm từ trái nghĩa trong các câu ca dao tục ngữ sau đây:

-Chị em như chuối nhiều tàu,

Tấm lành che tấm rách, đừng nói nhau nhiều lời.

-Số cô chẳng giàu thì nghèo

Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà

-Ba năm được một chuyến sai

Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

-Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

2. Tìm các từ trái nghĩa với những từ in đậm trong các cụm từ sau đây:

**cá tươi ăn yếu chữ xấu**

**Tươi yếu xấu**

**Hoa tươi học lực yếu đất xấu**

3. Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau:

-Chân cứng đá….

-Có đi có….

-Gần nhà… ngõ

-Mắt nhắm mắt…

-Chạy sấp chạy…

-Vô thưởng vô…

-Bên… bên khinh

-Buổi… buổi cái

-Bước thấp bước…

-Chân ướt chân…

4. Hãy viết một đoạn văn ngắn về tình cảm quê hương, có sử dụng từ trái nghĩa.

**LUYỆN NÓI: VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT, CON NGƯỜI**

I-CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Mỗi em chuẩn bị một trong bốn đề sau, lập dàn bài tập nói ở nhà theo tinh thần một bài phát biểu trước lớp.

Đề 1: Cảm nghĩ về Thầy, cô giáo, những”người lái đò” đưa thế hệ trẻ “cập bến” tương lai.

Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn.

Đề 3: Cảm nghĩ về sách vở mình đọc và học hàng ngày.

Đề 4: Cảm nghĩ về một món quà mà em đã nhận thời thơ ấu.

Yêu cầu: Văn biểu cảm về sự vật và con người đòi hỏi phải chú ý tới sự vật và con người một cách đầy đủ. Phải có sự vật, có con người làm nền cho những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ. Người làm phải chú ý yếu tố tự sự và miêu tả. Cần vận dụng yếu tố hồi tưởng, tưởng tượng, liên tưởng để biểu cảm.

Tập vận dụng những hình thức biểu cảm như: so sánh, lời trùng điệp, hình thức cảm thán.

II-THỰC HÀNH TRÊN LỚP

1. Học sinh chia tổ, nhóm, phát biểu theo giàn bài đã chuẩn bị.

2. Khi một học sinh phát biểu, các em khác lắng nghe bổ sung, sửa chữa.

3. Nghe thầy, cô giáo nhận xét, tổng kết.

BÀI THAM KHẢO

QUÀ BÁNH TUỔI THƠ

Một mảng kỉ niệm lớn của tuổi trẻ-đó là món ăn, đặc biệt là cái thứ mà người dân Bắc gọi là quà bánh. Hồi nhỏ chúng tôi không được cho tiền đến trường ăn quà, vì ba mẹ tui cho rằng trẻ con sử dụng tiền sẽ hư!Đó là một thiệt thòi vì dù trong cặp hay sau mui xe luôn xếp sẵn những quả chuối, quýt,.. thì cái quả cấm vẫn là của quý. Đặc biệt là cái món thịt bò khô, anh chàng đi bán rao hàng bằng cách lắp xắp cái kéo, trên thùng gỗ bày đủ nước chấm, ớt. Những sợi đu đủ màu ngọc thạch trắng, giòn và lá thơm xanh hợp thành một bức tranh tĩnh vật-kiệt tác đối với tuổi học trò…

Nhưng món ăn tui nhớ nhất lại là quà mua ở chợ Ngã Ba Thá. Chợ họp trên một đồi nhỏ, những dãy người ngồi bán hàng vòng vèo theo hình xoáy ốc lên đến đỉnh đồi. Củ khoai từ trắng nõn, bở tơi ăn với kẹo vừng kẹo bột. Ngày ấy kẹo cắn vỡ ra, ta thấy thớ bột lỗ chỗ những khoảng hổng, mà không chắc nịch lại… Vả chăng giờ đây, trẻ con đâu có ăn kẹo vừng kẹo bột nữa, mà chỉ thích nhai kẹo cao su!...

Gọi là mốn ăn, nhưng thực chất là món ăn tinh thần. Bởi người ta ăn ngon chủ yếu do kỉ niệm. Những món ăn thủa nhỏ là những thứ ngon nhất còn lại cả đời người.

**BÀI 11**

**Kết quả cần đạt:**

-Qua *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá,* cảm nhận được tinh thần nhân đạo vào và tinh thần vị tha cao cả của nhà thơ Đỗ Phủ*,* bước đầu thấy được vị trí và ý nghĩa của những yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ tình.

-Củng cố và nâng cao kiến thức về từ đồng âm và kĩ năng sử dụng từ đồng âm thời còn học tiểu học.

-Đánh giá chất lượng bài tập làm văn số 2 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.

-Hiểu vai trò và biết vận dụng *yếu tố tự sự, miêu tả* trong văn biểu cảm.

**VĂN BẢN**

BÀI CA NHÀ TRANH BỊ GIÓ THU PHÁ

Tháng tám, thu cao, gió thét già,

Cuộn mất ba lớp tranh nhà ta.

Tranh bay sang sông rải khắp bờ,

Mảnh cao treo tót ngọn rừng xa,

Mảnh thấp quay lộn vào mương sa.

Trẻ con thôn nam khinh ta già không sức,

Nỡ nhè trước mặt xô cướp giật,

Cắp tranh đi tuốt vào lũy tre

Môi khô miệng cháy gào chẳng được,

Quay về, chống gậy lòng ấm ức!

Giây lát, gió lặng, mây tối mực,

Trời thu mịt mịt đêm đen đặc.

Mền vải lâu năm lạnh tựa sắt,

Con nằm xấu nết đạp lót nát

Đầu giường nhà dột chẳng chừa đâu

Dày hạt mưa, mưa, mưa chẳng dứt.

Từ trải cơn loạn ít ngủ nghê

Đêm dài ướt át sao cho chót?

Ước được nhà rộng muôn ngàn gian,

Che khắp thiên hạ kẻ sỹ nghèo đều hân hoan,

Gió mưa chẳng núng, vững vàng như thạch bàn!

Than ôi! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt,

Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được!

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**

1. Tìm hiểu và phân tích bố cục của bài thơ.

2. Kẻ lại bảng sau vào vở và đánh dấu x mà em cho là hợp lý.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phương thức biểu đạt | Miêu tả | Tự sự | Biểu cảm trực tiếp | Miêu tả kết hợp tự sự | Miêu tả kết hợp biểu cảm | Tự sự kết hợp biểu cảm | Kết hợp cả 3 phương thức |
| Phần… |  |  |  |  |  |  |  |
| Phần… |  |  |  |  |  |  |  |

3. Những nỗi khổ nào của nhà thơ đã được đề cập trong bài thơ? Tác giả đã miêu tả và thể hiện sinh động, khúc chiết những nỗi khổ đó như thế nào?

4. Giả sử không có năm dòng thơ cuối thì ý nghĩa, giá trị biểu cảm của bài thơ sẽ giảm đi như thế nào? Phân tích tình cảm cao quý của nhà thơ được biểu hiện qua phần cuối.

**Ghi nhớ**

Kết hợp nhiều phương thức diễn đạt, Đỗ Phủ đả thể hiện một cách sinh động nỗi khổ của bản thân vì căn nhà tranh bị gió thu phá nát. Điều đáng quý hơn là, vượt lên trên bất hạnh cá nhân, nhà thơ đã bộc lộ khát vọng cao cả: ước sao có được ngôi nhà vững chắc ngàn vạn gian để che chở cho tất cả mọi người nghèo trong thiên hạ.

LUYỆN TẬP

1. Đọc diễn cảm hai phần cuối.

2. Dùng tối đa là hai câu để nêu lên ý chính của đoạn văn sau đây bàn về *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* của Đỗ Phủ.

“… Trong bài thơ này, Đỗ Phủ đã miêu tả nỗi thống khổ của bản thân song khi đọc xong phần cuối của bài thơ, chúng ta hiểu ngay rằng nhà thơ không miêu tả nỗi thống khổ của bản thân một cách cô lập, đơn thuần mà thông qua sự miêu tả đó để biểu hiện nỗi thống khổ của tất cả” kẻ sỹ nghèo trong thiên hạ”, để biểu hiện thảm họa của xã hội, của thời đại. Mới đọc câu “Quay về chống gậy lòng ấm ức!” ta chưa lí giải sâu sắc nội dung của tiếng”than thở” của nhà thơ, song khi đọc đến câu “Than ôi!Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt. Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được!”, ta liền nhận ra rằng nhà thơ không chỉ vì sự bất hạnh của bản thân mình mà than thở, mà mất ngủ, mà gào to thét lớn! Trong đêm thu bị mưa vùi gió dập một cách tàn nhẫn, điều quay cuồng trong đầu óc nhà thơ không chỉ là chuyện” riêng lều ta nát” mà còn là tình cảnh mọi ngôi nhà tranh của” kẻ sỹ nghèo trong thiên hạ” đều rách nát…

Hàng trăm, ngàn năm nay, tình cảm lo nước thương dân nồng cháy và lí tưởng cao cả-yêu cầu khẩn thiết thay đổi hiện thực đen tối-của Đỗ Phủ mãi mãi kích động tâm khảm độc giả và phát huy tác dụng tich cực.”

**TỪ ĐỔNG ÂM**

**I-**THẾ NÀO LÀ TỪ ĐỒNG ÂM?

1. Giải tích nghĩa của mỗi nhóm từ *lồng* trong các câu sau:

- Con ngựa đang đứng bỗng lồng lên

-Mua được con chim, bạn tui nhốt ngay vào lồng.

2. Nghĩa của từ *lồng* trong hai câu trên có liên quan gì với nhau không?

**Ghi nhớ:**Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.

**II-**SỬ DỤNG TỪ ĐỒNG ÂM

1. Nhờ đâu mà em phân biệt được từ đồng âm trong hai câu trên?

2. Câu “Đem cá về kho!” nếu tách ra khỏi ngữ cảnh có thể hiểu thành mấy nghĩa? Em hay thêm vào câu này một vài từ để câu trở thành đơn nghĩa.

3. Để tránh những hiểu lầm do hiện tượng đồng âm gây ra, cần phải chú ý điều gì khi giao tiếp?

**Ghi nhớ**

*Trong giao tiếp phải chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của từ hoặc dùng từ với ý nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm.*

III-LUYỆN TẬP

1. Đọc lại đoạn dịch thơ bài *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* từ “tháng tám thu cao, gió thét già” đến “Quay về chống gậy lòng ấm ức”, tìm từ đồng âm với mỗi từ sau: thu, cao, ba, sang, nam, môi.

2. a, Tìm các nghĩa khác nhau của danh từ cổ và giải thích mối liên quan giữa các nghĩa đó.

b, Tìm từ đồng âm với danh từ *cổ* và cho biết ý nghĩa của chúng.

3. Đặt câu với mỗi cặp từ đồng âm sau (ở mỗi câu phải có cả hai từ đồng âm):

Bàn (danh từ) -bàn (động từ)

Sâu (danh từ) -sâu (tính từ)

Năm (danh từ) -năm (số từ)

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

Chú ý các điểm sau:

1. Em có hiểu biết về loài cây em yêu hay chưa? Tình cảm của em có chân thật không?

2. Bài viết có các chi tiết thật sự gợi cảm không?

3. Bố cục bài văn có đầy đủ, cân đối và hợp lí không?

4. Em đã dùng được các biện pháp nghệ thuật nào?

5. Sửa lỗi chính tả về dùng từ, về ngữ pháp.

**CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ TRONG BÀI VĂN BIỂU CẢM**

I-TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN BIỂU CẢM

1. Hãy chỉ ra yếu tố tự sự và miêu tả trong bài *bài ca nhà tranh bị gió thu phá* và nêu ý nghĩa của chúng với bài thơ.

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Những ngón chân của bố khum khum, lúc nào cũng như bám vào đất để khỏi trơn ngã. Người ta nói đó là “bàn chân vất vả”. Gan bàn chân bao giờ cũng xám xịu và lỗ chỗ, bao giờ cũng khuyết một miếng không đầy đặn như gan bàn chân người khác. Mu bàn chân mốc trắng, bong ra từng bãi, lại có nốt lấm chấm. Đêm nào bố cũng ngâm nước nóng hòa muối.

Bố đi chân đất, bố đi ngang dọc đâu đâu con không biết. Con chỉ thấy ngày nào bố cũng ngâm chân xuống nước, xuống bùn để câu quăng. Bố tất bật đi từ khi sương vẫn còn đọng trên ngọn cỏ. Khi bố về nhà là lúc cỏ đẫm sương đêm. Cái thúng câu bao lần trà đi sát lại bằng sắn thuyền, cái cần câu bóng dấu tay cầm….

Bố ơi! Bố chữa làm sao lành lạnh được đôi bàn chân ấy: đôi bàn chân dầm sương dãi nắng đã thành bệnh.

Câu hỏi:

a, Em hãy chỉ ra yếu tố tự sự và miêu tả trong bài văn và cảm nghĩ của tác giả. Nếu không có yếu tố tự sự và miêu tả thì yếu tố biểu cảm có thể bộc lộ được hay không?

b, Đoạn văn trên miêu tả, tự sự trong niềm hồi tưởng. Hãy cho biết tình cảm đã chi phối tự sự và miêu tả như thế nào.

**Ghi nhớ**

-Muốn phát biểu cảm xúc, suy nghĩ đối với đời sông xung quanh, hãy dùng phương thức tự sự và miêu tả để gợi ra đối tượng biểu cảm và gửi gắm cảm xúc.

-Tự sự và miêu tả ở đây nhằm khêu gợi cảm xúc, do cảm xúc chi phối chứ không nhằm mục đích kể chuyện, miêu tả đầy đủ sự việc, phong cảnh.

II-LUYỆN TẬP

1. Kể lại nội dung bài *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* của Đỗ Phủ bằng bài văn xuôi biểu cảm.

2. Trên cơ sở văn bản sau, viết lại thành một bài văn biểu cảm.

KẸO MẦM

Mỗi sáng mẹ tôi gỡ tóc bằng cái lược thưa gỗ vàng vàng, thế nào rồi cũng có ít tóc rối. Mẹ vo vo giắt nó lên đòn tay chỗ mái hiên nhà. Rồi chị tui cũng làm thế, bắt chước mẹ cũng gỡ tóc, vo vo giắt mớ tóc rối lên chỗ ấy.

Thỉnh thoảng trên đường làng có bà cụ rao to “Ai tóc rối đổi kẹo không?”. Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đũa cả, quấn vào đầu que thật khéo. Bà cụ đưa kẹo cho chúng tôi đổi lại nắm tóc rối của bà, của mẹ hay của chị.

Tóc dối bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi. Thế là mỗi lần bà cụ qua ngõ, tôi lại với tay, kiễng chân lên chỗ mái hiên…

Mẹ tôi đã mất. Chị tôi đi lấy chồng xa…

Cứ mỗi lần có ai đi qua rao lên: “ai đổi kẹo”, tôi lại tưởng như thấy mẹ ngồi đầu hè gỡ tóc bằng cái lược gỗ màu vàng vàng, đầu mẹ nghiêng nghiêng, sóng tóc đổ dài một bên vai, và rối mẹ vuốt cái lược, vo vo nắm tóc, giắt nó lên mái hiên nhà…

Que kẹo mầm tuổi thơ… Mẹ ơi… Còn có bao giờ con được thấy mẹ ngồi gỡ tóc như thế nữa.

**BÀI 12**

**Kết quả cần đạt**

-Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên gắn liền với lòng yêu nước của Hồ Chí Minh được biểu hiện trong hai bài thơ **cảnh khuya và rằm tháng riêng.**

**-**Nắm được thể thơ và những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

**-**Nắm được khái niệm thành ngữ, ý nghĩa của thành ngữ.

**-**Viết tốt bài tập làm văn số 3 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.

**-**Biết phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

**VĂN BẢN**

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa,

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(*Hồ Chí Minh)*

RẰM THÁNG RIÊNG

**Phiên âm**

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,

Xuân sang xuân thủy tiếp xuân thiên;

Yên ba thâm xứ đàm quân sự,

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

(*Hồ chí Minh)*

**Dịch nghĩa**

Đêm nay đêm rằm tháng riêng, trăng đúng lúc tròn nhất,

Sông xuân, nước xuân, tiếp giáp với trời xuân;

Nơi sâu thẳm mịt mù khói sóng bàn việc quân,

Nửa đêm quay về trăng đầy thuyền.

**Dịch thơ**

Rằm xuân lồng lộng trăng soi,

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân;

Giữa dòng bàn bạc việc quân,

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

**ĐỌC –HIỂU VĂN BẢN**

1. Hai bài *cảnh khuya* và *rằm tháng riêng* được làm theo thể thơ nào? Vận dụng những hiểu biết về bài thơ này qua những bài thơ Đường mà em đã học, hãy chỉ ra các đặc điểm về số tiếng trong mỗi câu thơ, số câu một bài, cách gieo vần, ngắt nhịp của hai bài thơ trên.

2. Phân tích hai câu đầu của bài “cảnh khuya”.

3. Hai câu cuối của bài thơ cảnh khuya đã thể hiện tâm trang gì của tác giả? Trong hai câu cuối ấy có từ nào được lặp lại và điều đó cá tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện tâm trạng của nhà thơ?

4. Hãy nhận xét về hình ảnh không gian và cách miêu tả không gian trong bài thơ *Rằm thắng riêng.* Câu thơ thứ hai có điều gì đặc biệt về từ ngữ và đã gợi ra vẻ đẹp của không gian đêm rằm tháng riêng như thế nào?

**Ghi nhớ**

*Cảnh khuya* và *rằm tháng riêng* là hai bài thơ tứ tuyệt của Hồ Chí Minh được sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Hai bài thơ miểu tả cảnh trăng ở chiến khu việt bắc, thể hiện tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu lặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ.

-Hai bài thơ có nhiều hinh ảnh thiên nhiên đẹp, có màu sắc cổ điển mà bình dị, tự nhiên.

LUYỆN TẬP

1. Học thuộc hai bài thơ trên.

2. Tìm đọc và chép lại một số bài thơ, câu của Bác Hồ viết về trăng hoặc cảnh thiên nhiên.

**THÀNH NGỮ**

I-THẾ NÀO LÀ THÀNH NGỮ?

1. Nhận xét về cầu tạo của cụm từ *lên thác xuống ghềnh* trong hai câu thơ sau:

Nước non lận đận một mình,

Thân cò *lên thác xuống ghềnh* bấy nay.

a, Có thế thay một vài từ trong cụm từ này bằng những từ khác được không? Có thể chêm xem một vài từ khác vào cụm từ được không? Có thể thay đổi vị trí của các cụm từ này được không?

b, Từ nhận xét trên, em rút ra được kết luận gì về đặc điểm cấu tạo của cụm từ *lên thác xuống ghềnh.*

2. a, Cụm từ *lên thác xuống ghềnh* có nghĩa là gì? Tại sao lại nói *lên thác xuống ghềnh?*

b, Nhanh như chớp có nghĩa là gì? Tai sao lại nói nhanh như chớp?

**Ghi nhớ**

-thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

-Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh…

II-SỬ DỤNG THÀNH NGỮ

1. Xác định vai trò ngữ pháp của thành ngữ trong câu sau:

- Thân em vừa trắng lại vừa tròn

**Bảy nổi ba chìm** với nước non.

-Anh đã nghĩ thương em như thế hay là anh đào giúp em cho một cái ngách sang nhà anh, phòng khi **tắt lửa tối đèn** có đứa nào bắt nạt thì em chạy sang…

2. Em hãy phân tích cái hay của việc dùng thành ngữ trong hai câu thơ trên.

**Ghi nhớ**

-Thành ngữ có thể làm chử ngữ, vị ngữ trong các câu hay làm phụ ngữ trong cuk5 danh từ, cụm động từ…

-Thành ngữ ngắn gọn, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao.

III-LUYỆN TẬP

1. Tìm và giải thích nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:

a. Đến ngày lễ tiên vương, các lang mang sơn hào hải vị, nem công chả phượng tới, chẳng thiếu thứ gì.

(*Bánh chưng, bánh giày)*

b. Một hôm có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy thạch sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “người này khỏe như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động vui vẻ nhận lời.

(Thạch Sanh)

c. Chốc đà mười mấy năm trời

Còn ra khi đã da mồi tóc sương.

(Truyện Kiều)

2. Kể vắn tắt các truyền thuyết và ngụ ngôn tương ứng để thấy rõ lai lịch của thành ngữ trong *Con rồng cháu tiên*, *ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi.*

3. Điền thêm yếu tố để thành ngữ được trọn vẹn:

-Lời…. tiếng nói

-Một nắng hai…

-Ngày lành tháng…

-No cơm ấm…

-Bách… bách trúng

4. Hãy sưu tầm thếm ít nhất mười thành ngữ không có trong sách giáo khoa và giải thích ý nghĩa của các thành ngữ đó.

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3-VĂN BIỂU CẢM**

(Làm tại lớp)

Đề bài: Cảm nghĩ về người thân (ông, bà, cha, mẹ… )

**CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC**

I-TÌM HIỂU CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Đọc bài văn

CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI CA DAO

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn trông sao sao mờ…

Cảnh minh họa trong bài học có bóng một người đội khăn, mặc áo dài, chắp tay sau lưng, quay mặt trông trời lấp lánh sao, bên cái cầu rửa ở bờ ao tối mờ mờ.

Có lúc tôi đã nghĩ đây là một người quen thật của tôi, có thể là họ hàng ruột thịt kiếm ăn ở một phương xa đang nhớ về cố hương:

Buồn trông con nhện chăng tơ

Nhện ơi, nhện hỡi nhện chờ mối ai?

Tôi chỉ lơ mơ nghe thầy giáo giảng các nghĩa, các ý và so sánh hình tượng. Tất cả tâm trí và mắt nhìn của tôi càng như dính vào mạng tơ rung rung trước gió với một con nhện lơ lửng giữa khoảng không đang giơ giơ càng. Tiếng gió khuay vu vu, và chính bóng người chỉ thấy đầu đội khăn, tay chắp sau lưng mà không thấy mặt kia, đang nấc lên mà gọi trời, gọi sao, gọi nhện.

*Đêm đêm tưởng giải ngân hà*

*Chuôi sao tinh Đẩu đã ba năm tròn…*

Thì ra cái vùng sao như cát, như Thủy Tinh vãi kia ở trong tranh minh họa là giải ngân hà?A!Sông Ngân!Sông Ngân! Thế là một con sông điển tích mà tôi biết bấy lâu, hàng năm cứ đến tháng bảy thì có một đôi vợ chồng tên là Lưu Lang, Chức Nữ được quá giang gặp nhau, và chỉ được gặp nhau một ngày thôi ấy. Mong đợi và nhớ thương không tả rõ là ai, là đâu, là gì, mà sao vẫn thấy có một người, có một nơi, có một mình, có một cảnh, vừa man mác, vừa bâng khuâng, vừa da diết vô cùng.

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Tào khê nước chảy vẫn còn trơ trơ.

Lại con sông tào khê này nữa! hơn bốn mươi năm sau đấy, tôi đã được tới đứng bên bờ phù sa của nó mà trông trời trông mây sông nước rồi cả sao khuya. Sông Tao Khê vắt qua huyện Quế Võ tỉnh Hà Bắc, thông ra sông cầu, nhỏ hẹp thôi nhưng cũng chảy siết lòng người, khiến những ai kia đã phải nghẹn ngào:

*Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn*

mà nói với sông:

* Ôi Tào Khê! Nước tào khê làm đá mòn đấy! Nhưng dòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chình là lòng thủy chung của ta!

Vì nhớ mà buồn, một bài không phải học kĩ mà cũng đã thuộc lòng ngay, cả nhiều bạn tôi xưa cũng thấy như thế.

(Nguyên Hồng, Một tuổi thơ văn)

**2. Trả lởi câu hỏi**

a. Bài văn viết về bài ca da nào? Hãy đọc liền mạch bài ca dao đó.

b. Tác giả phát biểu cảm nghĩ của mình về bài ca dao bằng cách tưởng tượng, liên tưởng, suy ngẫm về hình ảnh, chi tiết của nó. Hãy chỉ ra các yếu tố đó trong bài văn.

**Ghi nhớ**

-Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học là trình bày những cảm xúc, tưởng tượng liên tưởng, suy ngẫm của mình về nội dung, hình thức của tác phẩm đó.

-Bải cảm nghĩ về tác phẩm văn học cũng cần có ba phần:

+Mở bài: Giới thiệu tác phẩm và hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm.

+Thân bài:Những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi lên.

+Kêt bài: Ấn tượng chung về tác phẩm.

II-LUYỆN TẬP

1. Phát biểu cảm nghĩ về một bài thơ: *cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê, Cảnh khuya, Rằm tháng riêng.*

2. Lập giàn ý cho bài phát biểu cảm tưởng về bài thơ *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê.*

**BÀI 13**

**Kết quả cần đạt**

-Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng, đằm thắm của những kỉ niệm vể tuổi thơ và tình cảm bà cháu trong bài *tiếng gà trưa*. Thấy được nghệ thuật biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua những chi tiết tự nhiên, bình dị của bài thơ.

-Nắm được khái niệm *điệp ngữ*, tác dụng của điệp ngữ.

-Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học.

-Hiểu được luật thơ lục bát và biết làm thơ lục bát đúng luật.

**VĂN BẢN**

TIẾNG GÀ TRƯA

Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ

Tiếng gà ai nhảy ổ:

“Cục… cục ta cục tác”

Nghe xao động nắng mưa

Nghe bàn chân đỡ mỏi

Nghe goi về tuổi thơ

Tiếng gà trưa

ổ rơm hồng những trứng

Này con gà mái mơ

Khắp mình hoa đốm trắng

Này con gà mái vàng

Lông óng như màu trắng

Tiếng gà trưa

Có tiếng bà vẫn mắng

-Gà đẻ mà mày nhìn

Rồi sau này lang mặt!

Cháu về lầy gương soi

Lòng dại thơ lo lắng

Tiếng gà trưa

Tay bà khum soi trứng

Dành từng quả chắt chiu

Cho con gà mái ấp

Cứ hàng năm hàng năm

Khi gió mùa đông tới

Bà lo đàn gà toi

Mong trời đừng sương muối

Để cuối năm bán gà

Cháu được quần áo mới

Ôi cái quần treo go

Ống rộng dài quét đất

Cái áo cánh trúc bâu

Đi qua nghe sột soạt.

Tiếng gà trưa

Mang bao nhiêu hạnh phúc

Đêm cháu về nằm mơ

Giấc ngủ hồng sắc trứng

Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ quốc

Vì xóm làng thân thuộc

Bà ơi, cùng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ.

(Xuân Quỳnh, trong *Sân ga chiều em đi)*

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**

1. Cảm hứng của tác giả trong bài thơ khêu gợi từ sự việc gì? Mạch cảm xúc trong bài thơ diễn biến như thế nào?

2. Những hình ảnh và kỉ niệm gì trong tuổi thơ đã gợi lại từ tiếng gà trưa? Qua đó bài thơ đã biểu hiện những tình cảm gì của tác giả?

3. Em cảm nhận được gì về hình ảnh người bà và tình cảm người cháu được thể hiện trong bài thơ?

4. Bài thơ làm theo thể 5 tiếng, nhưng có những chỗ biến đổi khá linh hoạt. Em có nhận xét gì về cách gieo vần, về số câu thơ trong mỗi khổ?

Câu thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần trong bài ở những vị trí nào và có tác dụng ra sao?

**Ghi nhớ**

-tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình quê hương đất nước.

-Bài thơ theo thể 5 tiếng có cách diễn đạt tình cảm tự nhiên và nhiều hình ảnh bì dị, chân thực.

LUYỆN TẬP

1. Chọn học thuộc lòng một đoạn của bài thơ khoảng 10 dòng.

2. Cảm nghĩ của em về tình ba cháu trong bài thơ này.

**ĐIỆP NGỮ**

I-ĐIỆP NGỮ VÀ TÁC DỤNG CỦA ĐIỆP NGỮ

1. Ở khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài *Tiếng gà trưa* có những từ ngữ nào lặp đi lặp lại?

2. Lặp đi lặp lại như thế có tác dụng gì?

**Ghi nhớ**

Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp như vậy gọi là phép điệp ngữ, từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.

II-CÁC DẠNG ĐIỆP NGỮ

So sánh điệp ngữ trong khổ thơ đầu của bài *Tiếng gà trưa* với điệp ngữ trong hai đoạn thơ sau, tìm đặc điểm của mỗi dạng..

1. Anh đã tìm em, **rất lâu, rất lâu**

Cô gái thạch kim Thạch Nhọn

**Khăn xanh, khăn xanh** phơi đầy lán sớm

Sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều

[… ]

Chuyện kể từ nỗi nhớ sâu xa

**Thương em, thương em, thương em** biết mấy

(phạm tiến duật)

1. Cùng trông lại mà cùng chẳng **thấy**

**Thấy** xanh xanh những mấy **ngàn dâu**

**Ngàn dâu** xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

(Đoàn thi điểm)

**Ghi nhớ**

Điệp ngữ có nhiều dạng: điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp.

III-LUYỆN TẬP

1. Tìm điệp ngữ trong đoạn trích sau đây cho cho biết tác giả muốn nhấn mạnh điều gì.

Một dân tộc đã gan góc chống trả ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chông phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập!

(Hồ Chí Minh)

Người ta đi cấy lấy công,

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.

Trông trời, trông đất, trông mây,

Trông mưa trông gió, trông ngày, trông đêm.

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời yên, biển lặng mới yên tấm lòng.

(ca dao)

2. Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và cho biết đó là những điệp ngữ gì?

Vậy mà giờ đây anh em tôi sắp phải xa nhau, có thể xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ, một giấc mơ thui.

3. Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng điệp ngữ. Trao đổi bài viết với các bạn khác. Nêu nhận xét về cách dùng điệp ngữ trong bài của bạn.

**BÀI 14**

**Kết quả cần đạt**

-Cảm nhận được phong vị đặc sắc, nét đẹp văn hóa trong một thứ quà độc đáo và giản dị của dân tộc: cốm.

-Bước đầu biết được thể văn tùy bút, thấy được sự tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc trong tùy bút của Thạch Lam.

-Nắm được khái niệm chơi chữ, bước đầu cảm nhận được cái hay cái đẹp của chơi chữ.

-Nằm được các yêu cầu trong việc sử dụng từ, sử dụng kĩ năng sử dụng từ đúng chuẩn mực.

-Ôn tập về văn biểu cảm

**VĂN BẢN**

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, thấm nhuần cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thứ quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thầy khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đâu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. dưới ánh trăng giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm truyền từ đời này sang đời khác. Tất nhiên nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có ở đâu làm được hạt cốm thơm, dẻo và ngon được bằng ở làng Vòng, gần Hà Nội. tiếng cốm Vòng đã lan khắp cả ba kì, và đến mùa cốm, các người của Hà Nội 36 phố phường vẫn ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn nhẹ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng…

Cốm là thứ quà đặc biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thứ quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi… Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp được hơn nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền.

Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm còn phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cài tươi mát của lá non và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi mát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một còn giữ lại cái ấp áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm ủ trong lá sen. Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp là sen, chúng ta thấy hiện ra từng là cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay hay mâm mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve. Phải nên kính trọng cái lộc của trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn lại của thần lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn, và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

(Thạch Lam, 1943)

**Chú thích:**

1. Vừng: là từ chỉ đơn vị, dùng để gọi một cách trang trong hay văn vẻ một vật thể có bề mặt coi là rộng, hình tròn, hoặc gần với hình tròn.
2. Thanh nhã: thanh tao, nhã nhăn.
3. Vòng: làng Vòng thuộc xã dịch vọng, huyện Từ liêm, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội
4. Sêu tết:Nhà trai đưa lễ cho nhà gái trong dịp lễ tết khi chưa cưới.
5. Ngọt sắc: vị ngọt đậm.
6. Hào nhoáng: có vẻ đẹp phô trương bên ngoài.

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**

1. Bài tùy bút này nói về cái gì? Để nói về đối tượng ấy, tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào (miêu tả, thuyết minh, biểu cảm, bình luận) ? Phương thức nào là chủ yếu? Bài văn có mấy đoạn? Nội dung chính của mỗi đoạn là gì?

2. Đọc đoạn văn từ đầu đến” trong sạch của Trời” và cho biết:

-Tác giả đã mở đầu bài viết về cốm bằng những hình ảnh và chi tiết nào?

-Những cảm giác, ấn tượng nào của tác giả đã tạo nên tính biểu cảm của đoạn văn?

3. Tác giả đã nhận xét như thế nào về tục lệ dùng hồng, cốm làm đồ sêu tết của nhân dân ta? Sự hòa hợp, tưng xứng của hai thứ ấy dã phân tích trên những phương diện nào?

4. Cốm là thứ quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lùa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam”. Em cảm nhận như thế nào về nhận xét ấy của tác giả?

**Ghi nhớ**

“Cốm là thức quà riêng biệt cũa đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị của tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ”. Bằng ngòi bút tinh tế, nhạy cảm và tấm lòng trân trọng, tác giả đã phát hiện những nét đẹp văn hóa dân tộc trong thứ sản phẩm giản dị mà đặc sắc ấy.

LUYỆN TẬP

1. Chọn học thuộc một đoạn văn trong bài khoảng 5-6 dòng.

2. Sưu tầm và chép lại một số câu ca dao nói về cốm.

**CHƠI CHỮ**

I-THẾ NÀO LÀ CHƠI CHỮ?

Đọc bài ca dao sau và trả lời câu hỏi.

Bà già đi chợ cầu đông,

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?

Thầy bói xem quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn.

Câu hỏi:

1. Em có nhận xét gì về nghĩa của từ lợi trong bài ca dao này?

2. Việc sử dụng từ *lợi* ở cuối câu của bài ca dao là dựa vào hiện tượng gì của từ ngữ?

3. Việc sử dụng từ *lợi* như trên có tác dụng gì?

**Ghi nhớ**

Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,.. làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

II-CÁC LỐI CHƠI CHỮ

Ngoài lối chơi chữ như đã dẫn ở mục I, còn có những lối chơi chữ khác. Em hãy chỉ rõ lối chơi chữ trong những câu dưới đây:

1. Sánh với Na-va “ranh tướng” Pháp

Tiếng tăm lồng lặc ở Đông Dương

1. Mênh mông muôn mẫu một màu mưa

Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ.

1. Con cá đối bỏ trong cối đá,

Con mèo cái nằm trên mái kèo,

Trách cha mẹ em nghèo, anh nỡ phụ duyên em.

1. Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,

Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.

Mời cô mời bác ăn cùng,

Sầu riêng mà hóa vui chung trăm nhà.

**Ghi nhớ:**

+ Các lối chơi chữ thường gặp là:

-Dùng từ ngữ đồng âm;

-Dùng lối nói trại âm (gần âm);

-Dùng các điệp âm;

-Dùng lối nói lái;

-Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.

+ Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố, …

III- LUYỆN TẬP

1. Đọc bài thơ dưới đây và cho biết tác giả đã dùng những từ ngữ nào để chơi chữ:

*Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà!*

*Rắn đầu biếng học quyết không tha*

*Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,*

*Nay thét, mai gầm rát cổ cha.*

*Ráo mép chỉ quen tuồng lếu láo,*

*Lằn lưng chẳng khỏi vết roi da.*

*Từ nay Trâu Lỗ xin siêng học,*

*Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia!*

(Lê Quý Đôn)

1. Mỗi câu sau đây có những tiếng nào chỉ sự vật gần gũi nhau? Cách nói này có phải là chơi chữ không?

- *Trời mưa đất thịt đường trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.*

- *Bà đồ Nứa, đi võng đòn tre, đến khóm trúc, thở dài hi hóp.*

Giải nghĩa:

-Trâu, Lỗ là trên nước, quê hương của Mạnh Tử và Khổng Tử.

3. Sưu tầm một số cách chơi chữ trong sách báo (Báo *Hoa học trò, Thiếu niên Tiền phong, Văn nghệ, … ).*

4. Năm 1946, bà Hằng Phương biếu Bác Hồ một gói cam, Bác Hồ đã làm một bài thơ tỏ lòng cảm ơn như sau:

"*Cảm ơn bà biếu gói cam*

*Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?*

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

*Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai.* "

Trong bài thơ này, Bác Hồ đã dùng lối chơi chữ như thế nào?

ĐỌC THÊM

Một hôm Trạng Quỳnh dân lên chúa Trịng một lọ thức ăn, bên ngoài có ghi hai chữ *đại phong.* Chúa không hiểu là món gì, hỏi Quỳnh, Quỳnh trả lời

-Bẩm, *đại phong* là giá to, gió to thì đổ chùa, đổ chùa thì tượng lo, *tượng lo* là *lọ tương.*

(Theo Lê Trung Hoa – Hồ Lê, Thú chơi chữ)

CHUẨN MỰC SỬ DỤNG TỪ

I - SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG ÂM, ĐÚNG CHÍNH TẢ

Các từ in đậm trong những câu sau dùng sai như thế nào?

* *Một số người sau một thời gian* ***dùi*** *đầu vào làm ăn, nay đã khấm khá.*
* *Em bé* ***đã tập*** *tẹ biết nói.*
* *Đó là những* ***khoảng khắc*** *sung sướng nhất trong đời em.*

II – SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG NGHĨA

Các từ in đậm trong những câu sau đây dùng sai như thế nào? Hãy thay những từ ấy bằng các từ thích hợp.

* *Đất nước ta ngày càng* ***sáng sủa****.*
* *Ông cha ta đã để lại cho chúng ta những câu tục ngữ* ***cao cả*** *để chúng ta vận dụng trong thực tế.*
* *Con người phải* ***biết*** *lương tâm.*

III – SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG TÍNH CHẤT NGỮ PHÁP CỦA TỪ

Các từ in đậm trong những câu sau đây dùng sai như thế nào? Hãy tìm cách chữa lại cho đúng.

* *Nước sơn làm cho đồ vật thêm* ***hào quang****.*
* ***Ăn mặc*** *của chị thật là giản dị.*
* *Bọn giặc đã chết với nhiều* ***thảm hại****: máu chảy thành sông ở Ninh Kiều, thây chất đầy nội ở Tụy Động, Trần Hiệp phải bêu đầu, Lí Khánh phải bỏ mạng.*
* *Đất nước phải giàu mạnh thực sự chứ không phải là sự* ***giả tạo phồn vinh****.*

IV – SỬ DỤNG TỪ ĐÚNG SẮC THÁI BIỂU CẢM, HỢP PHONG CÁCH

Các từ in đậm trong những câu sau đây sai như thế nào? Hãy tình những từ thích hợp để thay thế các từ đó.

* *Quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị* ***lãnh đạo*** *sang xâm lược nước ta.*
* *Con hổ dùng những cái vuốt nhọn hoắt cấu vào người, vào mặt Viên* [… ]. *Nhưng Viên vẫn rán sức quần nhau với* ***chú hổ****.*

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

V – KHÔNG LẠM DỤNG TỪ ĐỊA PHƯƠNG, TỪ HÁN VIỆT

Trong trường hợp nào thì không nên dùng từ địa phương? Tại sao không nên lạm dụng từ Hán Việt?

***Ghi nhớ***

*Khi sử dụng từ phải chú ý:*

* *Sử dụng từ đúng âm, đúng chính tả;*
* *Sử dụng từ đúng nghĩa;*
* *Sử dụng từ đúng tính chất ngữ pháp của từ;*
* *Sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm, hợp với tình huống giao tiếp;*
* *Không lạm dụng từ địa phương, từ Hán Việt.*

**ÔN TẬP VĂN BIỂU CẢM**

1. Đọc lại đoạn văn về hoa hải đường (Bài 5), về An Giang (Bài 6), bài Hoa học trò (Bài 6), bài Cây sấu Hà Nội (Bài 7), các đoạn văn biểu cảm (Bài 9), bài Cảm nghĩ về một bài ca dao (Bài 12) và các văn bản trữ tình khác, hãy cho biết văn miêu tả và văn biểu cảm khác nhau như thế nào/

2. Đọc bài Kẹo mầm (Bài 11), hãy cho biết văn biểu cảm khác văn tự sự ở điểm nào?

3. Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm đóng vai trò gì Chúng thực hiện nhiệm vụ biểu cảm như thế nào? Nêu ví dụ.

4. Cho một đề bài biểu cảm, chẳng hạn: Cảm nghĩ mùa xuân, em sẽ thực hiện bài làm qua những bước nào? Tìm ý và sắp xếp ý như thế nào?

5. Bài văn biểu cảm thường sử dụng những biện pháp tu từ nào? Người ta nói ngôn ngữ văn biểu cảm gần với thơ, em có đồng ý không? Vì sao?

**BÀI 15**

**Kết quả cần đạt**

+Thấy được nét đẹp riêng của Sài Gòn với thiên nhiên, khí hậu nhiệt đới và nhất là phong cách con người Sài Gòn. Nắm được nghệ thuật biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trong bài Sài Gòn tôi yêu. Cảm nhận được nét riêng của cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc, tình quê hương thắm thiết, sâu đậm và ngòi bút tài hoa, tinh tế của tác giả trong bài tùy bút Mùa xuân của tôi.

+Đánh giá được bài tập làm văn số 3 theo yêu cầu của bài văn biểu cảm.

+Rèn luyện kỹ năng sử dụng từ đúng chuẩn mực.

**VĂN BẢN**

SÀI GÒN TÔI YÊU

Sài Gòn vẫn trẻ. Tôi thì đương già. ***Ba trăm năm (1)*** so với năm ngàn năm tuổi của Đất nước thì cái đô thị này vẫn còn xuân chán. Sài Gòn cứ trẻ hoài như một cây tơ đương độ nõn nà, trên đà thay da, đổi thịt, miễn là cư dân ngày nay và cả ngày mai biết cách tưới tiêu, chăm bón, trên trọng giữ gìn cái đô thị ngọc ngà này.   
  
Sài Gòn không phụ ai hết! Người ta phụ Sài Gòn thì có! Không thể không yêu mảnh đất duyên dáng này được.

Tôi yêu Sài Gòn da diết như người đàn ông vẫn ôm ấp bóng dáng mối tình đầu chứa nhiều ngang trái. Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lộng gió nhớ thương, dưới những ***cây mưa (2)*** nhiệt đới bất ngờ. Tôi yêu thời tiết trái chứng với trời đang ***ui ui (3)*** buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh. Tôi yêu cả đêm khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm. Yêu cả cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch trên một số đường còn nhiều cây xanh che chở. Nếu cho là cường điệu, xin thưa:

*"Yêu nhau yêu cả đường đi,   
Ghét nhau ghét cả* ***tông chi (4)*** *họ hàng"*

Ở trên đất địa này, không có người Bắc, không có người Trung, người Nam, người Hoa, người Khmer... mà chỉ toàn là người Sài Gòn cả. Sống lâu, sống quen một thời gian dài ở Sài Gòn, rồi cứ ngỡ là mình đã sinh ra ở đây và vô hình trung đã thừa nhận nơi là quê quán của mình. Sài Gòn bao giờ cũng dang hai cánh tay mở rộng mà đón nhiều người trăm nẻo đất nước kéo đến. Nếu siêng năng, chịu khó thì bạn sẽ được đãi ngộ thân tình như hàng triệu người khác.   
  
Cách ngày nay gần năm mươi năm, vào đây, được gần gũi với người Sài Gòn, tôi đã thấy phong cách ***bản địa (5)*** mang nhiều nét đặc trưng. Họ ăn nói tự nhiên, nhiều lúc ***hề hà (6),*** dễ dãi. Phần đông ít dàn dựng, tính toán. Người Sài Gòn cũng như phần lớn người Lục tỉnh, rất ***chơn thành (7),*** bộc trực.   
  
Các cô gái ***thị thiềng (8)*** lúc đó thì tóc buông thõng trên vai, trên lưng. Có khi tết bím. Đội ***nón vải*** ***(9)*** trắng, vành rộng, như nón ***Hướng đạo (10).*** Áo bà ba trắng, đính một túi nhỏ xíu duy nhất bên thân mặt áo. Quần đen rộng. Mang giày bố trắng (giày vải, giày Ba-ta) hay xăng-đan da. Có người đi guốc ***vông trơn (11)*** trắng nõn, quai da, dạng chiếc xuồng hay hình hộp ***cá mòi******(12).*** Dáng đi khỏe khoắn, mạnh dạn. Cái đẹp thật đơn sơ, đôn hậu. Cũng yểu điệu, thướt tha, nhưng theo cung cách ***Bến Nghé******(13).*** Cũng e thẹn, ngượng nghịu như vầng trăng mới ló, còn ngập ngừng giấu nửa vành sau áng mây. Nụ cười thiệt tình, tươi tắn và ít nhiều thơ ngây.   
  
Bấy giờ, khi chào người lớn, các cô ấy (trước 45) cúi đầu, chắp hai bàn tay lại ***và xá (14).***.. Gặp trang lứa bạn bè thì hơi cúi đầu và cười. Cười ngậm miệng, cười chúm chím, cười mím chi, cười mủm mỉm, cười he hé, chỉ để lộ vài cái răng hay lộ cả hàm, tùy theo mức độ thân quen. Đặc biệt là cặp mắt sáng rỡ, nhí nhảnh, đôi lúc lại ánh lên vài tia hóm hỉnh.   
  
Tuy phong cách tiếp cận người quen hay khách lạ có vẻ hơi "cổ xưa" nhưng lại rõ ràng dân chủ. Không có tư thế khúm núm hay màu mè. Không một chút ***mặc cảm (15),*** ***tự ti (16).***..   
  
Tuy nhiên, đến những hồi nghiêm trọng và sôi sục nhất của đất nước, thì các cô gái ấy cũng như các chàng trai và các giới đồng bào của Sài Gòn bất khuất, không chút do dự, dấn thân vào khó khăn, nguy hiểm và có khi hy sinh cả tánh mạng, xuyên suốt ba chục năm từ 1945 đến 1975....   
  
Rõ ràng miền Nam là đất lành. Xưa kia, chim chóc ở đây nhiều vô số kể. Riêng miền Đông cũng lắm. Trong rừng già, rừng thứ sinh, rừng chồi, rừng sác, trên trảng cỏ và cả ở trong vườn, ngoài ruộng, trên bờ sông. Gầm ghì, cu xanh Phước Thái (Long Thành). Mỏ nhát, đa đa Bà Rịa, Long Hải... Miền Tây, đủ chủng loại. Võ vẽ, ốc cao, le le, bồng bồng, gà nước, cúm núm, vịt trời, trích, quốc... chim quí hiếm: sếu cổ đỏ Tam Nông, Đồng Tháp, Long Xuyên và những vườn nhung nhúc cò, quắm, vạc, diệc, cù đèn, già đẫy, nhan sen, cồng cộc Minh Hải, Đồng Tháp....   
  
Miền Nam là *đất lành* thì Sài Gòn, đứng ở góc độ mà xem xét, cũng là một *đô thị hiền hòa*. Sài Gòn ngày nay cũng rất ít chim. Đến mùa, một ít nhạn, én bay về trú đống, dưới cái mái nhà cao tầng, mái đình, mái chùa. Thỉnh thảng mới thấy vài chị quạ, chị sáo, vài chị vành khuyên, ***sắc ô (17),*** ***áo già (18).***.. Nhiều nhất là họ hàng se sẻ mà bây giờ cũng thấy thưa thớt dần. Trước kia, rất nhiều, cả cò, cả vạc xổng lồng trong ***Sở thú******(19)*** bay ra làm tổ trên mấy ngọn cây dầu, cây sao cao ngất với các chị cu gáy, chị quạ, chị sáo. Những nòng súng hơi ác độc của những người vô trách nhiệm với môi trường sống và chẳng thèm đếm xỉa đến pháp luật đương bảo vệ thiên nhiên, đang bắn giết chim và dơi của thành phố.   
  
Thành phố hiếm hoi chim chóc. Thì đã có người. Sài Gòn rộng mở và hào phóng là nơi rất thuận lợi cho người ***tứ xứ (20)*** đến đây sinh sống. Ngày nay đã leo lên hơn năm triệu.   
  
Vậy đó mà tôi yêu Sài Gòn và yêu cả con người ở đây. Một mối tình dai dẳng, bền chặt. Thương mến bao nhiêu cũng không uổng công, hoài của. Tôi ước mong mọi người, nhất là các bạn trẻ, đều yêu Sài Gòn như tôi.

Chú thích:

1. Ba trăm năm: tính từ thởi điểm thành lập phủ Gia Định dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, năm 1697. Thành Gia Định sau trở thành Thành phố Sài Gòn, thủ phủ của xứ Nam Kì. Sau tháng 4/1975, Sài Gòn mang tên là Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cây mưa: trận mưa lớn, nhanh và kéo dài.
3. Ui ui (từ địa phương): thời tiết không nắng hoặc nắng dịu, nhưng oi oi khó chịu.
4. Tông chi: các chi trong một họ, cũng chỉ chung họ hàng.
5. Bản địa: bản thân địa phương được nói đến.
6. Hề hà (từ địa phương): dễ dãi và vui vẻ.
7. Chơn thành: chân thành.
8. Thị thiềng: thị thành.
9. Nón vải: mũ may bằng vãi.
10. Hướng đạo: một tổ chức tập hợp thiếu niên, thanh niên học sinh dưới thời thuộc Pháp để vui chơi và rèn luyện. Các hướng đạo sinh khi tham dự các hoạt động của đoàn hướng đạo phải mặc đồng phục có mũ vải mềm rộng vành.
11. Guốc vông trơn: guỗi đẽo bằng loại gỗ vông xốp và nhẹ, để mộc không sơn.
12. Cá mòi: cá biển nhỏ, thân dẹp. Cá mòi thường được đóng hộp làm thực phẩm, hộp cá mòi hình bầu dục và dẹt.
13. Bến Nghé: tên cũ sông Sài Gòn. Cũng dùng để gọi thành Gia Định xưa, hay vùng Sài Gòn.
14. Xá: vái (chắp tay giơ lên hạ xuống, đồng thời cuối đầu, để tỏ lòng cung kính).
15. Mặc cảm: thầm nghĩ rằng mình không bằng người khác và cảm thấy buồn.
16. Tự ti: tự đánh giá mình thấp kém, thiếu tự tin.
17. Sắc ô: loài chim có lông màu đen.
18. Áo già: loài chim có lông màu nâu đậm.
19. Sở thú: vườn bách thú ở Sài Gòn, còn gọi là thảo cầm viên.
20. Tứ xư: bốn phương, mọi nơi.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Tác giả cảm nhận Sài Gòn về những phương diện nào? Dựa vào mạch cảm xúc và suy nghĩ của tác giả, hãy tìm bố cục của bài văn.
2. Trong phần đầu bài (từ đầu đến “hành triệu người khác”) tác giả đã bày tỏ lòng yêu mến của mình với Sài Gòn qua những cảm nhận chung về thiên nhiên và cuộc sống ở nơi đây. Em hãy nêu lên:
3. Nét riêng biệt của thiên nhien, khí hậu Sài Gòn qua sự cảm nhận khá tinh tế của tác giả.
4. Tình cảm của tác giả với Sài Gòn được thể hiện như thế nào? Biện pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng để biểu hiện tình cảm của tác giả?
5. Trong phần thứ hai của bài (từ “Ở trên đất này” đến “từ 1945 đến 1975”) tác giả tập trung nói về nét nổi bật trong phong cách của người Sài Gòn. Nét đặc trưng của phong cách ấy là gì? Thái độ, tình cảm của tác giả đối với con người Sài Gòn được biểu hiện như thế nào?
6. Qua bài văn này, em cảm nhận được điều gì mới và sâu sắc về Sài Gòn cùng tình cảm với mảnh đất ấy của tác giả?

***Ghi nhớ***

Sài Gòn là thành phố trẻ trung, năng động, có nét hấp dẫn về thiên nhiên và khí hậu. Người Sài Gòn có phong cách cởi mở, bộc trực, chân tình và trọng đạo nghĩa. Bài văn thể hiện tình cảm sâu đậm của tác giả với Sài Gòn qua sự gắn bó lâu bền, am hiểu tường tận và cảm nhận tinh tế.

LUYỆN TẬP:

1. Em hãy tìm những bài viết về vẻ đẹp và những đặc sắc của quê hương em.
2. Viết một đoạn văn ngắn nói về tình cảm của mình với quê hương hay một vùng mà mình đã từng gắn bó.

**VĂN BẢN**

MÙA XUÂN CỦA TÔI

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được ***non (1)*** đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái ***còn son (2)*** nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.   
  
Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ***ngần (3)*** và tôi cũng xây mộng, ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.   
  
Mùa xuân của tôi - mùa xuân ***Bắc Việt*** ***(4),*** mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa ***riêu riêu (5),*** gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong ***đêm xanh (6),*** có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xam có câu hát ***huê tình (7)*** của cô gái đẹp như thơ mộng...   
  
Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất ***mang mang (8)*** như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một cái áo lông, ngậm một ***ống điếu (9),*** mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú ***giang hồ (10)*** êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống!   
  
Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong ***lộc (11)*** của loài nai, như mầm nôn của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái là nhỏ tí ti giơ tay vẫy những cặp ***uyên ương (12)*** đứng cạnh.   
  
Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa, mà cái rét ngọt ngào chứ không còn tê buốt căm căm nữa.   
  
Y như những con vật nằm thu mình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng "sống" lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.   
  
Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ***ra ràng (13)*** mở hội liên hoan.   
  
Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng. Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn ***còn phong (14),*** cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mát.   
  
Thường thường, vào khoảng đó trời đã ***hết nồm (15),*** mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu ***pha lê (16)*** mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lý, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve sầu mới lột.   
  
Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mắt như quạt vào lòng. Cánh màn ***điều (17)*** treo ở trước bàn thờ ***ông vải (18)*** đã hạ xuống từ hôm ***"hoá vàng"*** (19) và các trò vui ngày tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

(Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai,*

NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

**Chú thích:**

Vũ Bằng

1. Non: núi (với nghĩa khái quát và ít khi đứng độc lập, thường xuất hiện trong các từ ghép: núi non, non sông, non nước, … )
2. Còn son: còn trẻ, đã lập gia đình nhưng chưa có con.
3. Đôi mày ai như trăng mới in ngần: lấy ý từ câu thơ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều nói về vẻ đẹp thanh tân của người con gái (đôi lông mày thanh và cong như vầng trăng non đầu tháng).
4. Bắc Việt: vùng Bắc Bộ Việt Nam. Cũng dùng để chỉ miền Bắc nước ta theo cách gọi ở miền Nam, trong thời kì đất nước tạm bị chia cắt (1945 – 1975).
5. Riêu riêu (thường viết là riu riu): lửa cháy rất nhỏ và đều. Ở đây tác giả dùng để nói về mưa: mưa phùn, hạt nhỏ, đều và kéo dài.
6. Đêm xanh: đêm có trăng và bầu trời trong sáng, không có mây.
7. Huê tình (từ cũ): tình yêu trai gái.
8. Mang mang: rộng lớn, bao phủ khắp nơi.
9. Ống điếu: tẩm thuốc lá rời.
10. Giang hồ: chỉ cách sống xê dịch, nay đây mai đó một cách tự do.
11. Lộc: ở đay là sừng non mới nhú ra.
12. Uyên ương: loài chim cùng họ với vịt sống ở vùng nước, con đực và con cái không bao giờ rời nhau. Từ đó, “uyên ương” được dùng để ví von đôi lứa vợ chồng gắn bó, đẹp đôi.
13. Ra ràng (thường chỉ dùng để nói về chim): đủ lông cánh, bắt đầu có thể bay ra khỏi tổ. Ở đây tác giả dùng để nói về bướm, bướm non mới ra khỏi kén.
14. Nhụy vẫn còn phong: nhụy hoa vẫn còn chụm lại, chưa tách nở ra (phong: gói, bọc).
15. Nồm: trạng thái thời tiết ấm và ẩm ướt ở miền Bắc nước ta, vào dịp cuối đông đầu xuân.
16. Pha lê: loại thủy tinh đặc biệt, trong suốt và nặng hơn thủy tinh thường.
17. Điều: màu đỏ tươi, màn điều: tấm màng bằng vải đỏ tươi che trước bàn thờ.
18. Ông vải: tổ tiên.
19. Hóa vàng: đốt vàng mã. Theo tục lệ, ngày hóa vàng là ngày kết thúc việc cúng lễ trong dịp Tết, đem tất cả đồ vàng mã đã thờ ấy đi đốt.

**ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

1. Bài văn viết về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở đâu? Hoàn cảnh và tâm trạng của tác giả khi viết bài này.
2. Bài văn này có thể chia làm mấy đoạn? Nêu nội dung chính của mỗi đoạn và sự liên kết giữa các đoạn.
3. Đọc lại đoạn văn từ “Tôi yêu sông xanh, núi tím” đến “mở hội liên hoan” và cho biết:
4. Cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc đã được gợi tả như thế nào, qua những chi tiết nào?
5. Mùa xuân đã khơi dậy sức sống trong thiên nhiên và con người như thế nào? Những tình cảm gì trỗi dậy mạnh mẽ trong lòng tác giả khi mùa xuân đến?
6. Em có nhận xét gì về giọng điệu và ngôn ngữ của đoạn văn này?
7. Đọc lại đoạn văn từ “Đẹp quá đi” đến hết và tìm hiểu:
8. Không khí và cảnh sắc thiên nhiên từ sau ngày rằm tháng giêng qua sự miêu tả của tác giả.
9. Qua việc tái hiện những cảnh sắc và không khí ấy, tác giả đã thể hiện sự tinh tế, nhạy cảm trước thiên nhiên như thế nào?

5\*. Nêu cảm nhận của em về cảnh sắc mùa xuân miền Bắc qua ngòi bút tài hoa, tinh tế của tác giả.

Ghi nhớ:

Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê. Bài tùy bút đã biểu lộ chân thực và cụ thể tình quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả.

LUYỆN TẬP:

1. Đọc diễn cảm bài văn.
2. Sưu tầm và chép một số đoạn văn, câu thơ hay về mùa xuân.
3. Viết một đoạn văn diễn tả cảm xúc của em về một mùa trong năm ở quê hương hay nơi mình đang sống.

ĐỌC THÊM

XUÂN VỀ

Ðã thấy xuân về với gió đông  
Với trên màu má gái chưa chồng  
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm  
Ngước mắt nhìn giời đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe  
Mưa tạnh, trời quang, nắng mới hoe  
Lá nõn, nhành non ai tráng bạc  
Gió về từng trận gió bay đi

Thong thả nhân gian nghỉ việc đồng  
Lúa thì con gái mượt như nhung  
Ðầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng  
Ngào ngạt hương bay bướm vẽ vòng

Trên đường cát mịn một đôi cô  
Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa  
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc  
Tay lần tràng hạt, niệm nam mô.

1937

(*Nguyễn Bính*, trong *Tuyển tập Nguyễn Bính*,

NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ

1. Đọc các bài tập làm văn của em từ đầu năm đến nay. Ghi lại những từ em đã dùng sai (về âm, về chính tả, về nghĩa, về tính chất ngữ pháp và về sắc thái biểu cảm) và nêu cách sửa.

Mẫu:

|  |  |
| --- | --- |
| Từ dùng sau âm, sai chính tả,... | Cách sửa |
| tre trở | che chở |

1. Đọc bài tập làm văn của một bạn cùng lớp; nhận xét về các trường hợp dùng từ không đúng nghĩa, không đúng tính chất ngữ pháp, không đúng sắc thái biểu cảm và không hợp tình huống giaio tiếp trong bài làm của bạn.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Cần chú ý các điểm sau:

1. Em đã chọn để kể và miêu tả các chi tiết nào của người thân? Những chi tiết đó có giàu sức biểu cảm không?
2. Tự sự và miêu tả trong bài làm giúp cho việc biểu cảm có hiệu quả hay lấn át cảm xúc.
3. Các đoạn Mở bài, Kết bài có phù hợp với yêu cầu của bài văn biểu cảm không?
4. Em đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong bài văn biểu cảm như thế nào?
5. Sửa lỗi chính tả, từ vựng, ngữ pháp.

BÀI 16

Kết quả cần đạt

+ Bước đầu nắm được khái niệm tác phẩm trữ tình, thơ trữ tình và một số đặc điểm nghệ thuật chủ yếu của thơ trữ tình.

+ Củng cố những kiến thức cơ bản và một số kĩ năng đơn giản đã được cung cấp và rèn luyện qua việc học các bài ca dao trữ tình, thơ Đường, thơ trữ tình trung đại và hiện đại của Việt Nam.

+ Ôn lại có hệ thống, có trọng điểm các kiến thức phần Tiếng Việt.

+ Nắm vững các nội dung cơ bản của cả ba phần trong sách giáo khoa và biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá mới.

ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

1. Hãy nêu tên tác giả của những tác phẩm sau: Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Phò giá về kinh, Tiếng gà trưa, Cảnh khuya, Ngẫu nhiên viết nhân buổi tối mới về quê, Bạn đến chơi nhà, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra, Bài ca nhà tranh bị gió thu phá.
2. Hãy sắp xếp lại để tên tác phẩm khớp với nội dung tư tưởng, tình cảm được biểu hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Tác phẩm | Nội dung tư tưởng, tình cảm được biểu hiện |
| Bài ca nhà tranh bị gió thu phá  (Mao ốc vị thu phong sở phá ca) | Nhân cách thanh cao và sự giao hòa tuyệt đối với thiên nhiên |
| Qua Đèo Ngang | Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung lạc quan. |
| Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (Hồi hương ngẫu thư) | Tình cảm quê hương sâu lắng trong khoảnh khắc đêm vắng. |
| Sông núi nước Nam  (Nam quốc sơn Hà) | Tinh thần nhân đạo và lòng vị tha cao cả |
| Tiếng gà trưa | Nỗi nhớ thương quá khứ đi đôi với nỗi buồn đơn lẻ thầm lặnng giữa núi đèo hoang sơ |
| Bài ca Côn Sơn  (Côn Sơn ca) | Ý thức độc lập tự chủ và quyết tâm tiêu diệt địch. |
| Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh  (Tĩnh dạ tứ) | Tình cảm quê hương chân thành pha chút xót xa lúc trở về quê |
| Cảnh khuya | Tình cảm gia đình, quê hương qua những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ |

1. Hãy sắp xếp lại để tên tác phẩm (hoặc đoạn trích) khớp với thể thơ:

|  |  |
| --- | --- |
| Tác phẩm | Thể thơ |
| Sau phút chia li  (trích dịch Chinh phụ ngâm khúc) | Lục bát |
| Que Đèo Ngang | Tuyệt cú Đường luật |
| Bài ca Côn Sơn (Côn Sơn ca)  (trích dịch thơ) | Song thất lục bát |
| Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh  (Tĩnh dạ tứ) | Các thể thơ khác ngoài các loại trên |
| Sông núi nước Nam  (Nam quốc sơn hà) |  |

1. Hãy tìm những ý kiến mà em cho là không chính xác:
2. Đã là thơ thì nhất thiết chỉ được dùng phương thức biểu cảm.
3. Thơ trữ tình là một kiểu văn bản biểu cảm.
4. Ca dao trữ tình là một kiểu văn bản biểu cảm.
5. Tùy bút cũng là một kiểu văn bản biểu cảm.
6. Thơ trữ tình chỉ được dùng lối nói trực tiếp để biểu hiện tình cảm, cảm xúc.
7. Thơ trữ tình có thể biểu hiện gián tiếp tình cảm, cảm xúc qua kể chuyện, miêu tả và lập luận,..
8. Ngôn ngữ thơ trữ tình cần cô đọng, giàu hình ảnh gợi cảm.
9. Thơ trữ tình phải có cốt truyện hay và một hệ thống nhân vật đa dạng.
10. Thơ trữ tình phải có một hệ thống lập luận chặt chẽ.
11. Điền và chỗ trống trong những câu sau:
12. Khác với tác phẩm của các cá nhân, ca dao trữ tình (trước đây) là những bài thơ, câu thơ có tính chất … và …
13. Thể thơ được ca dao trữ tình sử dụng nhiều nhất là…
14. Một số thủ pháp nghệ thuật thường gặp trong ca dao trữ tình: …

Ghi nhớ

+ Tác phẩm trữ tình là văn bản biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trước cuộc sống. Thơ là thể loại văn học phù hợp để biểu hiện tình cảm, cảm xúc, tuy nhiên cũng có thơ tự sự, truyện thơ. Văn xuôi phù hợp với kể chuyện, tuy nhiên cũng có thơ tự sự, truyện thơ. Văn xuôi phù hợp với kể truyện, tuy nhiên cũng có những loại văn xuôi trữ tình hoặc mang nặng tính chất trữ tình như tùy bút.

+ Ca dao trữ tình là loại thơ biểu hiện những tình cảm, nguyện vọng tha thiết và chính đáng, vốn được lưu hành trong dân gian. Thơ của thi nhân biểu hiện tình cảm cá nhân song ở những bài thơ có giá trị, tình cảm của tác giả bao giờ cũng có tính chất đại diện cho những tình cảm tiến bộ, mang màu sắc nhân bản đậm nét: tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình, tình bạn, tình yêu, …

+ Tình cảm, cảm xúc có khi được biểu hiện một cách trực tiếp song thường được biểu hiện một cách gián tiếp. Phân tích, bình giá và thưởng thức thơ trữ tình không được thoát li văn bản song không thể chỉ dừng ở bề mặt của ngôn từ văn bản. Phải thông qua ngôn từ giàu tính chất khơi gợi, những cảnh vật, sự việc được miêu tả, tường thuật, đôi khi qua cả những lập luận, … mà suy ngẫm mới đồng cảm được với tác giả và lĩnh hội được đúng và đầy đủ ý vị của bài thơ.

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Vẽ lại các sơ đồ dưới đây. Tìm ví dụ điền vào các ô trống.
2. Lập bảng so sánh quan hệ từ với danh từ, động tù, tính từ về ý nghĩa và chức năng.
3. Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt đã học:

Bạch (bạch cầu)

Bán (bức tượng bán thân)

Cô (cô độc)

Cư (cư trú)

Cửu (cửu chương)

Dạ (dạ hương, dạ hội)

Đại (đại hội, đại lộ)

Điền (điền chủ, công điền)

Hà (sơn hà)

Hậu (hậu vệ)

Hồi (hồi hương)

Hữu (hữu ích)

Lực (nhân lực)

Mộc (thảo mộc, mộc nhĩ)

Nguyệt (nguyệt thực)

Nhật (nhật kí)

Quốc (quốc ca)

Tam (tam giác)

Tâm (yên tâm)

Thảo (thảo nguyên)

Thiên (thiên niên kỉ)

Thiết (thiết giáp)

Thiếu (thiếu niên, thiếu thời)

Thôn (thôn xã, thôn nữ)

Thư (thư viện)

Tiền (tiền đạo)

Tiểu (tiểu đội)

Tiếu (tiếu lâm)

Vấn (vấn đáp)

KIỂM TRA TỔNG KẾT CUỐI HỌC KÌ I

I- NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý

Bài kiểm tra cuối học kì I nhằm tập trung đánh giá một cách toàn diện những kiến thức và kĩ năng đã học trong Ngữ văn 7, tập một theo tinh thần tích hợp. Như thế học sinh cần chú ý ôn tập cả ba phần: Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn để có thể vận dụng một cách tổng hợp trong một bài viết.

* 1. Về phần Văn:

Trọng tâm chương trình ngữ văn lớp 7 đã học – hiểu tác phẩm trữ tình và tác phẩm nghị luận dưới các hình thức thể loại khác nhau. Chương trình học kì I tập trung đọc – hiểu các tác phẩm trữ tình bao gồm: thơ ca dân gian, thơ trữ tình trung đại, thơ Đường, thơ và tùy bút hiện đại. Khi ôn tập, học sinh cần chú ý một số nội dung cơ bản sau đây:

* + 1. Nắm được đặc điểm thể loại các tác phẩm trữ tình đã học, cụ thể là:
* Đặc điểm ca cao, dân ca Việt Nam.
* Đặc điểm thơ trữ tình trung đại Việt Nam.
* Đặc điểm thể tùy bút.

Để nắm được các nội dung trên, học sinh chú ý đọc kỹ phần chú thích (\*) sau văn bản đầu tiên của mỗi thể loại, cụ thể là:

* Chú thích về ca dao, dân ca ở Bài 3.
* Chú thích về thơ trung đại ở Bài 5.
* Chú thích về tùy bút ở Bài 14.

…

* + 1. Nắm được nội dung cụ thể và vẻ đẹp của các tác phẩm trữ tình đã học trong chương trình:
* Trước hết là nội dung của những bài ca dao theo bốn chủ đề chính:

+ Những câu ca dao về tình cảm gia đình ca ngợi công ơn sinh thành và nuôi dưỡng to lớn của cha mẹ.

+ Những câu ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người, ca ngợi những danh lam thắng cảnh, những vẻ đẹp cảu giang sơn gấm vóc, của những di tích lịch sử gắn chặt với đời sống tinh thần dân tộc…

+ Những câu hát than thân bộc lộ những nỗi lòng tê tái, nỗi khốn khổ, đắng cay, tủi nhục… của người lao động, đặc biệt là thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

+ Những câu hát châm biếm nhằm phê phán và chế giễu những thói hư tật xấu trong đời sống cộng đồng và bằng nghệ thuật trào lộng dân gian giản dị sâu sắc.

* Các bài thơ trữ tình trung đại Việt Nam có nội dung rất phong phú, nhưng vẫn tập trung vào hai chủ đề lớn là tinh thần yêu nước và tình cảm nhân đạo.

+ Tinh thần yêu nước chống xâm lăng, lòng tự hào dân tộc và tình yêu nước sống thanh bình được thể hiện rõ nét ở các bài thơ như Sông núi nước Nam, Phò giá về kinh, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra, …

+ Tình cảm nhân đạo thể hiện ở tiếng nói phê phán chiến tranh phi nghĩa đã tạo nên các cuộc chia li đầy sầu hận (Chinh phụ ngâm khúc); ở tiếng lòng xót xa cho thân phận long đong “bảy nổi, ba chìm” mà vẫn trong trắng, sắt son của người phụ nữ (Bánh trôi nước); ở tâm trạng ngậm ngùi, da diết nhớ về một thuở vàng son đã mất của Bà Huyện Thanh Quan (Qua Đèo Ngang) …

* Các bài thơ trữ tình hiện đại như Cảnh khuya, Rằm tháng giêng (Hồ Chí Minh), Tiếng trưa (Xuân Quỳnh), bên cạnh các bài tùy bút giàu chất thơ như Một thứ quả của lúa non: Cốm (Thạch Lam), Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng), … tuy mỗi bài mỗi vẻ nhưng đều có chung một điểm, đó là tình yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống bình thường, giản dị mà rất đỗi diệu kì.
* Ba tác giả thơ Đường được học trong Ngữ văn 7, tập một là Lí Bạch, Đỗ Phủ và Hạ Tri Chương. Những bài thơ của tác giả này ca ngợi vẻ đẹp và tình yêu thiên nhiên (Xa ngắm thác núi Lư), lòng yêu quê hương sâu đậm, da diết (Cảm nghĩ trong đêm thanh bình, Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê), và tình cảm thân ái, vị tha vì con người (Bài ca nàh tranh bị gió thu phá).
  + 1. Nắm được biểu hiện cụ thể của các đặc điểm thể loại ở các tác phẩm trữ tình đã học (cách thức trữ tình, vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, vai trò và tác dụng của các biện pháp tu từ trong các tác phẩm trữ tình, … ). Từ đó có thể phân biệt được ca dao và thơ lục bát, thơ Đường và thơ hiện đại, thơ Đườn và tho Đường luật, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm qua một số tác phẩm đã học; trả lời được tại sao tùy bút lại có thể coi là tác phẩm trữ tình…   
       d) Ngoài trọng tâm là các tác phẩm trữ tình đã nêu, cũng cần chú ý đọc – hiểu một vài văn bản nhật dụng; nắm được nội dung và ý nghĩa của các văn bản này:
* Vai trò và tầm quan trọng của nhà trường qua văn bản Cổng trường mở ra.
* Tình cảm và tấm lòng người mẹ qua văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê.
  1. Về phần Tiếng Việt:

Phần Tiếng Việt ở Ngữ văn 7, tập một có mấy yêu cầu chính đối với học sinh như sau:

1. Nhận diện được:

* Từ ghép, từ láy, đại từ, từ Hán Việt, quan hệ từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm;
* Thành ngữ;
* Các biện pháp điệp ngữ, chơi chữ.

1. Biết vận dụng các kiến thức Tiếng Việt khi nói, viết và khi đọc – hiểu các văn bản chung ở phần Văn.
   1. Về phần Tập làm văn.

Trọng tâm của chương trình Tập làm văn trong Ngữ văn 7, tập một là văn bản biểu cảm. Học sinh cần chú ý để nắm được các nội dung chủ yếu sau đây

1. Tìm hiểu chung về văn bản biểu cảm, cụ thể là:

* Thế nào là biểu cảm? Nhu cầu và mục đích của biểu cảm.
* Đặc điểm của văn biểu cảm.
* Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản biểu cảm.
* Tình cảm trong văn bản biểu cảm.

1. Biết cách làm một bài văn biểu cảm

* Các dạng lập ý cho bài văn biểu cảm.
* Cách làm văn bản biểu cảm.
* Viết bài văn biểu cảm về sự vật, con người.
* Viết bài biểu cảm về một tác phẩm văn học.

II-VỀ CÁCH ÔN TẬP VÀ HƯỚNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Chương trình Ngữ văn được xây dựng theo tinh thần tích hợp, vì thế khi ôn tập, học sinh cần chú ý:

* 1. Các kiến thức về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn đều dựa vào cùng một hệ thống văn bản chung để khai thác và hình thành. Khi học ôn cần liên hệ và gắn các kiến thức của mỗi phần với các văn bản chung có trong sách giáo khoa.
  2. Do yêu cầi đổi mới đánh giá, bài kiểm tra áp dụng một phần hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Phần trắc nghiệm sẽ kiểm tra một cách tổng hợp trên một diện khá rộng các kiến thức đã học, vì thế không nên học tủ, học lệch mà phải học ôn toàn diện, đầy đủ.
  3. Cấu trúc một bài kiểm tra thường gồm hai phần: phần trắc nghiệm chiếm 50% tổng số điểm (khoảng 10 câu) nhằm kiểm tra các kiến thức về đọc – hiểu, về tiếng Việt; phần tự luận chiếm 50% số điểm, nhằm kiểm tra kiến thức và kĩ năng tập làm văn qua việc thực hành viết một bài văn ngắn.
  4. Học sinh có thể tham khảo đề kiểm tra sau đây:

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian chép hoặc giao đề)

Đề bài (gồm 2 phần)

Phần I: Trắc nghiệm (10 câu, mỗi câu đúng được 0. 5 điểm, tổng số là 5 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn và các câu hỏi, sau đó trả lời bằn cách lựa chọn câu trả lời đúng nhất.

Mùa xuân của tôi

Chép bài vô

1. Đoạn văn Mùa xuân của tôi được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?
2. Miêu tả.
3. Biểu cảm.
4. Tự sự.
5. Nghị luận.
6. Tác giả đoạn văn Mùa Xuân của tôi là ai?
7. Vũ Bằng.
8. Thạch Lam.
9. Xuân Quỳnh.
10. Nguyễn Tuân.
11. Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mếm của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội.
12. Mùa xuân của tôi [… ] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [… ].
13. Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mếm.
14. [… ] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [… ].
15. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [… ].
16. Trong đoạn văn Mùa xuân của tôi, tác giả đã dùng mấy từ láy?
17. Một.
18. Hai.
19. Ba.
20. Bốn.
21. Trong câu văn: “Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong [… ]”, từ phong có nghĩa gì?
22. Đẹp đẽ.
23. Cơn gió.
24. Bọc kín.
25. Oai phong.
26. Trong các từ sau, từ nào đồng nghĩa với từ thương mếm?
27. Kính trọng.
28. Yêu quý.
29. Gần gũi.
30. Nhớ nhung.
31. Trong đoạn văn Mùa Xuân của tôi, người viết sử dụng đại từ ngôi thứ mấy?
32. Ngôi thứ ba.
33. Ngôi thứ hai.
34. Ngôi thứ nhất số ít.
35. Ngôi thứ nhất số nhiều.
36. Dòng nào dưới đay không phải thành ngữ?
37. Nhà rách vách nát.
38. Nhai (Ăn) kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.
39. Lanh chanh như hành không muối.
40. Ếch ngồi đáy giếng.
41. Dòng nào dưới đây diễn đạt chính xác nội dung định nghĩa ca dao, dân ca?
42. Đó là những tác phẩm văn học truyền miệng.
43. Đó là những bài thơ được truyền tụng từ xưa đến nay.
44. Đó là những bài thơ – bài hát trữ tình dân gian.
45. Đó là những bản nhạc do nhân dân lao động sáng tạo nên.
46. Nhận xét nào đúng với bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan?
47. Đó là một bài thơ Đường.
48. Đó là một bài thơ tứ tuyệt.
49. Đó là một bài thơ nguyên văn chữ Hán.
50. Đó là một bài thơ làm theo thể Đường luật.

Phần II: Tự luận (5 điểm)

Có thể chọn một trong các đề sau đây:

Đề 1: Từ các bài thơ Bài ca Côn Sơn, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Xa ngắm thác núi Lư trong Ngữ văn 7, tập một, hãy phát biểu những suy nghĩ và tình cảm của em về niềm vui được sống giữa tình yêu giữa thiên nhiên.

Đề 2: Từ trong văn bản Mẹ tôi, Những câu hát về tình cảm gia đình, Bạn đến chơi nhà trong Ngữ văn 7, tập một, hãy phát biểu những suy nghĩ và tình cảm của em về hạnh phúc được sống giữa tình yêu của mọi người.

Đề 3: Từ các văn bản Cổng trường mở ra, Cuộc chia tay của những con búp bê trong Ngữ văn 7, tập một, hãy tâm sự về niềm vui, nỗi buồn tuổi thơ hoặc tình cảm với một đồ chơi thuở nhỏ.

BÀI 17

Kết quả cần đạt

+ Củng cố những kiến thức cơ bản và một số kĩ năng đã được cung cấp và rèn luyện qua việc học các tác phẩm trữ tình nói chung.

+ Ôn lại có hệ thống, có trọng điểm các kiến thức phần Tiếng Việt.

+ Tiếp tục khắc phục những lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương tạo nên.

ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH (tiếp theo)

LUYỆN TẬP

* 1. Nguyễn Trãi có những câu thơ sau:
* Suốt ngày ôm nỗi tương tư

Đêm lạnh quàng chăn ngủ chẳng yên.

* Bui một tấc lòng ưu ái cũ

Đêm ngày cuồn cuộn trước triều đông.

Em hãy nói rõ nội dung trữ tình và hình thức thể hiện của những câu thơ đó.

* 1. So sánh tình huống thể hiện tình yêu quê hương và cách thể hiện tình cảm đó qua hai bài thơ Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh và Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê.
  2. \* So sánh bài Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều (phần Đọc thêm, Bài 9) với bài Rằm tháng giêng về hai vấn đề: cảnh vật được miêu tả và tình cảm được thể hiện.
  3. Đọc kĩ lại ba bài tùy bút trong bài 14, 15. Hãy lựa chọn những câu văn mà em cho là đúng:

1. Tùy bút có nhân vật và cốt truyện.
2. Tùy bút không có cốt truyện và có thể không có nhân vật.
3. Tùy bút sử dụng nhiều phương thức (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, lập luận) nhưng biểu cảm là phương thức chủ yếu.
4. Tùy bút thuộc loại tự sự.
5. Tùy bút có những yếu tố gần với tự sự nhưng chủ yếu thuộc loại trữ tình.

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT (tiếp theo)

1. Thế nào là từ đồng nghĩa? Từ đồng nghĩa có mấy loại? Tại sao có hiện tượng đồng nghĩa?
2. Thế nào là từ trái nghĩa?
3. Tìm một số từ đồng nghĩa và một số từ trái nghĩa với mỗi từ: bé (về mặt kích thước, khối lượng), thắng, chăm chỉ.
4. Thế nào là từ đồng âm? Phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa.
5. Thế nào là thành ngữ? Thành ngữ có thể giữ những chức vụ gì ở trong câu?
6. Tìm thành ngữ thuần Việt đồng nghĩa với mỗi thành ngữ Hán Việt sau:

* Bách chiến bách thắng.
* Bán tính bán nghi.
* Kim chi ngọc diệp.
* Khẩu Phật tâm xà.

Mẫu:

Độc nhất vô nhị: có một không hai.

1. Hãy thay thế những từ in đậm trong các câu sau đây bằng những thành ngữ có ý nghĩa tương đương.

* Bây giờ lão phải thẩn thơ giữa nơi đồng ruộng mênh mông và vắng lặng ngắm trăng suông, nhìn sương tỏa, nghe giun kêu dế khóc.
* Bác sĩ bảo bệnh tình của anh ấy nặng lắm. Nhưng phải cố gắng đến cùng, may có chút hi vọng.
* Thôi thì làm cha làm mẹ phải chịu trách nhiệm về hành động sai trái của con cái, tôi xin nhận lỗi với các bác vì đã không dạy bảo cháu đến nơi đến chốn.
* Ông ta giàu có, nhiều tiền bạc, trong nhà không thiếu thứ gì mà rất keo kiệt, chẳng giúp đỡ ai.

(Theo Đỗ Hữu Châu (Chủ biên),

Giải bài tập Tiếng Việt 7, tập hai)

1. Thế nào là điệp ngữ? Điệp ngữ có mấy dạng
2. Thế nào là chơi chữ? Hãy tìm một số ví dụ về các lối chơi chữ.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Phần Tiếng Việt)

RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ

I-NỘI DUNG LUYỆN TẬP

Tiếp tục làm các dạng bài tập khắc phục những lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương như ở lớp 6.

1. Đối với các tỉnh miền Bắc

Viết đúng tiếng có các phụ âm đầu dễ mắc lỗi, ví dụ: tr/ch; s/x; r/d/gi; l/n.

1. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam
2. Viết đúng tiếng có các phụ âm cuối dễ mắc lỗi, ví dụ: c/t; n/ng.
3. Viết đúng tiếng có các dấu thanh dễ mắc lỗi, ví dụ: dấu hỏi/ dẫu ngã.
4. Viết đúng tiếng có các nguyên âm dễ mắc lỗi, ví dụ: i/iê; o/ô.
5. Viết đúng tiếng có các phụ âm dễ mắc lỗi, ví dụ: v/d.

II-MỘT SỐ HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Viết những đoạn, bài chứac các âm, dấu thanh dễ mắc lỗi

Các dạng bài viết:

1. Nghe – viết một đoạn (bài) thơ hoặc văn xuôi có độ dài khoảng 100 chữ.
2. Nhớ - viết một đoạn (bài) thơ hoặc văn xuôi có độ dài khoảng 100 chữ.
3. Làm các bài tập chính tả:
4. Điền vào chỗ trống:

* Điền một chữ cái, một dấu thanh hoặc một vần vào chỗ trống, ví dụ:

+ Điền x hoặc s vào chỗ trống: … ử lí, … ử dụng, giả … ử, xét … ử.

+ Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã trên những chữ được in đậm: tiêu sử, tiêu trừ, tiêu thuyết, tuần tiêu.

* Điền một tiếng hoặc một từ chứa âm, vần dễ mắc lỗi vào chỗ trống, ví dụ:

+ Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống: (trung, chung) … sức, … thành, thủy …, … đại.

+ Điền các tiếng mãnh hoặc mảnh vào chổ thích hợp: mỏng …, dũng …, … liệt, … trăng.

1. Tìm theo yêu cầu:

* Tìm tên các sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất, ví dụ:

+ Tìm tên các loài cá bắt đầu bằng ch (cá chép) hoặc tr (cá trắm).

+ Tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái chứa tiếng có thanh hỏi (nghỉ ngơi) hoặc thanh ngã (suy nghĩ).

* Tìm từ hoặc cụm từ dựa theo nghĩa và đặc điểm ngữ âm đã cho sẵn, ví dụ tìm những tì chứa tiếng bắt đầu bằng r, d hoặc gi, có nghĩa như sau:

+ Không thật, vì được tạo ra một cách không tự nhiên.

+ Tàn ác, vô nhân đạo.

+ Dùng cử chỉ, ánh mắt làm dấu hiệu để báo cho người khác biết.

1. Đặt câu phân biệt các từ chứa những tiếng dễ lẫn, ví dụ:

+ Đặt câu với mỗi từ: giành, dành.

+ Đặt câu để phân biệt các từ: tắt, tắc.

3. Lập sổ tay chính tả.